

AN - LẠC

tạp chí ra ngày 1 và ngày 15

Tiếng nói của giới Tăng Sinh

Quản nhiệm

đại đức THÍCH-THÔNG-BỪU

Tòa soạn : Chùa Quán-thế-Âm 68 Nguyễn-Huệ Phú-nhận



hệ thống trị liệu của phật giáo

• T.T THÍCH MÃN GIÁC

những phương thuốc đối trị của P.G

• T.T THÍCH THIỆN HOA

nanh con heo

• Đ.Đ THÍCH THÔNG BỪU

văn hóa chính trị

• NGUYỄN ĐĂNG THỰC

các nhà thông thái đang cướp quyền

• NGUYỄN QUANG

lửa thiêng ngày 20-8

• TRỤ VŨ

mẹ đông phương

• THÙY DƯƠNG TỬ

sương á đông

• TRẦN TUẤN KIẾT

15.8.66

SỐ NÀY

Kỷ niệm : Ngày pháp nạn lần thứ nhất
tại VIỆT-NAM

- Ngày **20-8-1963**
- Ngày bạo quyền dẫm lên
TÍN NGƯỠNG
- Ngày các nhà chùa trên
toàn quốc **BỊ NIÊM PHONG**
- Ngày Tăng ni và Phật-Tử
ĐƯỢC Ở TÙ

Than ôi ! kẻ ác giờ ở đâu ?
 và ai là người thừa kế !

Hai mươi tháng tám sáu ba

Là ngày kỷ niệm chúng ta vào tù

*Ở tù vì tội **CHƠN TU**...*

HƯỚNG ĐI CỦA AN - LẠC

MÁU đã chảy và đang chảy. xương đã phơi và đang phơi. Giữa thời ly loạn, AN LẠC TẠP CHỈ ra đời, mỗi tiếng khóc hay cười của nó đều cầu mong khỏi lửa chóng tàn và cảnh huynh đệ tương tàn sớm chấm dứt.

An Lạc nguyện gánh đất ở núi tình thương lấp sông thù hận. Sông thù hận cạn, sông vị kỷ yên, thì nhân loại bớt nỗi phiền, bớt đắm chìm trong đau khổ.

An Lạc đi theo con đường phát huy Văn hóa đông tây kim cổ, không phân chia giai tầng sắc thái, hay đức tin; cổ xúy quốc túy, quốc hồn, đâu có một vài điểm, ngược với hiện tại nhưng không có tội với Vị lai và nhân loại.

An Lạc mong được đến hầu gần quý bậc hiền nhân tri thức, vinh hạnh được nằm trọn trong bàn tay của những bà mẹ hiền, chị thảo.

Đồng ước nguyện những tâm hồn mến yêu chúng sanh, khao khát nhân đạo, thích Chánh, chán Tà, cùng chung nhau, dựng xây và biến cõi Ta Bà trở thành AN LẠC.

HỆ THỐNG TRỊ LIỆU CỦA PHẬT-GIÁO

✧ THÍCH MÃN GIÁC

NHỮNG sách viết về Phật giáo của các nhà triết gia, tư tưởng gia và luân lý gia trên thế giới... cũng với các học giả và danh tiếng ở Âu châu, có thể tổ chức thành một thư viện lớn. Mỗi người đều có lăng kính riêng của mình để nhìn Phật giáo : tưởng chừng như có cả một vạn hoa kính (Kaléidoscope) soi vào Phật giáo; Nói một cách khác, có cả một vạn tám ngàn... cái máy camera thu Phật giáo vào ống kính... rồi lại chiếu ra . thu từ vạn nẻo, chiếu ra ngàn vạn hướng; thu vào dưới vạn «góc cạnh» chiếu ra thiên biến vạn hóa thành mười thành trăm vạn «góc cạnh» màu sắc và kích thước... khác nhau.

Chúng tôi là Phật tử đã nhiều năm nghiên cứu mà thật ra chỉ hiểu muôn một .. Trong những học giả văn thi nhân tôi đã đề cập, có nhiều người cho rằng Phật tử là một y sĩ lớn có một hệ thống trị liệu chúng sinh; Nói khác đi, Phật giáo là một phương pháp trị liệu cái khổ của chúng sinh. Nói thế, rồi họ nói rằng nhìn qua một lăng kính nào đó. Phật giáo là một khoa trị liệu, rồi họ lập luận theo hướng trí thức đó.

Mà nói cho đúng, chính đức Phật cũng từng đề cập đến màu sắc trị

liệu y học ấy. Mỗi lần Phật tử đề cập đến vấn đề cứu cánh của vũ trụ, đức Phật đều thoái thác và giữ thái độ dè dặt khi nói đến cứu cánh của vạn vật vậy.

Trong hàng đệ tử có nhiều người hỏi Phật về cứu cánh vũ trụ có phải là hư vô không, và linh hồn con người khi nhập niết bàn rồi sẽ biến hóa thành thực bản thể nào, thì đức Phật dùng phép tỷ dụ trong «mỹ từ pháp», văn chương mà trả lời rằng :

Ta hỏi : Nay nếu có một người bệnh thập tử nhất sinh, có kẻ đem thuốc lại cứu cho khỏi chết, người ấy có chịu uống ngay không, hay là còn dồng dài hỏi thuốc kia ở đâu mà có, thuốc kia làm bằng vật gì. Như Lai thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ, muốn ra tay tế độ cho siêu thoát, khác nào như kẻ cho thuốc người bệnh : bệnh nặng, thuốc sẵn, cứ việc uống còn hỏi gì».

Câu chuyện Đạo vừa trình bày, hồi nhỏ tôi được đọc trong Nam phong tạp chí của ông Phạm Quỳnh, mà ý nghĩa của câu chuyện đạo ấy, hình như nhà học giả Phạm Quỳnh đã mượn của nhà tư tưởng Oldenberg là người đã dày công nghiên cứu Phật giáo. Chúng ta không đọc nó trong Nam Phong tạp chí thì cũng đọc nó trong cuốn sách Phật giáo lược khảo sau đó đã in thành sách. Riêng đối với chúng tôi là người lâu năm sống trong thuyền môn, thì câu chuyện đạo ấy thuộc về những luận cứ căn bản và sơ đẳng, nhưng tôi cần nhắc đề quý vị nếu có thì giờ cũng nên tham khảo..

Đức Khổng Tử cũng vậy, bảy mươi hai môn sinh của Khổng giáo âm truyền mỗi khi hỏi người về cứu cánh của vạn vật, thì Người chỉ trả lời rằng nên lo chuyện trước mắt... Thừa quý vị câu chuyện cậu bé Hạng Thác cất vấn Khổng Khâu chỉ là câu chuyện ngày sau, Trang Tử, Liệt Tử bày ra để điều Vạn Thế Sư Biều mà thôi, hẳn là quý vị cũng thừa hiểu chuyện ấy.

Lại cũng trong tam tạng Kinh điển về vấn đề trị liệu cho chúng sinh, chúng tôi ngẫu nhiên có đọc câu chuyện đạo này... hình như cũng hàm chứa ý nghĩa ấy : « Có một người vào rừng bị một mũi

tên độc, nên vội vàng tìm đến một vị y sĩ để xin trị liệu. Vị y sĩ thay vì nhờ tên bó thuốc... Còn bỏ cả hăng giờ hăng khắc để hỏi lai lịch bệnh nhân, để hỏi hình dáng người dương cung nò, để hỏi hình thức mũi tên : làm bằng gỗ gì, dài ngắn thế nào... Kết quả của sự cầu thả và sự thiếu sáng suốt nên mũi tên đã giết người...không kịp chữa nữa— mà y sĩ thì đương lo những chuyện trừu tượng đầu đầu...

Nếu tôi không lầm thì hiện thời giữa thế kỷ thứ hai mươi, trên đất nước Việt Nam, tại nơi này, từ vĩ tuyến 17 trở vào đến mũi Cà Mau, dưới hướng tinh thần Phật giáo đương đóng vai trò lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam chúng ta đương ở vào tình trạng một cơ thể bệnh hoạn chờ một phương trị liệu. Phật giáo không dài lời lý thuyết, Phật giáo chỉ đưa một vài khẩu hiệu tranh đấu bằng tinh thần đạo pháp rất ôn hòa, Phật giáo đề nghị một phương liệu trực tiếp – xin nói lại : trực tiếp giữa lúc các Chính quyền đã đọc diển văn rất nhiều. Giữa lúc hơn sáu chục Chính đảng và bao nhiêu hệ phái tôn giáo nói rất nhiều lý thuyết...

Giữa lúc các nước bạn xa gần đi lại rất nhiều, ngồi xung quanh rất nhiều bàn tròn thảo luận .. Ai cũng dùng rất nhiều thiện chí...

Nhưng, cái cơ thể đau thương của dân tộc Việt Nam đương đòi một phương thuốc trị liệu cấp bách... (chúng tôi sẽ xin trở lại vấn đề này). Bây giờ xin phép trở về vấn đề *nguyên lý* trị liệu-xin nói lại : nguyên lý trị liệu. Có nguyên lý trị liệu rồi mới có phương pháp trị liệu có phương pháp trị liệu rồi mới có kinh nghiệm trị liệu bắt nguồn từ bao nhiêu sự kiện trị liệu. Đức Thế Tôn là người đưa phương trị liệu cho cá nhân, cho đoàn thể cho toàn diện chúng sinh từ mấy ngàn năm, từ ngày Ngài vượt ra khỏi cung vàng điện ngọc đầy sự hoan lạc của trần gian để đem áp dụng trị liệu cho chúng sinh. Khi vua cha Tịnh Phạn dự định xây cất cho Thái tử Tất Đạt Đa một ngôi chùa trong chốn hoàng cung để Thái tử có thể tu theo ý Thái tử, thì Thái tử trả lời rằng tu mà sống trong cung điện thì chỉ là một nhà tu Vương giả và tu... duy kỷ... Thái tử không phải chỉ tu riêng cho chính mình mà là tu chung cho toàn chúng sanh-nếu có thể nói thế. Thưa quý vị

phương pháp trị liệu của Phật Tồ phát sinh từ ý tưởng ấy, và lý do tồn tại của Phật giáo cũng là ở đó... Quả tình nếu Ngài chỉ muốn tu riêng cho Ngài thì một ngôi chùa nằm giữa cành vàng lá ngọc là đủ. Truyền thống ấy hiện ra từ khi Ngài vượt ra khỏi chốn Vương giả; truyền thống ấy tiếp tục qua bao nhiêu là giai đoạn lịch sử; truyền thống ấy trường thành ở đời Lý đời Trần trong lịch sử Việt Nam, và còn trường thành, vẫn trường thành hiện thời,... ở đây, trước mắt chúng ta... Nói một cách khác: Phật tồ có mặt tại nơi này. Phương thuốc trị liệu đang được áp dụng cho dân tộc Việt Nam đó... Tu riêng thì ai lo giải thoát này, vấn đề có gì dễ đặt ra nữa đâu ! Không lúc nào lời dạy của Phật tồ có giá trị như lúc này; không lúc nào phương thuốc trị liệu của Phật giáo cần thiết cấp bách như lúc này.

Nhưng xin phép trở lại vấn đề nguyên lý như tôi đã nói :

Một hôm Ngài An Nan hầu Phật đi ngang qua một cánh rừng. Rừng đầy bóng mát và gió mát, Đức Phật bảo cả đoàn dừng chân để nghỉ. Ngồi trên lá đức Phật đưa tay nắm một nắm lá trong tay rồi hỏi Ngài A Nan :

— Này A Nan ! Lá trong tay Thế tôn nhiều hay lá trong rừng nhiều ?

Ngài A Nan trả lời :

— Bạch Thế tôn: lá trong rừng nhiều.

Phật tồ gật đầu đồng ý :

— Này A Nan ! Đúng như thế ! Lá trong rừng nhiều vô số và lá ấy giống như trí tuệ của ta, khó bề *suy nghĩ và tính toán kịp*.

Tất cả căn bản yếu lý của Phật giáo chứa trong lời dạy của Phật tồ. Tất cả nguyên lý siêu hình của vạn pháp đều chứa trong mẫu chuyện đạo ấy. Tất cả nguyên một lý trị liệu cái *Khổ* của toàn chúng sinh nằm trong mẫu chuyện Đạo ấy. Đấng Thế Tôn giác được chân lý tuyệt đối ấy làm *lý trị liệu khổ* — căn bản của toàn chúng sinh. Đứng trên phương diện *danh từ* được coi như là phương tiện thể hiện và chuyên chở tư tưởng của loài người, Chân lý ấy có một nghĩa tượng trưng rất phong

phú. Nghĩa tượng *trung* ấy chỉ có *một* mà lại là *vô số* vô số mà lại chỉ có *một*.

Lá trong nắm tay là lá hữu hạn, lá ấy hình dung tính chất *hữu hạn* (le fini) của vạn vật, của vạn pháp, tính chất *vô thường* của vũ trụ có sinh diệt. Áp dụng vào nhân sinh, *biến hóa* và *sinh diệt* gây đau thương cho con người. Do đó Ngài A Nan hình như nói một lẽ dĩ nhiên : lá trong rừng thì dĩ nhiên là nhiều mà lá trong tay thì cố nhiên phải ít. Nhưng A Nan đã dùng *ngón* *ngũ* hữu hạn để hình dung cái vô biên và vô hạn, «Danh khả danh, phi thường danh» đúng như trong Đạo Đức Kinh. Nhưng Đức Thế Tôn đã bỏ túc bằng ý của Ngài : Sự bỏ túc có hai tác dụng, một là nói cho đúng ý của Ngài A Nan hai là thể hiện ý của đấng Thế Tôn và của Ngài A Nan. Vậy thì lá trong rừng là nhiều, trái lại hình dung được sự vô cùng và vô biên vì không ai đếm được lá trong rừng, nhưng người ta đếm được lá trong tay. Và Đức Thế Tôn dạy thêm : lá trong rừng giống như trí tuệ của Ngài, không dùng cái *lý* *trí* thường, cái quan niệm thường của sự *thông minh* thường, của con người thường, mà lãnh hội.

Muốn *ngộ* được *Trí* (Trí đây là tâm) phải theo con đường tu hành như những yếu cương sơ đẳng của Phật giáo đã dạy. Đấng toàn giác là Phật tổ đã dùng «á trong rừng» để tượng trưng cho Trí của Ngài.

Nói rộng ra nữa «lá trong rừng» của Đức Phật tức là *tri* của Ngài là cái *lẽ bất nhị* của Phật giáo Thiền Tông, là *Lý* trong *Lý nhất Quán* của Đức Khổng Tử, là *lý Đắc Nhất* của Lão giáo, là *Vô vị* và vô danh của Trang Tử, Liệt Tử, là Nicht của Heidegger, là Universal Reason của Hegel (Universal Reason chứ không phải là Absolute idea vì lý tính phổ biến mới là cứu cánh của vũ trụ)

Đã có nhiều học giả văn nhân Việt Nam theo sự lập luận của Triết học Âu tây về Phật giáo nói rằng Phật giáo cách đây hai ba ngàn năm là một sự phản ứng chống lại Bà La Môn giáo. Lỗi lập luận này, theo *chỗ* *tôi* nghĩ có đúng một phần nào. Đề ra một bên bao nhiêu phương diện khác, chỉ nói về vấn đề *giải thoát* chúng ta thấy hệ thống giải thoát của Bà La Môn giáo thiếu phong phú. Các kinh Ưu Bà Na ít nói

đến những nguyên tắc Đạo đức dẫn đến giải thoát, chỉ chú trọng đến lễ *thánh tri* mà thôi. Vì vậy, sự giải thoát do Bà La Môn đề nghị mang cái nghĩa *siêu hình* nhiều hơn là đạo lý. Trái lại, sự giải thoát do Phật giáo đề nghị là đối tượng tu hành của tất cả chúng sinh không một hào ly phân biệt. Đức Phật bảo Ngài từ trước thì thành Phật trước mỗi cá nhân tu sau thì thành Phật sau. Tu làm sao ? Tu như thế nào ? Ngài lấy ngón tay Ngài chỉ mặt trăng. Thị giác của mỗi chúng ta đều có thể chiêm ngưỡng mặt trăng-còn ngón tay chỉ là ngón tay mà thôi. Tôi nghĩ rằng Đức Phật là người sáng suốt tuyệt đối vậy. Không như ở Bà La Môn giáo : cứ nghiên cứu qua Triết học Ấn Độ vào thời cổ cũng đủ biết sự giải thoát là một món đồ trang trí dùng riêng cho *tiền thánh* mà thôi. Nó không khác gì cái lễ tâm truyền của Nho giáo, Đức Khổng tử chỉ truyền riêng cho một số người đếm trên đầu ngón tay trong con số bảy mươi hai người môn đệ cao cấp của vạn thế sư biểu.

Ngày xưa Đức Phật trông khi phản ứng lại Bà La Môn giáo bác phái *thường thuyết* chủ trương tâm linh con người là một thực thể thường tịch tách rời ra khỏi vũ trụ, mà đồng thời cũng bác phái *Diệt thuyết* không có tín ngưỡng, chủ trương nhân sinh là *phi linh*, mỗi khi *diệt* là con người tuyệt đã rơi vào cõi hư vô..

Thuyết vô ngã và nghiệp báo nhờ sự phản ứng của Phật giáo đối với Bà La Môn giáo. mà ra đời, mang theo với nó có thuyết *luân hồi* vậy.

Và cùng với «lá trong rừng» của Đức Phật ra đời, phát sinh phương pháp trị liệu. Khổ là căn bản của chúng sinh. Từ địa hạt siêu hình học về vũ trụ, Đức Phật xây dựng một hệ thống giải thoát. Hệ thống giải thoát tự nó (intself) nó là một hệ thống đạo đức dạy con người, trị sự đau khổ cũng như thầy thuốc trị cơ thể từng dân tộc nói riêng và suy đến rộng thực thể cá biệt, là của mỗi cá nhân con người.

Đi đến *tri* là đi đến điểm cao nhất của luận lý nhà Phật. Danh từ luận lý đây là dùng theo nghĩa cực vi cực diệu là sự hòa đồng giữa tách thê và chủ thê, là sự nhất trí hóa, nhứt thê hóa mọi lẽ nhị nguyên sai biệt của vạn pháp... Lý *trung dung* của Khổng giáo cũng không nguyên bác hơn, cũng không vi tế hơn. Luân lý ở trình độ hiểu biết quán lệ, là một số nguyên tắc con người theo đề hóa với nhân

giới và tha nhân giới, luân lý ở trình độ cực vi là *hòa* là *đồng* với *khách* giới (đối với chủ giới) vậy. Đức Phật thường dạy : «Ta là Phật sẽ thành», chẳng phải Ngài «quảng cáo» cho vị thuốc bá bệnh bá trị của Ngài... mà là nói một chân lý dễ hiểu cho chúng sinh muốn theo phương pháp trị liệu tuyệt đối trừ khổ căn. Thầy Tử Tư nói rằng, Trung Dung là phép rất dễ mà không ai theo chẳng phải là hạ cái khó xuống hàng rất phổ biến, dễ cảm dỗ thiên hạ, nương vào đó hầu dạy một hệ thống siêu hình khó thờ nên dễ hiểu. Riêng Phật giáo sự có mặt trong giai đoạn lịch sử hiện thời cũng đương thể nghiệm một chân lý viết hoa trên hành trình của nó.

Trở về bình diện thiết thực và trực tiếp mà luận, thì dân tộc Việt Nam chúng ta đang trải qua một giai đoạn có thể nói rằng con số hai mươi mấy triệu đang bệnh hoạn và cần một **phương thuốc** trị liệu cấp bách...

Nhiều lý thuyết quá, nhiều danh từ quá, chỉ là làm cho *ngôn ngữ* mất thực chất nhân sinh, rồi không đi tới một kết quả nào. Các chính đảng và các đoàn thể của dân tộc chúng ta, thật không khác gì những bậc y sĩ chẩn mạch rồi, mà chưa bao giờ cho thuốc, chỉ để hết thì giờ vào lý thuyết và nghiên cứu trừu tượng... Phật giáo đat theo đúng đường lối bảo vệ Đạo pháp và trong ba năm đã là cái việc của *hằng thể kỷ lý thuyết*. Chuyện nó dĩ nhiên và hiển hiện ra đó, ai cũng ý thức được.

Trí của Đức Phật là cứu cánh của hệ thống trị liệu trong thời gian. Và tất cả *những* gì đã và đang làm, chỉ là sự thể hiện của một cái *lòng* của một sợi dây chuyền dài.

Phật giáo không bao giờ từ chối sứ mạng và trách nhiệm lịch sử. Đấng Đại giác ra đời để cứu độ chúng sinh bằng hệ thống trị liệu của Phật giáo.

Rừng nhiều lá, rừng gần... Đấng Đại giác dùng *trí* dạy chúng sinh và phương pháp trị liệu khổ căn của vạn vật, Ngài dạy cho chúng sinh đạt đến *trí*.

Và hôm nay, sống trong không khí đang cầu nguyện ánh sáng từ bi của con đường đạt đến trí, con đường ấy thực không xa.

THÍCH MÂN GIÁC

NANH

CON

HEO

HEO là giống tham ăn và ham ngủ nhất, ăn những thứ dơ bẩn, ngủ những nơi tối báy. Nhưng tối báy dơ bẩn gì mặc kệ, miễn cứ phì thân, phì da là được ai làm gì mặc kệ ai, chỉ biết ăn với ngủ, ngủ với ăn, dao phay kẻ cồ cũng chẳng lo, đợi lúc nước sôi đồ lên đầu mới vầy vùng kêu la ét ét...

Sao mà mầy ngu quá vậy hỏi heo ? Hóa công sinh nó ra làm chi cho nặng quả đất, mọi người phải bần mắt khi phải nhìn nó, nhìn một giống đại ngốc, nó ngốc còn hơn lũ trâu bò, nó quá ngu hơn lũ chó săn mèo cáo. Nó bần mắt đến nỗi, người ta không tìm thấy trên nét bút họa. Danh nó chường đến nỗi người ta không bao giờ được nghe trong văn điệu của **Thi nhân**. Thế mà có lắm người tôn thờ heo lên thành thần tượng và tin tưởng vị cứu tinh heo đến cuồng độ, nên họ đã đi sâu vào con đường tội ác. Họ đã giết hại bao nhiêu quân tử hiền nhân.

Họ đem heo đề họ lêu đời và nhác người, lêu cả những vị sự quan cao cấp đến cậu lính binh nhì họ quảng cáo cho mọi người tin tưởng họ nói rằng : Tụi mầy ơi ! Tao có thần phò trợ, tao sẽ làm, bá chủ hoàn cầu, sấm sét ta không chuyễn, súng đạn có nghĩa gì với tao. Trong số người được nghe quảng cáo cũng có một ít người ngớ ngẩn và ngu mê tin tưởng như lời. Thế là cái tên **Đệ Tử** của

thần heo được dịp làm mưa làm gió. Thật làm sao được bà con vì heo là giống ngu nhất, nó có thần phép gì, nếu nó có thần phép sao nó bị chết, nó đã không giữ được nó, thì nó là cứu tinh của ai được. Câu chuyện kể trên chắc độc giả cho chúng tôi châm biếm hoặc định dùng chuyện heo để làm trò tiêu lâm mà mai mỉa điều gì đây ? **KHÔNG ĐÁU !** Sự thật một trăm phần trăm, nó đã xảy ra lâu lắm rồi ! **KHÔNG !** mới đây mới toanh, còn nóng hổi, xảy ra ở đâu ? Ở bên Tàu như câu chuyện rắn nói tiếng người đã đăng ở **AN LẠC TẠP CHÍ** số I ư ? **KHÔNG !** Tại Việt Nam. Nhưng vì quý vị bận quá và không lưu ý đây thôi, chứ có xa xôi gì đâu !



Ngô Đình Diệm có tuyên truyền với dân em rằng hễ có đeo một nanh heo, súng bắn không chết, mọi người nữa nghi nữa ngờ Diệm ta định cho mọi người tin tưởng triệt để. Y tỏ chức một tên hầu cận cầm súng bắn y. Trong khi y hành lễ và phao tin rằng : bắn ba lần đạn không nổ tên hầu cận phát run đến lạy Tổng thống xin tha tội, đóng kịch vụ này hễ được hai phần ba số người tin tưởng. Nhưng tấn kịch ấy y thấy chưa có thể hầu hết vì còn bí mật ở trong dinh, hễ mới tỏ chức một cuộc kinh lý miền Cao Nguyên (Ban Mê Thuột) chuyển này hễ ta sẽ công khai cho toàn dân thấy hễ có chơn mạng để vương súng bắn không chết, và làm giao động giới thám tử, cùng một số người đối lập ; bắt buộc tất cả phải tin tưởng rằng : Tổng thống Ngô đình Diệm nhất định muôn năm vì chẳng những là một vị Chơn Vương mà lại còn được thần heo phò hộ, súng đạn kỳ nanh heo, nhưng hỏi ời ! Thoại kịch thanh toán nội bộ và lèn bịp dân đen một công hai việc ấy, chỉ che mắt một số ngốc mà thôi, những người có mắt bao giờ lại bị mù quáng và tin tưởng huyền hoặc ngông cuồng như thế.

Nhưng trong một nhà mười người mà hết tám người ngủ, thì người còn thức phải chờ đợi. Thế là nanh heo còn được làm mưa làm gió. Những bậc trí thức chơn tài bị chết vì nanh heo, các vị thiên cận và kém suy nghĩ, thì nhào vào hầu hạ làm tay sai, đồ đệ

cho nanh heo. Thế là các bậc hiền lương quân tử bị nanh heo hãm hại. Giáo Hội Hòa Hảo bị phân tán, bị giết hại cũng vì nanh heo. Đại đạo Tam kỳ Phổ độ điều đứng cũng vì nanh heo. Thiên chúa giáo Đức Giám Mục Lê hữu Từ đi sang Úc Đại Lợi tìm đất để chuẩn bị cứu con chiên, Linh Mục Huỳnh văn Cửa bị giam và bao nhiêu nhà truyền giáo khác bị điều linh cũng vì nanh heo. Nanh heo đã làm cho bao người điều đứng thì nanh heo có tha thứ cho khối người Tám mươi phần trăm được yên đâu ? Thế là Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni và Phật Tử bị nanh heo vịch cho như tử, lần lượt kẻ trước người sau sẵn sàng hy sinh vì đạo pháp. Nhưng cũng chưa đủ chưa vừa với nanh heo. Nanh heo quyết làm cho toàn thể phật giáo phải tận diệt.

Ngày 20 tháng 8 năm 1963 nó vịch tất cả vào tù. Ôi nanh heo sao mà linh nghiệm lắm vậy ! Các vị anh hùng nghe danh đều khiếp đảm các nhà Đạo đức thấy hấn đành chịu gục đầu, Không ! Nó chẳng có linh nghiệm gì cả. Tại vì bị một số người phò tá đua nịnh theo nanh heo. Tác oai, tác quái làm khổ lụy kẻ hiền lương, còn bậc quân tử hiền nhân nhận thấy chưa đến thời cơ và chưa đủ nhân duyên đành ngậm miệng đọc câu : *nhẫn nhục* có thể thôi chứ nó có linh nghiệm gì đâu. Còn tên đồ đệ của nanh heo thì cuồng tín ý y và ngóc ngác đại khởi tin theo, lời thầy Phù thủy nhất định nanh heo dạn bắn không chết.

NANH CON HEO

Tin tưởng vào vị thần heo nằm trước ngực, nên không kể gì ai cả, chẳng biết điều khôn lẽ đại, đi sâu vào đường tội lỗi chém giết người có công, dọa dẫm người vô tội. uống máu dân lành, khảo tra đảng phái và nhieu hại những bậc chơn tu, thực hiện những việc ngang ngược *Vô Thần* và *VÔ TỒ QUỐC*, vì chỉ có bọn người *Vô TỒ QUỐC* mới tiêu diệt các đảng phái Quốc gia chỉ có bọn *Vô Thần* mới đang tâm chà đạp lên Tôn Giáo.

Cụ DIỆM ƠI ! Nếu linh hồn cụ còn phảng phất đâu đây, có đọc được bài này mong cụ hãy biến thành Bài Hịch, và cụ nhớ học thuộc lòng câu trẻ nhỏ thường hát :

— *Gương XUA còn tỏ, — Mồ DIỆM ngon cỏ chưa xanh*

— Nếu cụ lỡ tái sanh chớ tin heo nanh, ám hại người lành và dẫm lên tin ngưỡng nhé cụ ! Nguy lắm cụ ạ, vay máu trả máu Nhất định là thế.

Nói đến đây có ai còn tin nanh heo là thần tượng nữa không ? chắc có một số ít người vẫn còn tin, bởi vì thuyết tuyên truyền của đám người tà đạo quá ăn sâu vào đầu óc và cộng thêm vào sự đóng kịch quan trọng hóa của các tên hồn quân tướng Ngốc nên nanh heo đã trở thành bảo vật vô giá, là thần hộ mạng, là bậc cứu tinh v.v..



Tin hay không tùy ý ! Riêng chúng tôi thì nhất quyết là nanh heo không thể linh thiêng như người ta tưởng, vì nếu nanh heo linh thiêng thì những loại kinh sách của Trang Lão và Không Tử phải đốt đi để người ta khỏi còn đọc những câu lười trôi lơng lơng thừa mà chẳng lọt...

Nếu nanh heo linh nghiệm thì thuyết cứu rỗi và sa đọa của chúa GIÊSU cũng vô ích Tam Tạng Giáo Lý và thuyết Nhân quả của Phật Giáo cũng bị vứt đi hay sao ?

Không !

Dù nanh heo có được những tay tà thuật phù thủy nào đó ếm độn phù chú và dụng tâm đến đâu đi nữa cũng không thể nào qua được lẽ phải của CHÂN LÝ và không bao giờ điều ác được tồn tại, kẻ gây NHÂN ÁC thế nào cũng phải thọ lãnh QUẢ ÁC. (Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa). Bằng chứng cho chúng ta thấy nếu người nào đeo nanh heo đạn bắn không chết thì hỏi tại sao ngày 1 tháng 11 năm 1963 NGÔ ĐÌNH DIỆM bị mấy viên đạn từ sau ót

gắm tới trước ngực. gục ngã trên thùng chiếc xe bít bùng, một cách đau buồn và thảm nảo ? Lúc ấy nanh heo ở đâu ? Qui vị còn tin nanh heo là thần tượng nữa không ? Và thuyết nanh heo có còn lừa bịp ai được nữa không ? . Chắc quí vị đồng ý với chúng tôi là không.

— Bá đạo nhất định phải tiêu tan.

— Tà đạo nhất định bị phi nhò.

— Chơn lý là chơn lý.

Không ai có thể làm mờ được chơn lý. Kể nào ngu xuẩn mới nghĩ đến chuyện nường tà thần cây nanh vút heo trâu, đề hồng làm bá chủ hoàn cầu, muốn thu hết không khí của hư không vào đây một túi, hoặc muốn mang bình Tần Gia từ tây sang Đông mở nút, thu hết không khí vào bình mà mang về. than ôi ! chỉ sợ bình kia tan vỡ, hoài công cho kẻ mang bình, chứ còn hư không vẫn là hư không, anh không có quyền chia hư không ra làm đôi : tôi cũng không được quyền giữ hư không một nửa, vì như thế hư không sẽ mất ý nghĩa thiêng liêng của hư không.

— Như thế thì nanh con heo, nanh con hồ hay nanh gì đi nữa cũng là bằng thừa; đối với tình thương và chân lý.

Kinh pháp cú đức Phật dạy rằng : «Heo kia tham ăn lại ham ngủ, người nào muốn thoát ly sanh tử, luân hồi, thì đừng ham ngủ và chớ tham ăn».

Bởi tham ăn mới gây cảnh huynh đệ tương tàn, vì ham ngủ nên khiến mình và mọi người chung quanh phải lăm than đau khổ, hoặc chịu nô lệ cơ hàn.

Chúng ta nguyện cùng nối gót quý bậc trí thức hiền nhân đập tan thuyết tà thần mà cứu dân cứu nước. Và viết bài này gởi đến ai nếu được giữ nanh con heo của cụ Diệm thì chớ có ý y dề rồi ngày kia ân hận, thì than ôi : lúc ấy chỉ kêu lên năm tiếng « ô hô ! ô hô tai!...»

CÁO LỜI

BÀI NGƯỜI MỸ vì một lý do đặc biệt, xin gác lại một kỳ

(A.L)

mẹ đông phương

○ thùy dương tử

Thức đi nghe lời mẹ đông - phương
tình thương của em
lời ru của mẹ
vườn xưa có em nằm trong nôi — có tôi nằm trong
nôi



Rồi mẹ khóc đời chúng ta
— anh có nghe tiếng khóc !
— em có nghe tiếng khóc !
mắt mẹ héo rồi không tìm ra nước mắt !

anh ở đâu ?
em ở đâu ?

sao cầm súng bắn tôi !
mẹ gục khóc vết thương nghìn đời lở loét
rừng đông - phương khô héo
mảnh vườn chung tan nát tình đau

người bạn đi — giọng máu cha truyền ta đây
người bạn đi — giọng máu mẹ truyền ta đây
cứ bạn đi cho thỏa điều mơ ước
cho mẹ nghìn đời nước nở thương đau

em có nghe không ?
anh có nghe không ?
rừng đông phương đẹp lắm
sao không về sao không về nghe lời mẹ ru ?

chính anh
 chính em
 chính tôi :
đã uống giọng sữa mẹ khi còn là đứa bé mới ra đời
bằng năm bằng tháng

mẹ nuôi anh
cha nuôi em nâng niu từng xiêu
nay em làm tên đao phủ
nay anh làm tên đao phủ

bắn tôi — bắn dân da vàng !
rồi em sẽ gục xuống
rồi anh sẽ gục xuống
mẹ khóc chúng ta — cha khóc chúng ta

tiếng « con » tự lòng phát
rồi héo hắt xương khô
mẹ là tình thương châu á
cha là tình thương châu á

anh cứ giết tôi đi để mơ những gì anh mơ
em cứ giết tôi đi để mơ những gì em mơ
tôi không là «tư bản»
tôi không là «vô sản»

tôi là tôi đi sản của mẹ cha
bằng tình thương thật sự—bằng hòa bình nở hoa
anh giết tôi tức là anh giết anh
em giết tôi tức là em giết em

hãy nhìn lại vườn xưa châu - á
niềm đau thương đất nước da vàng
ôi lắm than ! ôi lắm than !
người ta giết anh — người ta giết em người ta
giết tôi tự lòng châu - á

sao không về nghe lời mẹ dạy
sao không về nghe lời cha(1) ru
đề vườn xưa đơm bông dân tộc
đề đồng xanh thơm rạ ngày mùa

nhưng em ơi ! mười phương lửa trời nghi - ngút
mắt mẹ khô cần nhìn máu rỉ quê hương
mẹ sẽ chết nếu chúng ta không còn là tình thương
cha sẽ chết nếu chúng ta không còn là tình thương
và vũ trụ không còn có đồng - phương.
đồng phương... ôi ! đồng phương.

(1) Tiếng ru của người Cha là cả vấn đề quan trọng.



NHỮNG PHƯƠNG THUỐC ĐỐI TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

• *Thượng Tọa THÍCH-THIỆN-HOÀ*

ĐẠO Phật có nhiều phương thuốc để đối trị những chứng bệnh nói trên. Như chúng tôi đã trình bày ở lần trước, trình-độ của chúng sinh rất phức tạp, chứng bệnh nặng nhẹ cũng khác nhau, nên Phật đã chế ra đến tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị. Tuy pháp môn thì nhiều như thế, nhưng chung quy có thể chia làm hai loại lớn : loại chữa bệnh tận gốc và loại ngăn ngừa không cho phát ra.

Có những chứng bệnh kinh niên trầm trọng không thể trong một lúc mà chữa tuyệt nọc được. Nếu nóng nảy muốn cho mau lành mà dùng thuốc quá mạnh, thì sẽ nguy đến tánh mạng con bệnh. Cho nên, trước khi chữa tuyệt nọc, người lương y giỏi phải dùng thuốc tương đối nhẹ để ngăn chặn bệnh, không cho nó thêm nữa.

Sự ngăn chặn những tâm bệnh nói trên, đạo Phật gọi là « Giới » hay những điều ngăn cấm.

1.— Để đối trị lòng ác độc, đức Phật ngăn cấm đệ tử không được giết hại. Sự ngăn cấm này có thể có tánh cách tuyệt đối hay tương đối, tùy theo căn cơ và sự phát nguyện của người đệ tử. Đối với những căn cơ ít độc ác, muốn giữ hoàn toàn giới sát, thì họ phát nguyện không giết một sinh vật nào, dù nhỏ bao nhiêu. Họ không giết thú vật để ăn thịt, họ cũng không giết thú vật vì thù ghét, hay vì thú vui. Nghĩa là họ biết tôn trọng sự sống của sinh vật khác cũng như tôn trọng sự sống của mình. Họ áp dụng tinh thần bình đẳng tuyệt đối của chư Phật, xem mọi sự sống như nhau

không lấy sự sống này phụng sự cho sự sống khác. Họ thi hành đúng theo lòng từ bi tuyệt đối của chư Phật. xem mọi đau khổ của chúng sinh như mọi đau khổ của mình, thương xót chúng sinh như thương xót mình ; không là m chúng sanh đau khổ để mình khỏi khổ đau.

■ Nhưng đối với những căn cơ chưa có thể hàng phục được lòng độc ác, thì giới cấm sát chỉ áp dụng trong phạm vi tương đối, nghĩa là chỉ phát nguyện không giết hại người.

Tuy thế, người Phật tử không thể viện lý do vì mình chỉ phát nguyện không giết người, mà có thể mặc tình chém giết thú vật. Giới cấm này mục đích là ngăn chặn phát sinh của lòng độc ác. Nếu mình phát nguyện giữ giới này mà còn lấy làm thú vị trong sự giết hại thú vật, như đi săn bắn, đi câu v. v... thì lòng độc ác khó bị ngăn chặn được. Và lại lòng độc ác đưa đến sự giết người không phải này sinh trong chốc lát, mà do sự huân tập lâu ngày, mỗi khi một ít. Khi nghe tường thuật trên báo chí một cậu học sinh đã chém chết chị dâu vì một câu nói nặng, hay một anh cạo heo đã dùng dao bần thọc vào bụng khách hàng sau một hồi cãi lầy. Có nhiều người lấy làm ngạc nhiên tự hỏi sao người ta có thể giết người một cách dễ dàng, vì một vài câu nói như vậy ? Thật ra, những câu cãi và ấy chỉ là một nguyên nhân phụ, một cơ hội vô nghĩa, mà nguyên nhân chính là lòng độc ác đã được huân tập, đã được nuôi dưỡng từ lâu trong nhiều trường hợp trước. Đó chỉ là một giọt nước thêm vào ly nước đầy làm cho nó tràn ra. Giọt nước sau cùng chỉ là một nguyên nhân phụ, nguyên nhân chính là ly nước đã đầy quá rồi. Cậu học sinh nói trên sở dĩ đã giết chị dâu một cách gần vô nghĩa như thế, là do sự hung bạo đã được dồn góp lâu ngày rồi. Chắc chắn cậu thuộc vào hạng «lưu manh» đã nhiều lần dùng khóa xe đạp, dùng bàn tay sắt, hay dao con chó đánh lộn với những du đảng khác rồi. Cậu là hạng «dao búa» đã quen tay đâm đá, quen nhìn thấy máu rơi thịt đổ, đã để phần nộ trong những trường hợp bất như ý. nên trở thành một kẻ sát nhân giết chị dâu một cách tự nhiên như thế.

■ Và anh cạo heo kia cũng vậy. Sở dĩ anh đâm người khách hàng

không do dự là vì hằng ngày anh đã quen dùng dao đâm vào họng heo, đã quen róc da xẻ thịt quá nhiều rồi, nên bây giờ anh không «dòm» tay đâm vào bụng người trong một cơn tức giận. Và nếu chúng ta đi tìm nguyên nhân xa hơn nữa, chắc chắn chúng ta sẽ biết thêm được rằng thuở nhỏ, anh cạo heo này, cũng như cậu học sinh kia, cũng đã thường hay bắt châu chấu, giết thằn lằn, tìm thích thú trong sự bắn chim, câu cá... nghĩa là đã quen với sự giết chóc sanh vật nhiều rồi, mà không được ai khuyên răn, cản trở.

Cho nên chúng ta đừng nên bắt chước một số người hời hợt, thường chê cười đạo Phật quá «lý tưởng» quá «yếm thế», quá «không tưởng» vì đã khuyên loài người đừng giết hại sinh vật. Có không giết hại sinh vật mới khỏi giết hại người. Đạo Phật sở dĩ được gọi là đạo Hòa Bình và đã thực hiện được một phần nào lòng từ bi của chư Phật, chính là ở các giới «Bất sát» này.

Chúng ta hãy nên thương lấy loài vật, đừng tàn nhẫn với chúng, đề tập đừng tàn nhẫn với người. Khi chúng ta còn cần đến thịt cá, chúng ta tự bào chữa rằng : «vật dưỡng nhân» mà tự bào rằng : «ta còn thèm cá thịt» nên ta còn phải giết thú vật, ta giết chúng nhưng ta vẫn thương xót chúng, như là những kẻ đã hy sinh cho «loài người».

Đức Không Tử, mặc dù còn ăn thịt, nhưng đã nói một câu bộc lộ được lòng nhân đức của Ngài, và làm cho chúng ta vô cùng cảm phục : «Văn kỳ thịnh, bất nhân thực kỳ nhục, kiến kỳ sinh, bất nhân kiến kỳ tử» (nghe tiếng kêu la của con vật, không nỡ ăn thịt nó. thấy nó sống, không đành thấy nó chết).

Bây giờ, nếu đứng về phương diện xã hội mà xét, chúng ta sẽ thấy nhân loại áp dụng được lời răn dạy này của đức Phật. thì cõi đời này sẽ vui đi biết bao là máu đào lệ nóng, sẽ bớt đi biết bao là lời than tiếng khóc, sẽ dập tắt được bao nhiêu là ngọn lửa căm thù đang nung nấu trong lòng người, bao nhiêu ngọn lửa chiến tranh đang thiêu đốt công trình vĩ đại của nhân loại. Thật đúng như Tồ xưa đã dạy :

*Nhất thiết chúng sanh vô sát nghiệp
Thập phương hà xử động đao binh
Gia gia, hộ hộ, đồng tu thiện
Thiên hạ hà sầu bất thái bình*

Nghĩa là :

*Hết thầy chúng sanh không nghiệp giết
Mười phương nào có nổi đao binh
Mỗi nhà, mỗi chốn đều tu thiện
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình*

2.— Bây giờ chúng ta hãy nói đến phương thuốc trừ tham lợi của Phật. Tất nhiên ở đây, trong giai đoạn đầu, đức Phật chỉ ngăn ngừa sự tham lợi một cách bất chính, phi nhân, phi nghĩa. làm khổ cho người khác, và gây rối loạn cho xã hội mà thôi.

Như chúng ta đã thấy ở đoạn trước, lòng tham lợi bất chính biến thể ra nhiều hình thức. Có hình thức trắng trợn, lộ liễu trực tiếp dùng võ lực giựt ngang của người, hay đào ngạch cạy cửa nhà người để trộm cắp. Có hình thức che đậy, gián tiếp dùng mưu kế thâm độc để lấy của người, như cho vay nặng lãi, tích trữ đầu cơ cân non, đóng thiếu, ăn hối lộ v.v.

Nhưng dù hình thức nào, hề lấy của người một cách phi nghĩa đức Phật đều gọi là trộm cướp cả, và ngăn cấm đệ tử của Ngài không được phạm đến.

Lời răn dạy này dựa trên tinh thần từ bi và công bằng. Khi ta mất tiền bạc hay một vật quý báu gì, ta đau khổ thế nào, thì khi ta lấy của ai một vật gì, họ cũng đau khổ như thế. Ta không muốn đau khổ, thì lòng từ bi và công bằng cũng bắt buộc ta đừng làm cho kẻ khác phải đau khổ vì ta.

Một xã hội không có trộm cướp. bóc lột nhau, mới có thể gọi là một xã hội văn minh. Trái lại, một xã hội, dù cơ khí tiến bộ đến đâu, dù đầy đủ tiện nghi đến đâu, dù khoa học phát triển đến đâu, mà người ta còn dựa trên mưu mô quỷ quyệt, lên sự khuynh loát, bóc lột nhau, lên sự lường gạt, cướp bóc nhau, để làm giàu có, thì xã hội ấy vẫn còn là dã man, mọi rợ.

3.—**Phương thuốc thứ ba của đức Phật** nhằm vào sự ngăn ngừa bệnh tham sát. Căn bệnh này, như chúng ta đã thấy ở đoạn trước, cũng không kém phần nguy hại, nhất là khi nó biến chứng bệnh tà dâm.

«Tà dâm tức là sự tham dục phi lễ, phi pháp. Phật dạy người xuất gia ly dục phải dứt hẳn dâm dục, còn người tại gia thì không được tà dục. Khi vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là Chánh, ngoài r lễ lút lang chạ, làm việc phi pháp gọi là tà. Nhưng nếu vợ chồng chính thức đi nữa, mà ăn nằm không phải chỗ, gần gũi nhau không chừng mực, thì cũng thuộc về tà dâm cả. Đó là nói về mặt thi thiên. Nói về mặt vi tế, thì phạm sự phóng tâm đắm sắc, nghĩ ngợi bất chánh, chơi bời là lời, cũng đều thuộc về loại tà dâm cả» (Phật học Phổ thông khóa thứ nhất).

Sự ngăn cấm sắc dục nhằm mục đích giữ gìn hạnh phúc cá nhân và gia đình.

Phật dạy : «Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc có ngược gió, quyết bị cháy tay» (kinh tứ thập nhị chương). Thật vậy người đắm say sắc dục, nếu không nguy kịch thì cũng sẽ chết yểu vì sự hoang đại quá độ của mình, nếu không đau đớn khổ sở để nỗi liễu thân hủy mạng vì sự phụ rầy của người yêu, thì cũng khó thoát khỏi được mũi dao, lưỡi đạn của kẻ tình địch phủ phàng.

Nếu người đàn ông hay đàn bà đã có gia đình rồi mà còn lang chạ, thì hạnh phúc gia đình thế nào cũng phải tan rã. Hoặc người vợ phải ôm tủi nuốt hờn, hoặc người chồng phải đau khổ nhọc nhằn, hoặc không thể chịu đựng được nhau, thì vợ chồng phải chia rẽ, con cái bơ vơ, theo cha thì bỏ mẹ, theo mẹ thì mất cha !

Cho nên tà dâm, mê đắm sắc dục là một mối nguy hại lớn nhất của hạnh phúc gia đình. Nếu giữ được giới tà dâm, sẽ có những lợi ích thiết thực sau đây.

Về phương diện cá nhân, người không tà dâm, theo kinh Thập thiện nói, sẽ được hưởng bốn điều lợi ích sau đây :

- Sáu căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được toàn vẹn.
- Trọn đời được người kính trọng.
- Đoạn trừ hết cả phiền lụy khuấy nhiễu,
- Cuộc tình duyên trọn đời không ai dám xâm phạm.

Về phương diện đoàn thể, một xã hội gồm những phần tử đoàn chính, không đắm mê sắc dục, không hoang dâm, thì những điều thương luân bại lý, những cảnh thù hiềm chém giết sẽ không xảy ra, vợ chồng con cái sẽ sống hòa thuận an vui trong gia đình, bạn bè trọn niềm chung thủy.

4.—**Phương thuốc thứ tư của Đức Phật** là ngăn ngừa sự dối trá, một tệ đoan gây tai hại không nhỏ cho cá nhân và xã hội.

Dối trá có bốn hình thức :

a) Nói dối hay nói láo, là nói không thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có; việc phải nói trái, việc trái nói phải; điều nghe nói không nghe, điều không nghe nói có nghe; hoặc giả trước mặt khen dối, sau lưng chê mạt; hay khi ưa thì mặt ngọt thơm tho, khi ghét lại đắng cay chua chát. Tóm lại, ý nghĩ lời nói và việc làm trước sa : mâu thuẫn, bất nhất, đều gọi là nói dối cả.

b). Nói thêu dệt, là việc ít xít cho nhiều, làm cho người nghe nổi sân hận, là trau tria lời nói, chuốt ngót giọng hay, lên hơi xuống giọng cho êm tai mát dạ, để cám dỗ người nghe, làm cho người ta say mê đắm nhiễm, cũng có khi là nói biếm, nói băm, nói chằm, nói chích làm cho người nghe phải khò sở. Tóm lại, bao nhiêu lời nói không đúng nghĩa, chân thật, thêm bớt cho đến văn chương phù phiếm, bóng bẩy làm cho người nghe phải loạn tâm rối trí, sanh phiền não, đều gọi là nói thêu dệt cả.

c). Nói lười hai chiều, hay nôm na hơn là nói «đòn xóc nhón hai đầu» nghĩa là đến chỗ này thì về hứa với bên này, để nói xấu bên kia, đến bên kia thì nói hứa với bên ấy, để nói xấu bên này, làm cho bạn bè đang thân nhau trở lại chống nhau, kẻ ân người nghĩa chống đối nhau, đâm thù nhau.

d). Nói lời hung ác, là nói những tiếng thô tục, cộc cằn, chữ rủa, làm cho người nghe phải đau khổ, buồn rầu sợ hãi.

Đoạn định nghĩa về sự dối trá trên này, mà chúng tôi đã trích trong tập «Phật học Phổ thông khóa I» cũng đã cho chúng ta thấy được hình thức phức tạp, muôn mặt của sự dối trá, và sự tai hại, nguy hiểm của nó.

Đức Phật đã nhận thấy rõ cái tầm phá hoại lớn lao của dối trá trong đời sống tập đoàn, nên Ngài đã ngăn chặn không cho đệ tử của Ngài xư dụng cái khí giới tai hại ấy.

Có người bảo rằng : «Sống trong xã hội ngày nay mà thành thật, ngay thẳng quá thì không thể làm ăn được và dễ bị người ta lừa phỉnh». Do cái quan niệm sai lầm ấy, mà không ai thành thật với ai cả; ai cũng tìm cách để lừa dối người khác. Và cuối cùng, xã hội là một trường nói dối, lừa đảo nhau, không ai còn tin ai nữa. Mỗi người sống với một lớp sơn bên ngoài, với một cái mặt nạ, với những lời nói không phát ra từ thâm tâm của mình, những cử chỉ điệu bộ mượn chất, chẳng khác gì những kịch sĩ trên sân khấu!

Cuộc đời đã bị vô minh che lấp bản tánh chân thật, làm cho loài người đã diên đảo khổ đau, còn lại bị sự lừa đảo dối gạt bưng bít sự thật nữa, thì không biết đến bao giờ loài người mới tìm thấy lại được sự an vui, thanh tịnh.

Cho nên ngăn cấm sự dối trá là một điều cần thiết, để nhân loại lần hồi tìm hiểu biết nhau hơn, để cõi đời không còn là một chợ đời gồm những kẻ buôn dối bán trá nữa.

5.— Phương thuốc thứ năm mà Đức Phật dùng để ngăn ngừa bệnh si mê cuồng loạn là sự cấm tuyệt đệ tử của Ngài ăn uống những thức có chất làm rối loạn trí óc. Tất nhiên ở đây chỉ mới ngăn ngừa không cho si mê thêm, chứ chưa phải là trừ tuyệt được si mê. Muốn trừ tuyệt si mê, cần phải tu học nhiều hơn nữa. Nhưng đối với những kẻ sơ cơ, ngăn chặn không cho sự si mê cuồng loạn khuấy phá cuộc đời thêm nữa, cũng đủ quý lắm rồi.

Trong các thứ ăn uống làm rối loạn trí óc, rượu là thứ nguy hiểm nhất. Những tai hại do rượu gây ra cho nhân loại không thể nói hết. Những cuộc cãi vã, đánh lộn phần nhiều đều do có hơi rượu pha vào; các cuộc chém giết, các tai nạn xe cộ đa số có bóng dáng của ma men. Những đứa con khản khiu, khờ khạo, mất trí, điên cuồng phần nhiều là nạn nhân của tửu thần.

Trừ rượu là trừ được một phần lớn những nguyên nhân gây rối loạn cho chính mình, cho gia đình và xã hội.

Về phương diện cá nhân, người không uống rượu, tránh được nhiều điều hại như : không mất tiền của, ít mang bệnh tật, không sinh lòng ác độc, ít nóng giận, trí huệ tăng trưởng, tuổi thọ cao.

Về phương diện đoàn thể, một gia đình không có người rượu chè, thì gia đình được an vui, con cái ít bệnh tật, ngu dốt : một xã hội không có người nghiện rượu, thì xã hội ấy được hòa bình, giảm bớt được hùng cường.

PHẦN TỔNG KẾT

NĂM phương thuốc trên này, không nói, chắc các bạn cũng biết đó là «Ngũ giới» năm điều răn cấm của Đức Phật đối với hàng Phật tử tại gia. Nó không có gì cao siêu, huyền bí. So sánh với Đạo Nho, thì nó chẳng khác gì là ngũ thường.

- Không sát sinh chính là Nhân.
- Không trộm cướp chính là Nghĩa.
- Không tà dâm chính là Lễ.
- Không uống rượu chính là Trí.
- Không nói dối chính là Tín.

Nhưng Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín không được mình đặt một cách rõ ràng dứt khoát, khấn định như ngũ giới. Ngũ giới thì áp dụng chung cho tất cả mọi người ; chữ «Ngũ thường» chỉ riêng

có kẻ sĩ, người «quân tử» mới hiểu rõ và làm được.

Ngũ giới, mặc dù là những giáo điều của Đức Phật đối với đệ tử của Ngài, nhưng vẫn có thể đem ra áp dụng chung cho tất cả mọi người, mọi tầng lớp, mọi dân tộc, mọi quốc gia trên thế giới.

Chúng ta có thể ước ao rằng, nếu toàn thể nhân loại đều áp dụng ngũ giới, thì bộ mặt của thế giới này hoàn toàn thay đổi một cách vô cùng tốt đẹp.

1).— Một cuộc chém giết sẽ không diễn ra hàng ngày, máu sẽ không đổ, thịt không rơi; nhân loại sẽ không xô đẩy nhau vào lò sát sinh của chiến tranh.

2).— Không ai lo sợ bị mất mát, cướp giật của cải; vật để rơi không ai lấy, ban đêm cửa không cần đóng, tiền bạc không cần thu giấu... Lao tù không cần phải xây dựng, vì không có tù nhân trộm cướp và thế giới các nước không còn xâm lăng lẫn nhau.

3).— Những cảnh tượng dâm dật, cưỡng hiếp, những cuộc ghen tương, chém giết nhau giữa tình địch không xảy ra. Chồng vợ sống với nhau trong lễ nghĩa, chung thủy; con cái được sum vầy trong gia đình với cha mẹ, anh em.

4).— Những cảnh dối trá, lường gạt không diễn ra hàng ngày. Từ trong gia đình ra đến xã hội, từ những cuộc hùn hạp nhỏ cho đến những công ty lớn lao, ở đâu người ta cũng tin cậy nhau trung thành với nhau. Những tình cảm chân thật được phát lộ, mở lòng dạ được cởi mở, hòa vui.

5).— Những cảnh tượng tàn phá rừng rợn, bi òi do m men khuấy động sẽ được chấm dứt. Loài người sẽ hoạt động trong sự yên vui bình tĩnh của tâm hồn, trong sự sáng suốt của trí huệ.

Một thế giới đẹp đẽ như thế, cũng có thể gọi được là «thế giới hoàn kim» lắm, phải không các bạn ?

Vậy chúng ta, mọi người, còn đợi gì nữa mà không thi hành ngũ giới «Năm yếu tố hòa bình của Phật Giáo?»

YÊU TỰ DO

G.S. Nguyễn-văn-Tạo

MỘT cảnh thường thấy hàng ngày trên các nẻo đường đô thị là cảnh hai xe đụng nhau nằm chềnh ềnh giữa lộ, cản trở sự lưu thông của hàng ngàn chiếc khác. Trong khi đó, hai bên đương sự mặt đầy sát khí đưa hết gân cò ra lý sự phải trái, lời qua tiếng lại không có gì là đẹp. Đấu khẩu chân, có thể đến đấu dao đấu quyền. Ân mạng xảy ra cũng chỉ vì thế.

Lại có trường hợp thật là buồn cười. Hai chiếc xe đạp đụng nhau. Hai bên không ai bị thương. Hai xe cũng chỉ hư hỏng xoàng. Nhưng họ buông xe nằm ngửa giữa đường, rồi mỗi người đứng một nơi, không nhìn nhau, không cãi nhau. Họ giận thắm, hờn mát. Lịch sự đấy ! Chỉ khổ cho hàng trăm xe khác rù rì rủ rủ, kèn bóp inh ỏi, không sao qua được. Đường hẹp. Cảnh sát lại vắng bóng. Ai người dàn xếp đây, khi chính hai bên đương sự nhất định không dàn xếp. Ai dám sờ vào xe họ, ngoại trừ nhân viên thừa hành pháp luật.

Ai bắt họ đụng nhau ? Chẳng qua là một sự rủi ro. Nhưng xét kỹ ra, sở dĩ có rủi ro cũng vì sự bất cẩn của một người, hoặc đã không tôn trọng luật đi đường, hoặc đã sơ ý vì một lẽ này hay lẽ khác. Tất nhiên lỗi về người ấy. Nhưng người ấy lại không chịu nhận, lại nhất định cãi chầy cãi cối, lại ngụy biện đổ lỗi cho người kia. Phàm làm người, không mấy ai không biết là mình làm lỗi, nhưng vì chấp ngã mà không đủ ngay thẳng, đủ can đảm mà nhận lấy trách nhiệm

đó thôi. Họ cố tình lừa dối người, lừa dối mình, họ đòi công lý, họ đòi pháp luật xét xử, mưu toan lừa cả công lý, bịp cả Pháp luật.

Ai bắt họ cãi nhau ? Ai bắt họ chịu sự can thiệp của cảnh sát ? Ai bắt họ lên cò lên bát, nay hầu tòa mai hầu tòa. vào tù ra khám, mất tiền cho thầy kiện xơi chơi, và tự mình làm hạ cái phẩm giá của mình ? Cũng chỉ vì chấp ngã. Cũng chỉ vì không chịu phục thiện. Cũng chỉ vì thiếu tinh thần trách nhiệm. Cũng chỉ vì không biết yêu tự do.

Đúng thế, chính vì không biết yêu tự do nên đã tự mình buộc mình vào trăm nghìn cái rắc rối mà nguyên nhân xét ra quả không đáng để xảy ra những hậu quả nặng nề như thế. Nếu kẻ làm lỗi nhận ngay lỗi mình, thẳng thắn chịu trách nhiệm, vui vẻ xin lỗi, sẵn lòng bồi thường thiệt hại, thì đối phương thay vì là thù có thể là bạn, thì mình cũng đã gỡ cho mình, cho người, cho bao nhiêu người bằng quan khỏi sự giam hãm trên công lộ, tức là đã giữ tự do cho mình và không xâm phạm đến tự do người khác. Giản dị chỉ có thế, nhưng khôn thay, những điều giản dị thường lại là những điều rất khó với phần đông thiên hạ. Họ sẵn sàng cãi vã nhau hơn là tươi cười bắt tay nhau. Họ sẵn sàng đả đả nhau,

đâm chém nhau hơn là cùng nhau ngồi tỉnh lợi ích chung. Họ sẵn sàng kiện tụng nhau, sẵn sàng mất bạc vạn, hơn là dàn xếp với nhau và mất bạc trăm bạc chục. Họ sẵn sàng ngồi tù, chịu đựng sự thù ghét phỉ nhổ hơn là ngồi nhà vui vẻ với vợ con, với bà con hàng xóm. Cũng chỉ vì đã không biết yêu tự do, biết trọng tự do, biết giữ tự do, cho mình, cho gia đình, cho quốc gia, cho dân tộc.

Thật vậy, chưa bao giờ hơn bây giờ, người ta nói đến tự do, nói đến bảo vệ tự do và tranh đấu cho tự do. Bảo rằng không mấy người ý thức được tự do quả không đúng. Không ai lại nghĩ rằng tự do muốn làm gì thì làm, không cần biết đến cái làm của mình có thể làm thiệt hại đến ai hay không. Nói như thế quả đã phủ nhận hoàn toàn lương tri của con người, nhất trong thời đại này mà ý thức xã hội của con người dù sao cũng đã phát triển khá cao. Ngay đến một con vật ta nuôi cũng còn có bản năng ý thức được những gì chúng có thể làm mà không sợ bị ta trừng phạt thay, huống hồ là con người. Một tên trộm há không biết mình có ngày mất tự do và phải mất dần ba năm năm khám sao, nhưng hẳn có lẽ cho rằng, cái tự do ấy không đáng quý, bằng chỉ chịu khổ một đêm có thể no say hàng mấy

thắng. Thì cứ nhìn quanh ta, ta không thấy gì chán vạn người gọi là có trí thức, có địa vị, có tiền tài, có danh vọng hơn tên trộm kia nhiều, nhiều lắm mà cứ chỉ hành vi thật ra cũng chẳng hơn gì, trái lại còn bừa bãi bỉ ổi hơn nhiều, nhiều lắm. Điều này khiến ta phải thắc mắc không rõ cái học liệu có làm con người ta đẹp hơn không, yêu chuộng tự do hơn không, vì trong hoàn cảnh hiện tại, ta thường thấy các tâm hồn đẹp, các tinh thần trọng tự do, biết phân biệt phải trái, giữ gìn nhân phẩm lại không phải ở các chốn đô thị văn vật, mà lại ở các nơi thôn quê bình dị chất phát thiếu chữ thiếu nghĩa. Nhìn xa hơn nữa, ta thấy ở các nước hiện giờ tự xưng là văn minh tân tiến, là lãnh đạo nhân loại, lại còn sa đọa hơn ta nhiều.

Ta đừng tưởng rằng dân các nước văn minh tân tiến ấy hẳn phải được hưởng nhiều tự do. Không. Sinh hoạt xã hội ngày càng phức tạp của họ đòi hỏi sự can thiệp ngày càng chặt chẽ của luật pháp. Ngày càng sự tự do của bản thân họ càng bị luật pháp găm nhãm. Vậy luật pháp là gì ? Phải chăng là khuôn khổ, Dĩ nhiên càng lắm khuôn khổ, càng mất tự do. Nếp sống bần rộn của các nước văn minh đã dần dần làm chết cái tinh thần tự do. Con người đã dần

dần sống như một cái máy, lười suy nghĩ cho mình, thích người khác suy nghĩ cho mình, thích vào khuôn, thích cầu an đề rồi tự lừa dối mình là kẻ biết tôn trọng luật pháp, dù là thứ luật pháp phi lý bất công, dù là nhân cách mình bị chà đạp, thể xác mình bị vùi dập. Biết bao nhiêu con người trí thức hiện nay sẵn sàng làm lẫn cái tinh thần cầu an ấy với cái tinh thần tôn trọng luật pháp kia, mà miệng không ngớt ca tụng tự do, không ngớt cho rằng mình tranh đấu bảo vệ cho tự do, trong khi thực ra họ chỉ khiến ta liên tưởng đến các chú họ Chur ừ ừ đắm mình trong đồng phần trong chuồng.

Lòng tự vấn lòng, hỏi mấy ai thực tình đã hẳn yêu chuộng tự do ? Quyền cao chức trọng, rào trước, rào sau, kẻ canh người gác, ngờ vực dân tâm, luôn luôn lo ngại cho bản thân mình, phải chăng là biết yêu chuộng tự do ? Đi xe hơi, ở nhà lầu, kẻ đưa người đón, mà luôn người trên đề người dưới, dùng vợ con làm mỗi câu danh vọng, phải chăng là biết yêu chuộng tự do ? Cao lương mỹ vị trận cười thâu đêm, đề rồi tính chuyện lọc lừa, hỏi mại quyền thế, bóp nặn dân lành, phải chăng là biết yêu chuộng tự do ? Hẳn là không. Không ai không biết, nhưng mấy ai không làm. Chẳng

qua chỉ vì họ không thực tình yêu chuộng tự do vậy.

Người yêu chuộng tự do hết sức tránh sự trói buộc thể xác mình, trí óc mình, tinh thần mình, tâm hồn mình. Không những thế còn giúp bảo vệ thể xác, trí óc, tinh thần và tâm hồn của người khác. Người yêu tự do lấy điều này làm phương châm đề xữ thế, đề chỉ đạo cho cử chỉ hành vi của mình, ngay cả trong những việc nhỏ nhặt của mình. Cởi chiếc xe đạp đi nghênh ngang giữa đường, thùng thỉnh đáp, bảo rằng công lộ chẳng phải của riêng ai, bắt chấp các xe sau bóp còi báo hiệu, thăm trách các kẻ kia không biết tôn trọng tự do của mình thì quả thật xuẩn ngốc không biết đặt mình vào họ và không còn nhớ gì những lúc chính mình bị một kẻ như thế làm cản trở lưu thông. Thiếu gì người, khi còn tranh đấu cách mạng, miệng bảo rằng tranh đấu vì tự do, nhưng khi nắm được chính quyền, lại phủ phàng đàn áp cách mạng, bóp nghẹt tự do. Thiếu gì người không ngót ca tụng tự do, mà đến khi đứng trước một quyền lợi riêng tư tầm thường đã phủ nhận tự do một cách trắng tráo.

Người thực tình yêu chuộng tự do có thể bị hoàn cảnh trói buộc thể xác nhưng không vì hoàn cảnh mà đề cả trí óc, tinh thần

và tâm hồn mình bị trói buộc theo. Người thực tình yêu chuộng tự do cứ với nếp sống của mình cũng đã bảo vệ được tự do chung. Trong một nước mà dân chúng thực tình yêu chuộng tự do không cần đến hàng rừng pháp luật tinh vi mà vẫn có trật tự, không cần đến binh hùng tướng mạnh mà vẫn giữ được độc lập, vẫn khiến được ngoại bang dù to lớn đến đâu cũng phải kiêng nể. Một ông vua dù uy quyền đến đâu mà tàn bạo thì chẳng qua cũng chỉ là một tên hôn quân vô đạo ở cửa miệng dân gian. Có tàn sát hàng triệu người chỉ càng thêm tàn bạo và uy quyền càng chóng đổ vỡ. Một bức hiên giả ẩn dật nơi thâm sơn cùng cốc vẫn được người đời nhắc đến với cả một tấm lòng thành kính. Hỏi rằng ai đã biết yêu chuộng tự do hơn ai? Mà biết yêu chuộng tự do là vì biết giữ tư cách của mình và biết trọng nhân cách của người vậy,

Khốn thay, đời nay người ta lại chỉ lo sơn phết cái tư cách giả tạo để tự lừa dối lẫn nhau, và buồn hơn nữa, người ta cũng thừa biết thế đấy, nhưng vẫn thi nhau sơn phết.

HẾT



Thi luận

Vũ nhạc thanh thanh xuất họa đường,
Bích đào, hồng hạnh vị thủy lương ?
Đại quan duy thức gèn hoa diêm,
Hải khách tần xưng vũ lực cường !

Nhật lạc Hồ trần lung khoáng đã
Nguyệt tà Sở khúc lộng hàn sương
Hoàng thiên bất khí ngó Hùng Việt
Quốc sĩ hoàn ưng tác đồng lương

LAM GIANG



Tự dịch

Múa hát du dương biệt thự nào
Vì ai đào hạnh bổng xôn xao ?
Khói thơm, hoa đẹp quan vừa ý,
Súng lớn, tàu to khách tự hào.

Trời tối bụi Hồ trùm đất nước,
Sương mờ khúc Sở lạnh trăng sao,
Trời như chưa bỏ-người dân Việt,
Có thuở anh hùng triển lược thao.

LAM GIANG

VĂN-HÓA CHÍNH-TRỊ

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

G.S. Viện đại học Vạn Hạnh
nguyên khoa trường đại học
Văn Khoa Saigon

VỚI cuộc cách mệnh kỹ nghệ và pháp chế cận đại ở Tây Âu thế giới bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên tư sản tự do, dân chủ. Và hậu quả tất nhiên là quan niệm về hai chữ chính trị cũng thay đổi theo. Chính trị không còn ý nghĩa như trước kia. Khổng Tử quan niệm là hoạt động để làm cho ngay chính sinh hoạt của nhân quần xã hội, đề thiết lập quân bình, hòa điệu trong đoàn thể, như đã xác định mình vạch ở thiên sách kinh điển của Nho gia bên Á Đông :

« Khi chính thể lý tưởng được thi hành thì thế giới là của chung, không phải của riêng một họ, một nhà trị vì. Người lãnh đạo chỉ huy được tuyền cử trong hàng hiền năng, có đức, có tài. Trong xã hội người ta đua nhau giăng điều tín nghĩa, sửa điều hòa thuận, không ai chỉ lo thân yêu riêng cha mẹ mình chăm lo

riêng cho con cái mình. Người già được hưởng trọn tuổi già, người tráng kiện có chỗ dùng tài năng của mình, kẻ thơ ấu có điều kiện trưởng thành, đàn bà góa bụa, kẻ mồ côi, người tàn tật đều có nơi nuôi dưỡng, trai có vợ, gái có chồng, nghĩa là ai nấy có phận sự công việc thích hợp với bản tính, tài sản không bỏ phí ở dưới đất mà cũng không phải tích chứa cho riêng mình. Sức lực ai nấy đều tự mình cố gắng, nhưng không dùng riêng làm tư lợi. Bởi vậy mà mưu mô lừa lọc lẫn nhau không phát triển được, mà trộm cướp loạn tặc không nổi lên được. Cho nên nhà cửa ngoài không phải đóng cửa ngõ, như thế gọi là xã hội đại đồng, chính thể lý tưởng được thi hành vậy.

Ngày nay chính thể lý tưởng ấy đã mất, thế giới là của từng họ, từng nhà. Ai nấy chỉ bi

thân yêu cha mẹ mình, con em mình. Ai nấy dựa nhau vào vết tài sản cho riêng mình, nỗ lực làm việc một cách vị kỷ. Một giai cấp quý tộc thiết dựng nên chế độ cha truyền con nối cho hết đời họ sang đời kia và xây dựng thành quách, đào sông hào lạch để củng cố lấy mình...»

Đoạn văn trích dịch trên đây, so sánh hai tình trạng chính trị lý tưởng và thực tế của một tác giả thời xuân thu chiến quốc bên Tàu, cách đây trên hai ngàn năm, vô tình có chỗ phù hợp với tình trạng chính trị xã hội cận đại của chúng ta ngày nay, do ảnh hưởng của cách mệnh kỹ nghệ và chính trị Tây Âu đã gây nên như Karl Marx đã diễn tả hồi 1848.

Giai cấp tư sản đã đóng vai trò căn bản cách mệnh trong lịch sử.

Nhu cầu thị trường mới càng ngày càng thúc đẩy, giai cấp tư sản xâm chiếm hoàn cầu. Nó phải xâm nhập khắp nơi, thiết lập khắp nơi, tạo tác khắp nơi những phương tiện giao thông. Đề khai thác thị trường quốc tế, giai cấp tư sản đã quốc tế hóa sự sản xuất của các nước.

Thay thế cho sự cô lập xưa kia của các dân tộc tự túc lấy cho mình, một sự giao dịch hàng hóa có tính cách quốc tế đã được mở mang, một hệ thống tương quan giữa các dân tộc tự túc lấy cho

mình, một sự giao dịch hàng hóa có tính cách quốc - tế được mở mang một hệ - thống tương quan giữa các dân - tộc phát - triển. Về sản xuất tri thức cũng vậy. Những tác phẩm trí - thức của một dân tộc mọi - rợ nhất. Giá hạ của hàng hóa là một thứ bích - kích - pháo xuyên thủng tất cả vạn - lý trường thành và chinh - phục các dân - tộc buộc phải nhận phương pháp sản xuất tư - sản. Nó bắt chúng phải thu thập vào dân - tộc mình cái gì gọi là văn - minh, nghĩa là phải trở nên xã - hội tư sản. Tóm lại giai - cấp tư sản tạo ra một thế giới theo hình ảnh của mình,

Giai-cấp tư sản đã bắt thôn quê qui phục đô-thị. Nó tạo nên những đô thị vĩ đại nó đã làm tăng số nhân số các đô - thị một cách lạ lùng trên lưng thôn quê, và do đấy, nó đã kéo một phần lớn nhân dân ra khỏi trình độ u mê của đời sống đồng ruộng.

Cũng như nó đã bắt thôn quê lệ thuộc vào đô thị, dân tộc man mọi hay bán khai lệ thuộc dân tộc văn minh, nó cũng bắt các nước nông dân lệ thuộc nước tư sản. Đông-phương lệ thuộc Tây phương. »

Hai quan điểm trên đây đều công nhận sự biến đổi của xã hội nhân loại cùng là chế-độ chính-trị, nhưng nếu Không từ cho sự biến đổi ấy đi xuống hơn là đi lên, thì

Karl Marx lại có vẻ xung-tung chiều biến đổi ấy là tiến bộ. Nhưng cả hai điều quan niệm đi về mục đích đại đồng là tốt, là lý tưởng, nhưng Khổng Tử đặt lý tưởng đại đồng ấy ở quá khứ, một mùng của xã hội nguyên thủy gắn với thiên nhiên. còn Marx đặt lý tưởng xa xăm, nhưng chắc chắn tiến tới. Song tuy danh từ đại đồng thì giống nhau mà nghĩa đại đồng vốn có từ trước ở nhân loại là vì họ Khổng quan niệm đại đồng ở tình yêu đại đồng vẫn có cá biệt đặc thù từ kỹ thân đến tha nhân từ gia đình đến quốc gia, đến thiên hạ đại đồng, dùng như một hòa điệu của bản nhạc hơn là một khuôn khổ duy nhất, nước nhỏ lệ thuộc nước lớn, kẻ yếu qui phục kẻ mạnh, nông dân phục tùng công nhân, nông nghiệp lệ thuộc kỹ nghệ Đông phương phụ thuộc Tây phương, như K. Marx đã xác định. Bởi vì quan niệm chính trị của Marx là kinh tế chính trị, cho nên đại đồng có nghĩa là nhất tề vật chất hữu hình của sinh hoạt kinh tế không dùng cho sự đồng thời vừa đại đồng lại vừa cá biệt. Đại đồng theo cách thức nhà máy cơ khí thì chỉ có một kiểu, không thể có nhiều kiểu một lúc mà bảo là đại đồng. Chỉ có tinh thần sinh thành, sáng tạo mới có thể vừa

biệt lại vừa kiêm, đồng nhất trong sai biệt. (Unité dans la diversité)

« Đồng qui nhi thù đồ, nhất tri nhi bách lự » : Đường lối khác nhau mà cùng về một đích, tu tưởng nhiều lối mà đến một kết quả».

(Dịch truyện)

Cái lý tưởng xã hội nhân loại «Đồng qui nhi thù đồ» ấy, có phải là sứ mệnh kinh tế của mọi giai cấp xã hội nào không hay là của tất cả nhân dân đồng lao cộng tác vào một lý tưởng chung, một mục đích chung ở trên giai cấp ? Và lý tưởng hay mục đích ấy phải chăng là quyền năng thi lực vật chất người ta chinh phục bất cứ bằng phương tiện nào ? Tóm lại là cái lý tưởng ấy là mục tiêu của kinh tế chính trị hay của văn hóa chính trị ?

Giải thích tư tưởng chính trị truyền thống Ấn Độ, Vivekananda có viết trong «Vòng luân chuyển của giai cấp» (The Cycle of caste) rằng :

« Ở dân Tàu, Au-me, Ba-by-lôn, Ai cập, Can-đê, Á-ry-ên, Y-ra-nien, Do-thái, A-rập, ở cá dân tộc cổ ấy, quyền tối cao lẫn đạo xã hội, ở thời kỳ đầu lịch sử của họ thì trong tay giới E-la môn hay giáo sĩ, ở thời kỳ thối hai thì quyền chỉ-huy thuộc giới Ksh-triya, (Võ sĩ, nghĩa là họ thuộc về một quân chủ chuyên

chế hay là chính phủ thiếu số của một nhóm người lựa chọn ra. Ở các dân tộc Tây phương cận đại, với Anh quốc đứng đầu, quyền kiểm soát xã hội, ở bước đầu thuộc vào tay giới Vaisyas hay các nhóm lái buôn, trở nên giàu có về sự buôn bán...

Giới giáo sĩ Bà-la-môn tuyên bố : « Học thức là quyền năng tối cao ; học thức ấy thuộc về ta, chỉ ta mới có học thức ấy cho nên xã hội phải tuân theo mệnh lệnh của ta » ; tình trạng ấy tồn tại được ít lâu.

Giới Võ sĩ Kshatriyas tuyên bố : « Nhưng đối với quyền lực của lưỡi kiếm ta, hỏi Giáo sĩ Bà-la-môn, người sẽ là gì với tất cả quyền lực trí thức của người ? Người sẽ bị quật tức thì khỏi mặt đất. Chỉ có ta là cao cả mà thôi. « Lưỡi kiếm sáng loáng đã loảng xoảng rút khỏi vỏ và xã hội khúm núm cúi đầu. Cả đến tín đồ của học thức đã là người đầu tiên quay vào sừng tín nhà vua.

Giới lái buôn Vaisyas tuyên bố : « Các người điên rồ ! Cái mà các người gọi là thần linh sáng soi khắp cả, thì ở đây tại tay ta đây là Hoàng kim long lánh. Tối cao thế lực. Hãy xem nhờ ân điển của nó, ta cũng như nó vạn năng. Nay giáo sĩ Bà-la-môn, ngay bây giờ ta sẽ lấy sức kim tiền mua

được tất cả hiền đức của người, tất cả học thức, thành kính và cầu nguyện. Và hỏi Hoàng đế, guru, đạo dũng khí và anh hùng ta sẽ lấy đức hoàng kim mà sử dụng vào những mục tiêu của ta tham vọng.

Ông có thấy những cối xay cao ngất đồ sộ kia không. Đây là tổ ong mật của ta. Hãy nhìn xem biết bao nhiêu triệu con ong, dân lao công, giai cấp Sudras, luôn luôn hái hoa làm mật ở những cái tổ ong kia. Đề cho ai, có biết không ? Đề cho ta, cái ta đẩy trái qua thời gian nặn ép từng giọt để lợi dụng riêng.»

(The ruling class. Vivekananda)

Với những nhận định trên đây về xã hội mà giai cấp tư sản chỉ huy, là bước đường tiến triển của lịch sử tất nhiên của nhân loại. Mục tiêu hoạt động chính trị của giai cấp này là thông thương, là kỹ nghệ cho nên thế giới trong vòng vài thế kỷ đã biến thành một đại công xưởng kỹ nghệ, một đại thị trường tiêu thụ một kho nguyên liệu khổng lồ. mà khẩu hiệu là kinh tế vạn năng. Với khẩu hiệu ấy, khoa chính trị là để tranh dành quyền lợi, khu vực ảnh hưởng cho nên triết lý của thế giới tư sản là kinh tế chính trị, là mưu mô vào quyết, là hết chiến tranh nóng đến chiến tranh lạnh. Lê dĩ nhiên về thuật

kinh tế chính trị thì chế độ cộng sản duy vật tỏ ra triệt để hơn, cho nên nó bành trướng một cách mau lẹ, từ Âu sang Á. Thế giới tự do, chừng nào chưa tìm thấy con đường của mình là phải vượt qua chính sách kinh tế chính trị, mà vẫn còn phải dùng đến cùng một dụng cụ ấy làm phương tiện tranh đấu thì tất nhiên không có hiệu nghiệm bằng đối phương nó triệt để cực đoan mưu trí, không còn bàn cãi lời thôi. Đường lối chính trị của thế giới tự do, nếu ý thức sứ mệnh lịch sử của nhân loại là tiến tới thế giới đại đồng chân chính, đại đồng quốc tế không phải đại đồng vô tổ quốc, ở đây các cá tính này nầy nở rộ tùy theo điều kiện địa lý khí hậu và lịch sử xã hội của mình trong mối tương quan bình đẳng về nhân tính toàn diện, đại đồng nhân bản không phải đại đồng kinh tế, nếu ý thức được như thế thì phải xử dụng chính sách mới, chính sách văn hóa chính trị, lấy nhu mà thắng cương, hay nói như cồ nhân Đông phương lấy vương đạo để thắng bá đạo.

Thế nào là vương đạo, thế nào là bá đạo. Trong truyền thống tư tưởng chính trị Á Đông, xưa kia Khổng Mạnh đã phân biệt rõ rệt như sau :

«Lấy binh lực để thắng kẻ làm điều nhân đức ấy là Bá đạo, Bá

đạoắt phải có nước lớn mới làm được.

Lấy đức thi hành điều nhân gọi là Vương đạo, Vương đạo không chờ có nước lớn mới làm được. Vua Thương ngày xưa với lãnh thổ bầy mười dặm. Vua Văn với khu vực một trăm dặm đều đã thi hành được điều nhân chính

Lấy võ lực chinh phục người thì không phải một sự tâm phục. Người ta phải phục tùng chỉ vì không đủ sức chống lại vậy.

Lấy đức mà cảm phục người thì trong lòng người ta có sự hài lòng mà thành thật cảm phục vậy, như bảy mươi học trò đã cảm phục Khổng tử. Kinh thi nói : «Từ Tây đến Đông, từ Nam đến Bắc, không đâu không cảm phục.»

Mạnh-tử

Thiên : «Công Tôn Sửu»

Đây là Mạnh tử đã sớm phân biệt hai đường lối chính trị, đường lối bá đạo lấy võ lực hay kinh tế để chinh phục nhân dân, tức là kinh tế chính trị, còn Vương đạo là lấy tình cảm điều nhân đức để cảm thông nhân dân tức là văn hóa chính trị.

Khổng Tử ở sách Luận ngữ cũng phân biệt hai đường lối chính trị tương tự.

«Trị dân lấy chính lệnh vô tình mà chí hay, lấy pháp luật hình phạt để lập trật tự thì nhân dân chỉ cần tránh khỏi hình phạt mà không biết có liêm sỉ.

Lấy đức hạnh để dẫn đạo, lấy lễ văn mà lập trật tự thì dân đã biết có liêm sỉ mà lại còn có nhân cách nữa.»

Cả hai nhà triết gia chính trị cổ điển trên đây đều xác định sự khác nhau căn bản giữa hai chính sách hai khuynh hướng tinh thần khuynh hướng coi chính trị chỉ là phương tiện và khuynh hướng coi chính trị tự nó là cứu cánh.

Ngày nay, cứu cánh là thể lực vật chất, ngoài cuộc đời hiện sinh không còn cuộc đời nào khác nhân loại hầu như chỉ biết và tự thấy mãn nguyện, tự túc với cuộc đời thể gian này, cho nên người ta không tìm giải quyết những vấn đề mâu thuẫn của thể giới bằng giải pháp khác hơn là kinh tế bằng kinh tế, võ lực bằng võ lực, «ăn miếng, trả miếng». «Oeil pour oeil, dent pour dent». Bởi vậy mà ở đâu còn thực dân thì còn cộng sản, ở đâu còn đế quốc thì lại hiện ra một đế quốc khác, lưỡi kiếm gọi lưỡi kiếm. máu gọi là máu.

Hình như các chính trị gia ở thế giới tự do đã bắt đầu nhận thấy có cái chi mới xuất hiện ở các dân tộc Á Phi đang vật lộn sống còn với thực dân, sau bài học kinh nghiệm của thế chiến thứ hai. Nhà chính khách Mỹ, ông Meunem Williams đã xác nhận về Phi Châu hiện nay trong bài diễn văn

tại National Press có mấy điểm đáng chú ý :

1.— Dân Phi muốn giải phóng khỏi ách thực dân và tất cả hình thức đô hộ ngoại lai khác.

2.— Họ nhấn mạnh vào mục tiêu bình đẳng chủng tộc trên thế giới.

3.— Họ không muốn đứng vào phe nào trong cuộc tranh dành thế lực giữa các cường quốc, và họ có khuynh hướng theo chính sách trung lập.

4.— Họ muốn có một chế độ thích hợp với điều kiện của Phi Châu,

5.— Họ bênh vực giải pháp kinh tế dung hòa nguyên lý kinh doanh tư nhân với chủ nghĩa chỉ huy...

(trích dịch theo Nhật báo Viễn Đông số 27-3-1961)

Những nguyện vọng ấy chính cũng là những nguyện vọng của các dân tộc mới được giải phóng tại khu vực Đông Nam Á.

Nhưng sự giải phóng ấy là kết quả của hành động vô ý thức của bên bị trị cũng như bên thống trị. Các cường quốc thống trị các dân tộc nhược tiểu không phải mong muốn giải phóng cho họ, nhưng họ bắt buộc phải vì một biện pháp tương tự với biện pháp họ dùng để thống trị. Nếu không có thế chiến thứ hai, nếu không có bạo động của Nhật Bản

thì các cường quốc Âu Tây liệu có tự ý giải phóng các dân tộc họ đang thống trị hay không ? Ở đây suy ra chúng ta biện pháp để diệt trừ Cộng sản bạo động hiện nay không những ở Á Châu ở Phi Châu, mà khắp mặt địa cầu phải là biện pháp triệt để cách mệnh con đường kinh tế chính trị mà các cường quốc tư bản từng áp dụng để thống trị và chinh phục thế giới Á Phi. Biện pháp ấy là biện pháp văn hóa chính trị mà Gandhi đã mở đầu cho một kỷ nguyên mới hòa bình thực sự, kỷ nguyên của Người thay cho kỷ nguyên của Máy : máy bầu cử, máy lập pháp, máy hành pháp, máy cai trị, tất cả các guồng máy chính phủ đều làm cho Gandhi chán ghét. Đệ tử cao đệ của Gandhi là Vinoba tuyên bố trong «Machine de la Democratie formelle» rằng :

« Tôi không tin vào tờ chức, tôi không đề ý đến chúng : chúng có thư ký, văn phòng, tù sắt, nhưng chúng không có tâm hồn. Chính con người mà tôi tìm kiếm, còn Người trong lòng thương yêu» (Vinoba 1957).

Và muốn có một thế giới hòa bình, một nhân loại thương yêu

nhau, thì Gandhi bảo phải có một tinh thần chính trị mới, một sức mạnh mới, sức mạnh của tâm hồn để chinh phục tâm hồn, sức cảm thông của tình yêu để cảm thông lòng người và để cho người cảm phục, như Gandhi tuyên bố trong sách : « Văn minh của chúng và cuộc giải phóng của ta ».

« Tôi hiểu rằng bạo lực không có thể là liều thuốc cho bệnh hoạn của Ấn Độ đang đau khổ, và một văn minh như văn minh Ấn phải được bảo vệ bằng một khí giới thuộc loại khác có hiệu nghiệm hơn.

Tôi không muốn trừ bỏ đường sắt và nhà thương nhưng sự tự nhiên biến đi của chúng sẽ làm cho tôi vui mừng. Đường sắt hay nhà thương chẳng phải dấu hiệu giá trị của một nền văn minh có chăng người ta có thể bảo được chúng là cái bệnh tất yếu. Nhưng chúng chẳng bao giờ có thể thêm điều gì hơn cho sự vĩ đại tinh thần của một nước cả.

Theo quan điểm tôi, bài học của tôi có thể đem dạy cho con trẻ cũng được. Bài học ấy bảo phải lấy tình yêu thay cho oán ghét, lấy hy sinh tự kỷ thay cho bạo lực. Nó đem sức mạnh tinh thần thay cho sức mạnh vật chất.»



— NGỌN đèn sắp tắt
rời mình à.

Hạnh nói với chồng như thế.

— Còn dầu không ?

— Tìm dưới bếp thử coi,
còn một chút thôi cũng đủ sáng.

— Đáng lẽ nên thắp một
ngọn bấc, nó ngọn hơn cả.

— Bây giờ khó kiếm ra bấc.

Thôi ngủ đi mình.

tắt hẳn. Hẳn lúc đầu chìm đắm
mãi trong cái hoang tịch hư
không đó, cơ hồ một linh hồn đã
thoát xác hay vẫn vợ chưa có nơi
nào trú ẩn.

Ngọn đèn tắt ngấm. Vợ hẳn
cũng không chớp mắt, buồn bã,
chị trở mình vô vách, nước mắt
rơi đầm đìa, một lát tiếng khóc
sụt sùi nặng nhọc rõ hơn. Dụng
không ngủ, vẫn ngồi im. Bỗng
dưng lòng hẳn nung nấu thêm

SƯƠNG Á ĐÔNG

— Em ngủ ?

— Thức hoài cũng vậy.

— Anh ngủ không được.

— À... sao em cũng vậy.

Thư ánh sáng sắp tàn lại
càng lóe ngời lên tuyệt đẹp.
Cheng mắt đã thâu đêm Dụng
thông với được mỗi buồn mất
thở của hẳn. Ngọn đèn lóe thêm
vài cái soi căn phòng lờ - mờ rồi

chuyện làm người nôm hơn lúc
nào hết. Nếu không còn ánh sáng
trắng lên muện soi trên sân thành
từng vòng lay-lắt, niềm chua xót
có lẽ tắt ngấm theo ngọn đèn,
hẳn bước ra sân ngồi lại. Rơm dưới
chân nhám cào nhưng màu rơm
sậm lại, những cộng nhỏ hết thành
một đồng kịch sù như chiếc bỏ
hiện lù mù trong đêm.

Sương đông phủ dày hơn mang cái lạnh từ dưới lòng đất, dưới địa huyết lên thấm dầm vào linh hồn người hân. Ngồi yên một lúc, bàn tay hân nghe lạnh công lại. Ngó quanh, dưới trời sâu vô cùng, mọi vật như nhẹ nhàng lảng lất bay, không có chỗ tựa, không có gốc, không có nguồn gì cả. Rồi đôi mắt thẳng bé con hiện ra mỗi lúc một rõ hơn, trong suốt và lớn dần, một lát hân ngó lên không, thờ dài, đôi mắt đó biến vào ánh trắng mờ nhạt cô quạnh phía trời tây.

Tới sáng công việc hân đã bắt đầu khả quan, bắt đầu từ đêm tối, từ cõi không, buồn và vô nghĩa, nếu không nói là tuyệt vọng, hân đã đèo tre, đã vạt cây, dựng thành chiếc xương sống hình nhân, hân bắt đầu công việc vá víu, bện hình thật say mê, đến lúc mệt nhòa, hân ngẩng mặt lên bắt gặp đôi mắt Hạnh nhìn xuống, trông chị như một thánh nữ nhìn công việc của một quỷ vô thường vậy. Nền trời mỗi lúc một quang đãng hơn, ánh dương gọi dậy sinh lực sống trong mọi vật trên mặt đất. Vuốt mồ hôi trán nhuê nhại lẫn xuống đôi gò má, vệt mồ hôi thấm vào môi, mặt nồng có một chút hương vị của rơm rạ. Khi hân nhìn lên cố tìm lại gương mặt hốc hác sâu khò của vợ, chị Hạnh đã biến mất. Hân gọi :

— Mình ơi cho nước anh uống nhé.

Vắng tanh, hân gọi tiếp :

— Mình ơi, có đó không, cho nước anh uống.

Hạnh vẫn bất tâm. Con ráo môi, khô lưỡi dậy lên, hân thừ người.

Trời mỗi lúc một đồ nằng lên thân hình bóng người của hân. Nắng chói chan, hân ngồi khom lưng, đầu đã mỏi đề nghẹo trên đầu gối, hai cánh tay lực lưỡng vòng lên, óng như hình đồng nhân đặt ở một công viên nào trong thành phố. Gió vọng từ xa, mang theo vài lời tha thiết kêu gọi, đó là tiếng sống còn vồ, hay là tiếng của ngọn cỏ lau, phong âm thanh của gió có hương đồng, có chút linh hồn nào bay theo, có tiếng chim ngàn, có cả tiếng cánh vò của đàn cào cào bay trong đám ruộng. Hân cúi đầu nghe rõ tiếng gió ngầu đục, ray rức luồn vào xương máu kia, rồi bỗng dựng một hình ảnh bi thảm gọi lên trong ý nghĩ. Trên bãi sông vắng, Hạnh đứng trơ vơ, tóc bay tung rầm rập. Hạnh sắp gieo mình xuống vực thẳm. Vì vực thẳm là lời kêu gọi thiết yếu của tuyệt vọng. Hân hốt hoảng, bỏ cọng rơm trên tay xuống chạy tung qua đám cỏ xanh, luồn vào con đường mòn, băng mình, dần bước đi tìm Hạnh. Như một con trăn luồn trong cây lá, tiếng

cổ lau khua xào xạc như gió giạt hần chạy thật nhanh, chạy quên mệt nhọc, trong người hần bốc ra hơi nóng của lời kêu gọi gần bờ, tha thiết vợ con. Bước đuổi theo cái ám ảnh rờn rợn của hần nhanh hơn thời gian. Hần quên rằng trước mặt là những hàng khoai mới dâm, thân khoai mì được vạc ra mỏng và cặm xuống đất giồng. Công lao của vợ hần. Hần băng ngang qua đám khoai đang lờm chớm lá xanh, tuôn đường ra ngoài bãi. Chợt hần dừng lại vì một tiếng kêu chát chúa. Thì ra hần đứng dưới gốc cây đồng đông, tận nhánh cao lờm chớm gai nhọn, bóng một con quạ đang chầm mò xuống kêu lên hải hùng. Choáng ván linh cảm tới một điềm gì quái gở, hần lặng người đứng

nhìn. Trưa trở cơn, gió xoáy thành vòng trên bờ cỏ, con quạ đen giạt mình bay tung lên mất dạng... Đứng trên bờ nhìn ra khơi, sóng nước cuộn vòng lang thang trôi xa mờ, không có bóng dáng vợ hần. Nhìn quanh, vẫn biệt mù. Chợt hần nhìn hướng về nhà, khói cơm đã lên cao nhẹ nhàng nhả gỏi. Lòng hần sôi lên niềm vui, hần an lòng trở lại.

oOo

Từ hôm xảy ra chuyện chạy tìm Hạnh. Chuyện gặp lại con quạ khoang, hần cảm thấy âu lo và tha thiết chờ đợi... khi đó hình nhân bằng rơm hần đã bện gần xong, chỉ cần lắp vào hai cánh tay và mang nó ra miền đất nơi con hần nằm. Ý định thôi thúc hần làm nhanh hơn, lưng hần từ

Cầu nguyện

Được tin cụ bà thân mẫu thượng tọa Tổng vụ trưởng, tổng vụ Hoàng Pháp, sớm về miền cực-lạc.

Toàn ban biên tập tạp chí An-lạc thành tâm cầu nguyện hương linh cụ bà thượng phẩm thượng sanh.

mấy tháng qua hầu như còn lại, hẳn chỉ ngồi ở một nơi, còn cõ hóc người ra vì làm việc. Liên tiếp hẳn bị hai cơn gió bão thổi tung chiếc đầu hình nhân bay đi trong buổi tối hôm rồi. Tung mình đuổi theo chiếc đầu rơm, hẳn đua sức với gió mạnh, đến con rạch sau nhà thì bắt được, đem gắn lại tề chỉnh. Lúc đó hẳn nghĩ đến một trò đùa quái ác. Hẳn lại đem đầu chiếc đầu hình rơm vào dưới giường. Chiếc đầu quá to, như cái lu nước, nghĩ tới chuyện đùa nghịch thật là ghê gớm đối với gió bão trời đất. Vợ hẳn không thể hiểu vì lý do nào hẳn đem chiếc đầu rơm đó vào nhà, hẳn chỉ bảo : ta nên cất đề nó sanh phiền. Gió bay mất lại tổn công nữa thôi.

Hẳn leo lên giường nằm lặng trong sự chờ đợi trong cái linh cảm vừa qua. Biết đâu trong cánh đồng giăng mờ lớp sương, có một làn gió thổi, rất nhẹ rất êm, chỉ khẽ vờn trên lau vậy thôi, cũng đủ khiến cho một loài rần rộc rùn mình, và thổi thúc chúng đi tìm một cái gì để thực hiện. Hẳn chợt nghĩ đến những trận mưa liên tiếp, đồng lầy lội nước. Tất nhiên là loại chuồng chuồng giồng nặng chập chờn không còn nữa. loài chim rút trong ổ rơm nào đó, hay bay đi tìm một khoảng trời trong lành hơn. Cánh đồng

chỉ còn lại điệu nhạc lẻ thê ngầy tháng của lũ còn trùng trong ngạch chuộc, trong các gò đồng ngồn ngang những cuộn tròn đen có, vẫn có, đó là bầy rần lục, rần hồ, rần mai gấm, sợ nhất là loại rần lui đuôi nhỏ như mút dưa, loại ấy giống loại trùng hôi nhưng nọc thật độc. Một lần hẳn đi hái bở, mùa nước lũ trồng bở thật tốt, xanh mượt như ngàn dâu, rập rờn rải tung những hạt mưa nước trên cánh lá tuyệt đẹp, xa trông cánh đồng diềm thêm những ruộng bở xanh xanh, như một người khách lạ, luôn đùa cợt, vui vẻ. Bàn chân êm ái, lướt theo những hàng bở tươi tắn chợt dầm nhảm một chú rần con, hẳn giật mình, nhảy tung lên, cái nhảy chỉ nhanh một thôi, miệng con rần đã mở ra, thân nó đã cuộn tròn lại, quầy lộn, vươn tới Chỉ một chút bất ngờ thôi, mọi sự sẽ không có hôm nay, hẳn nghĩ đến càng rùng mình. Đồng ruộng thật bao dung nhưng trong lòng nó chứa quá nhiều nanh vuốt của thân hắc ám, của vực thăm, của khoảng đen tối, thê lương, nó vô tình như khoảng hư không lại chỉ chực chờ bước xảy chân là vùi ngay vào cõi không hư... mọi vật điều phải bị chôn vùi, nghĩ thế hẳn an lòng hơn. Niềm chờ đợi, linh cảm kia vui đi dần. Vừa lúc người vợ đi vào, đặt ngọn đèn trên bàn, nói :

— Hôm nay mình mệt lắm sao ?

— Hoi mệt nhưng không sao cả. Tôi chờ mình.

— Thôi đi, mệt rồi mà... đêm nào cũng vậy. Độ này mình kỳ quá.

Dụng không đề ý lời trách móc của chị ta, mắt hần lóe ngời lên, hần bỏ mùng xuống. Một cảm giác hoang lạnh nổi lên như nằm dưới lòng mộ. Hần duỗi thẳng chân tay, đề hơi thở đầm lại, tịnh một lúc, cảm nghe niềm cô quạnh bốc lên chung quanh. Dáng điệu ấy không khiến hần an lòng nữa. Hần xoay lại phía ngọn đèn tỏa mờ ánh sáng, nổi sầu lay lắt linh hồn kia trong cái lạnh buồn không kém tha ma.

Ngoài hiên chị vợ đứng ngẩn ngơ nhìn một công việc kỳ cục của anh chồng điên, chị cũng cảm thấy mọi sự đều mong manh hư ảo cả, không hơn gì chiếc hình rơm tro vợ giữa sân rộng. Đôi mắt sâu thẳm, mịt mùng, đôi mắt chim sâu trong bóng tối như gọi lên cái bí ẩn của hình nhân đó, cơn gió đồng thời nhẹ nhàng lay lắt về khuya, tiếng gió thăm thẳm, gọi dậy lên tiếng vọng huyền bí của trăng sao, chị Hạnh nghe mơ hồ tiếng múa hát của đàn tiên đồng ngọc nữ đang cỡi đàn hạt trắng bay vờn trên đám mây màu đục ! Có đứa con chị múa hát

trên đó. Cối của trẻ thơ phiêu bồng, cối của những linh hồn không vương những tục lụy, những phiền lo của mặt đất đầy giông bão này. Thao thức buồn tẻ, chị lặng lẽ bước đi, đưa chị tới dưới chân hình nhân, bỗng nhiên chị quỵ sụp xuống, ôm ghì lấy bàn chân to lớn rơm rạ, khóc ngất.

Giữa mê cung nào con người chợt thấy lại hình bóng thân yêu của kẻ sa chân, rồi chính mình cảm thấy cũng tê tái rồi rạc cái thân nồng xương máu nhỏ nhoi, lạnh vắng vọ, bàn tay tro tro bám lấy một bàn chân, bàn tay mềm mại bện trên chiếc chân rơm rạ lao xao, ghì siết lại, lệ nhỏ từng cơn. Mọi sự đều hoang vắng, bại hoại rã tan, đến từng lớp hơi thở nhẹ, mỏng tan nhòa trong sương khói canh khuya. Xa, không rõ tự đâu, trong lùm điền điền um tùm, quánh đặc đen tối, hay trong đám ruộng hoang, tiếng chim gáy, đó là tiếng chim cu ngói, con trống bay vu vơ, lẻ loi, kêu vọng đến tai nàng. Bất giác cơn biến động tâm hồn dậy lên như cò xi xôn xao ở trận tiền như gươm giáo va chạm hồn độn trong châu thân, chị ta găm giữ chưa xốt đến điều : « Không đâu. Hần không phải là người, không phải là chồng mình, hần là một tên xa lạ, một quỷ sứ, một cô hồn sống đề báo cái nợ tiền khiêng của mình. »

Bao nhiêu nhẵn nại ngày tháng chỉ một phút tam bành nổi lên, bàn tay mềm mại bên từng hạt gạo trắng, từng thấp ngọn đèn khuya, từng nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc nồng cháy, từng vỗ ề âu yếm bông chợp lấy tất cây trong tay, đứng nghiêng mình, quắc mắt sáng rực, hi hục phá tan cái hình nhân tồn quá nhiều công phu tạo tác nọ của anh chồng.

Hạnh đã nằm yên như người ngủ mơ trên giường, dáng mặt mới quá độ hiện rõ trên gương mặt tròn buồn rười. Đặt Hạnh nằm đó xong rồi, bắt đầu lo đốt bếp lửa, đem lại hong cho vợ, niềm thân nhiên trong mắt Dụng chứng tỏ hẳn đã lấy lại được bình tĩnh, sau những ngày khổ thân thể vì mất con. Hạnh rên lên từng tiếng, một lát mở choàng mắt nhìn chồng mình đang lui cui gom lại bếp lửa. Lấy khăn lau sạch vết hùn đầm qua bắm vào đôi má vợ, Dụng gật đầu nói :
— Em đã khá, bây giờ thế nào ?

Hạnh cũng gật đầu. mệt nên không trả lời được. Tay chị đưa ra vò chồng. Cử chỉ đó rất tầm thường nếu đối với những cặp tình nhân mới, những vợ chồng lấy nhau vì một chút của cải. Nhưng Hạnh đã cảm thấy được một niềm hân hoan, sống trở lại, sau đêm gục đầu khóc dưới chân

hình nhân, rồi phá nát công trình của chồng di. Đó là phút hồi sinh huy hoàng, tuyệt đối trên bờ phúc hạnh. Một người đã rơi tòm xuống vực thăm vì tự vẫn, nay được sống lại bên miền ân ái hằng mong của mình. Nàng ý thức được cơn mê lầm nọ, và bừng lại một cử chỉ thân yêu quyến luyến với chồng. Thân thể ấm nồng gọi niềm gắn bó, lòng Dụng xao xuyến đưa hai bàn tay cứng ra đỡ Hạnh lên, và cúi xuống âm nàng vào lòng, khề hôn như hôn đứa trẻ thơ :

— Sao em làm thế, bao nhiêu ước vọng của anh em đã phá hết cả, anh sẽ làm lại một hình nhân khác, lần này em giúp anh nhé.

— Anh ơi em quá sợ hãi, nhất là khi buồn, em cảm thấy có điều gì quái gở đe dọa hai ta. Vợ chồng mình gặp nhiều tai họa lắm. Bây giờ anh hãy nghe lời em, chúng ta đi..

Dụng yên lặng một giây, chợt hỏi :

— Đi đâu, chốn nào chúng ta được vui thỏa.

— Em không cần biết, miễn là thật xa nơi đây. Tìm tới một nơi ồn ào phố chợ .

— Đền làm gì ?

— Ở đây hoang vắng quá. Những ngày anh vắng nhà em sợ

lắm.

— Thế thì ý định của anh tàn tành hết mà anh cũng không muốn đi. Chúng ta đi nghĩa là... trốn chạy dù trốn chạy một công việc không đâu... đi là hết.

Hạnh ngồi lên vai dựa vào ngực chồng lo nghĩ :

— Đường như nơi hoang dã này không phải của hai vợ chồng mình. Nó có vẻ linh hiển lắm. Mắt chị ta lăm lét nhìn ra bầu trời đen thẫm bên ngoài cửa, nói tiếp :

— Em đã nghĩ là... lạy t rời phạt. em nghĩ chúng ta vô có tới đây xâm phạm cõi của những người...

Dụng chẳng cãi lại, ôm lấy vợ chặt hơn, dường như hẳn muốn san sẻ hai sức âm dương nồng nàn của vợ chồng lại với nhau để qua cơn lo nghĩ của vợ.

— Nếu em lo sợ, chúng ta hãy tìm một người nào đó đến ở với chúng ta làm rầy, và tiện cho anh đắp lại hình nhân kia.

— Ai lại chịu đến đây ?

— Anh sẽ tìm được... ví dụ một kẻ chán đời... phiền lụy ở thành thị, thất nghiệp hay có ý định gì đó, đến đây muốn tìm nơi yên ổn.

— Đời thiếu gì họ, Nhưng biết họ có tốt không. Em nghĩ nếu về nơi thành thị sống với mọi người, vui buồn đau yếu có nhau mình đỡ hơn chứ anh.

Dụng cười lạnh :

— Đó là điều anh muốn từ

lâu... nay cũng là điều em ao ước
nhưng em ơi quen chốn này, về
phố thị trăm mặt vạn lòng biết
họ có bao dung, che chở hơn
không ? Biết rằng cõi người ta đó
có sẵn sàng mọi đức tính cao đẹp
đề... mỗi người một chút tính
yêu hòa ái với nhau không ? Hay
là họ lại chê chúng ta quê mùa
dốt nát... chính hôm nay anh cảm
thấy mọi vút nanh ghè gớm nhất
của phố thị gọi là văn minh này..
anh đã đến đó, ẩn trú một nơi
sẵn sàng kể lại hơi gió mát của
đồng nội, nói những chuyện đi
bắt trùng chim, những bóng mát
của cây cỏ, hương vị của đồng
ruộng... em biết sao không ? họ
chỉ nghe anh vì hiếu kỳ... hơn là
niềm thông cảm. Bởi vì những
bức tường hợp đó ngấm tẩm máu
họ nhìn lên trời, che kín gió đồng
nội thổi luồng qua sông rộng và
với họ ban cho buông phôi họ
sinh khí trong lành và nghĩ mình
như là...

Cho nên điều anh quyết thực
hiện ở đây... anh mong em gần
lòng giúp đỡ. Người ta không
làm giống một công việc như thế
đâu. Em nhớ thật kỹ nhé. Người
ta bây giờ không ai làm như vậy
cả, cái công việc bện hình rồng
như anh.

Hắn nói một thôi rồi ch
ngửa mặt lên cười vang, tiếng
cười của vị vua chúa quyền
nào chỉ có trong cổ sử.

25-7-66 trần tuấn

lửa thiêng ngày 20 tháng 8

TRỤ-VŨ

đúng nửa đêm — giờ thần đêm ngự trị
ngày hai mươi tháng tám sáu mươi ba
(ôi, đau thương còn khắc giữa lòng ta !)
đúng nửa đêm — khi mặt trời vắng mặt

và bếp lửa, và vì sao cũng tắt
đáng nửa đêm : bỗng dậy tiếng reo hò
trên con đường trùm bóng tối âm u
xuất từ huyết của căn nhà, bọn chúng

chân giẫm giầy đinh, tay ghim bằng súng
tiến lên, tiến lên, vây kín chùa thiêng
nơi hai mươi thế kỷ ngự niềm tin
ngự sức sống, ngự linh hồn dân tộc

rồi một tiếng hô lên, rồi hồng học
chúng xông vào cửa sập dưới đèn khuya
chúng hiện hình ra : họng súng lưỡi lê
chứa trước mặt — hận thù ngàn ngạt lửa

rồi thù hận bùng ra trong tiếng nổ :
trận đạn, liên thanh, chúng quét chúng cản
những gói giầy đinh ác quỷ nghênh ngang
dập lên đất của tình thương (hoa hồng ơi,
tội nghiệp !)

trong đêm tối của một ngày lửa
của một mùa pháp nạn — chín năm qua...
ngày hai mươi tháng tám, sáu mươi ba
bọn ác quỷ xông vào trăm cửa phật :

Khá lợi, Ân quang, từ đàm, bảo quốc...
bất hàng ngàn phật tử tăng ni
dưới đêm khuya, đối trước mặt từ bi
trước bàn tay, nguyện cầu, không bạo động

— nghĩa là trước tinh thần bi tri dũng
bạn còn đồ khát máu, lũ yêu tinh
đã dùng lưỡi lê, súng thép, gươm đinh
để đánh đập, để đâm vằm, để bắn

để xó đầy những người yêu ánh sáng
vào ngục tù bóng tối của ma Vương.
đêm hai mươi tháng tám mùa đau thương
máu linh chảy chan hòa lòng đất nước

(lễ xin nhỏ cho ven tinh sau trước
tìm xin đau cho nghĩa được vuông toàn)
lửa tiêu điều khuya mười sáu chưa tàn
jửa hỏa ngục đã bùng lên, tiếp lửa

tìm quảng đire kết bằng hoa giác ngộ
tượng kim cương hồn đạo pháp thiêng liêng
dù chúng nung ngàn ngọn lửa, con tim

vẫn không cháy dù diệt chùa Xá lợi
tìm bắt diệt vẫn không hề diệt nổi
và lửa thiêng dân tộc vẫn tràn dâng
và bừng lên trong từng cánh hoa xuân

-- dẫu ngã gục dưới giông thủ bão hận --
(quách thị trang ơi ! hồn em hãy nhận
bó hoa vàng dân tộc kinh dâng em)
và như triều biển dậy, lửa bừng lên

lửa bừng lên — bừng lên trong liếng thét
của người mẹ, khi cầm hồn sắt thép
đổn thấy con gục chết giữa đường xanh
lửa bừng lên trong nét chữ người Anh

khi đặt bút ký lên tờ huyết lệ
ôi ! đất nước sao mà yêu mến thế
các em tôi đứng dậy giữa tờ thư
giữa truyền đơn, biểu ngữ, giữa lao tù

và lửa vượt biên cương bừng ánh sáng
khắp cả năm châu — lửa mùa pháp nạn
ba lê, nhật bản, Ấn độ, hoa kỳ...
ngày hai mươi tháng tám vẫn còn kia

tạ lương niệm bằng lửa hồn, em nhé !
xin tiếp lửa cho tàn đêm thế kỷ
cho lương lai dân tộc hé môi cười.



Mái
chùa
Hồn
Dân
Tộc

Tạp chí AN LẠC đang sưu khảo sự tích và hình ảnh của các ngôi chùa ở V.N, được nhiều màu sắc dân tộc. Trong khi chờ đợi tài liệu các nơi gửi về cho đầy đủ, chúng tôi xin mời toàn thể Phật tử và những người bạn của Phật tử Việt Nam hãy cùng quý Thượng tọa : Thích Minh Châu, Thích Huyền Vi, Thích Thiện Châu, và Pasadika đi chiêm bái các Phật tích để được hiểu qua hồn dân tộc Ấn Độ, ẩn trong mái chùa.

A.L.

VƯƠNG XÁ

(Rajgir) (tiếp AN LẠC số 1)

T.T. MINH CHÂU • THIỆN CHÂU

HUYỀN VI • PASADIKA

SUỐI NƯỚC NÓNG

CHÚNG tôi gấp gấp trở về vì trời đã gần tối. Nhưng vì quá mệt mỏi nên chúng tôi ghé lại suối nước nóng để tắm cho khỏe. Đức Phật có nói nhiều lần về suối này trong khi thuyết pháp. Có lẽ thỉnh thoảng Đức Phật cũng có đến tắm tại suối này. Xưa kia có một ngôi chùa gọi là TAPODĀ-RĀMA gần suối này nay không còn nữa mà chỉ thấy toàn là Ấn giáo được lập ngay trên các vòi nước và hồ tắm. Nước vừa nóng chảy từ trong núi ra và được chuyển thành nhiều vòi để cung cấp cho nhiều hồ tắm. Trên mỗi vòi có một tượng thần Ấn giáo. Một hồ nước khá nóng để cho người tắm có thể ngâm mình lâu hơn. Nhiều người mắc bệnh ngoài da hoặc bệnh tê thấp đều đến tắm để chữa bệnh. Mùa đông dân chúng đến tắm rất đông. Đang mệt mà tắm thì thấy khỏe liền. Dừng lên ngôi đền Ấn giáo trên suối nước này ai đó quả đã biết tận dụng thiên nhiên để lôi cuốn lòng tin của người thiếu lý đoán.

Trên đường về chùa Miến Điện chúng tôi định ghé lại thăm chùa Nhật Bản trong chốc lát thôi. Nhưng rồi hợp cảnh vui tình, chúng tôi ở lại đây một đêm. Chùa ở vào một nơi rất thanh tịnh. Tiếng trống công phu hoà với giọng tụng kinh trầm bổng của các thầy Nhật Bản làm sống lại trong lòng chúng tôi hình ảnh, âm thanh của

những buổi công phu mai chiều ở đất nước. Đại Đức Trụ trì đón tiếp chúng tôi một cách niềm nở. Ở đây chỉ có hai thầy. Họ thuộc về Nhật liên tôn. Câu tụng kinh thường xuyên của họ là câu « Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh » Đề kỷ niệm nơi Đức Phật đã thuyết kinh Diệu Pháp Hoa, họ làm chùa tại đây. Hai thầy tu hành một cách khắc khổ. Trên hai cánh tay của mỗi vị đều có dấu đốt lớn để cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau những câu chuyện viếng qua thăm lại, chúng tôi xin lên chánh điện lễ Phật. Ở đây từ tượng Phật cho đến cách trang trí cái gì cũng giống Việt Nam. Đặc biệt là những bình hoa rừng xen lẫn trong những lá dâm bụt. nhưng nghệ thuật làm sao ! Chúng tôi tưởng có lẽ tất cả nghệ thuật cắm hoa của Nhật Bản nằm trọn vẹn trong những bình hoa ấy.

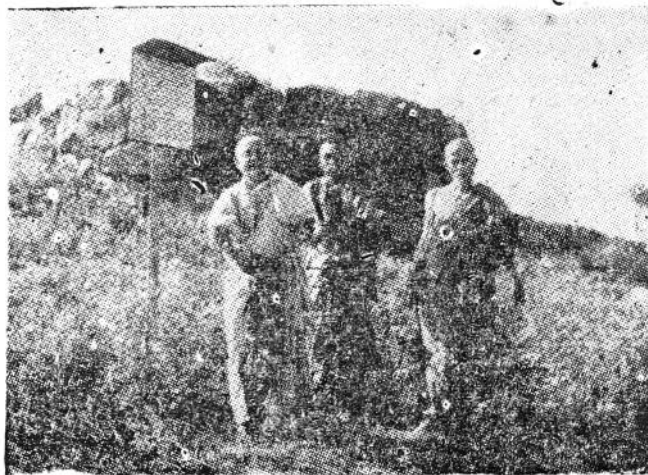
Lễ Phật xong chúng tôi tất cả đều ngồi nghỉ trên những ghế đá bên cạnh chùa. Tại đây, chúng tôi gặp một gia đình người Ấn từ Calcutta đến nghỉ mát đi viếng cảnh. Trong câu chuyện chúng tôi có hỏi người gia trưởng tin theo tôn giáo nào. Ông trả lời là Ấn giáo. Rồi ông ta bảo Phật giáo và Ấn giáo không khác nhau. Thật vậy hầu hết người Ấn đều tin tưởng Đức Phật là hiện thân thứ 9 của Thần SHIVA. Các Đạo sĩ Ấn giáo cũng thường bảo như vậy. Nhiều đền

Ấn giáo có thờ cả tượng Phật chẳng khác gì những am điện đồng bóng ở nước ta. Đó là sự « đánh lên sòng » để làm thỏa mãn sự đòi hỏi của những người Ấn kính mến Đức Phật. Sự việc này một phần nào đã làm cho đạo Phật ở Ấn Độ suy tàn mau chóng và phục hưng chậm chạp. Nhưng rồi vì cố học thức và hiểu biết sự cao trọng của Đức Phật,

chủ đậm đà, thâm thiết Nhờ đi xe ngựa nên chúng tôi có đủ thì giờ đề hỏi và nghe giảng về những thành tích phụ :

a) Cách chùa Nhật Bản độ 500 thước, nơi đường kẻ chỗ hai mòm núi gần tiếp giáp nhau là nơi Đức Phật hàng phục con voi say của Vua A-Xà-Thế thả ra để hại Đức Phật

b) Đi độ 300 thước nữa, có



người gia trưởng này đã vui lòng để ba con của mình theo dọc ba câu quy y bằng tiếng Pàli và hứa sẽ dạy lịch sử Đức Phật cho chúng.

Vì đi đường và leo núi quá mệt, chúng tôi đi nghỉ sớm hơn thường lệ. Sáng ra chúng tôi lên đường đi Linh Thứu vào lúc 5g.30. Thời gian hội ngộ tuy ngắn ngủi, nhưng tình tiền biệt của khách và

một nền đá rộng dài, nằm dưới chân núi về phía bên phải. Đó là nền tu viện của Ngài Long Thọ (Nagarjuna) một giáo sư của Đại học Viện Nalanda cũ và cũng là một luận sư nổi tiếng về không tôn đã hoằng khai giáo lý Bắc Tôn.

c) Xa hơn nữa có một bức thành cũ bằng đá dày 2 thước

Chỗ này được xem là nơi Vua A-Xà-Thế, vì muốn được làm vua sớm, đã giam Vua cha là Tần Bà Ta La cho đến chết. Trong khi bị giam tại nhà tù này, Vua Tần Bà Ta La thường thấy Đức Phật đi đi lại lại trên núi Linh Thứu. Nhờ thế mà vua bớt được nhiều đau khổ. Người ta có đào được một vòng sắt đề tước tù nhân tại đây. Do đó cá thể tin rằng đây là nhà tù giam vua Tần-Bà Ta-La.

d) Gần núi Linh Thứu cách bức thành không xa, có một nền tinh-xá rộng lớn. Đó là tinh xá của một y sĩ nổi tiếng tên là Kivaka đã quy y với Phật và nguyện suốt đời chữa bệnh cho Giáo-Hội lúc Phật còn tại thế.

5) Núi Linh Thứu (GRIDHRAKÛTA)

Chiếc xe ngựa dừng ngay trước tam cấp đường lên núi Linh Thứu (Linh Sơn). Đây là nơi quan trọng nhất trong các thánh tích ở thành Vương Xá. Đức Phật thường trú lại đây Phần nhiên kinh-diễn Bắc Tôn như kinh Pháp Hoa được Đức Phật thuyết tại đây. Vua Tần-Bà Ta La có xây một tam cấp bằng đá lên tận đỉnh đồi. Đi một chận đến một tấm bảng đề : « Chỗ vua Tần-Bà-Ta La-xuống kiệu, khi nhà vua lên yết kiến đức Phật ». Leo lên độ vài tầng cấp nữa, lại có tấm bản đề : « Chỗ này vua Tần-Bà-Ta-La bảo người hầu cỡi ở lại để

một mình vua lên yết kiến đức Phật ». Qua một khe đá, gần dưới chân những tầng đá cao là nơi Đê-Bà-Đạt-Đa xô đá làm Phật bị thương ở chân. Đi lên nữa, rồi quanh qua động của đức A-Nan thì đến ngôi chùa Phật ở. Ngôi chùa hiện đã đổ nát ở ngay trên đỉnh đồi. Trước đây toàn ngọn đồi đều bị cây cỏ che kín, nay được phá giờ đi và chánh phủ Ấn đã sửa sang đường sá nên lên đến đỉnh một cách dễ dàng. Ngôi chùa chỉ còn ba chân tường nhỏ hình vuông trong có một bệ đá nhỏ là chỗ xưa đức Phật nằm nghỉ, cỏ dại mọc đầy trên nền, nhưng chung quanh rất sạch sẽ. Chúng tôi thắp đèn đốt hương, dâng lễ và tụng kinh tại đây. Chúng tôi tưởng niệm đến ngài Đại - Thặng - Đẳng một trong những vị Tăng sĩ Việt Nam sang Ấn độ vào thế kỷ thứ 7 đã bỏ mình vì bệnh tại Song Lâm, và Hòa Thượng Huệ Quang, Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã nhập diệt trên đất Phật trong khi đi dự hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ tư và cầu nguyện cho Phật giáo nước nhà được hưng thịnh. Đã ba tháng, tuy có tụng kinh bằng Pali hôm nay được chung hòa trong buổi tụng niệm theo nghi thức quê hương, chúng tôi vui sướng và cảm động khôn xiết, tiếng kinh vang động cả mấy ngọn đồi. Mùi hương tỏa dần theo gió sớm. Ánh bạch lạp lung linh như muốn

chan hòa với những tia nắng vàng vừa lên khỏi núi. Tất cả tạo thành một khung cảnh vừa trang nghiêm vừa mẫu nhiệm.

Khi tụng niệm câu NAM MÔ LINH SƠN HỘI THƯỢNG PHẬT BỔ TÁT, một luồng gì lạnh buốt phát ra từ đỉnh đầu rồi tỏa khắp châu thân làm cho chúng tôi khoan khoái nhẹ nhàng. Tiếp đến hai hàng nước mắt tuôn trào không sao ngăn được. Bây giờ nhớ lại mới nhận ra là lúc ấy bỗng nhiên một cảm giác hân hoan tràn ngập tâm hồn vì tự thấy mình được nghe pháp trong hội Linh Sơn, nhưng rồi tự tử buồn tiếp đến vì không được thấy Phật và các vị Thánh Hiền đâu nữa.

Lễ Phật xong chúng tôi cùng lui ra ngồi trên tầng đá lớn nhìn xuống cảnh vật chung quanh. Càng nhìn càng nhớ lại tất cả công hạnh tu hành, độ sanh của đức Phật. Và chúng tôi hiểu rõ vì sao đức Phật lựa chỗ này làm nơi thường trú: hoàn cảnh và địa thế nếu không phải là tất cả thì một phần nào có thể làm cho tâm tư con người trở nên thế này hay thế khác. Có lên cao mới thấy rộng, có vượt ra ngoài những gì thấp kém ở nơi khoáng đại hùng vĩ mới nảy sanh được tư tưởng cao siêu huyền diệu. Đức Phật đã tỏa sự bằng lòng của Ngài đối với cảnh núi non thanh tịnh trùng điệp cũng như một vài

cảnh khác trong vườn Vương Xá. (Vui đẹp thay thành Vương Xá! Vui đẹp thay núi Linh Thụ! Vui đẹp thay Trúc Lâm! Vui đẹp thay Saptaparni! v.v...)

Phải trở về cho kịp chuyến xe đi Bồ Đề đạo tràng, nên chúng tôi từ giả Linh Thụ trong ngậm ngùi lưu luyến vào lúc 8 giờ.

Trên đường về, chúng tôi thưa với Thượng Tọa Minh Châu: (Nếu Phật Giáo chúng ta không xây dựng trên Linh Thụ một ngôi chùa thì không khéo lại bị ngoại đạo xây đền trên ấy. Hơn nữa, cảnh trí ở đó mà không lập một thiền viện thì thật quá uổng!)

Thượng Tọa Minh Châu cho biết: «Trước đây Đại Đức Kashyap đã có ý định ấy nhưng chưa thực hiện được. Lý do thứ nhất là vùng Vương Xá không có nhiều chư Tăng và Phật tử bản xứ. Còn người ngoại quốc thì không đủ sức hơn nữa, phần nhiều các nước đã xây chùa ở Buddhagaya; Linh Thụ lại quá xa làng xóm nên chưa có ai đủ can đảm ở luôn trên ấy. Trước đây có một vị sư Trung Hoa tu thiền tại động đức ở A Nan hơn một tháng, sau bị đạo tặc cướp phá nên vị ấy không ở nữa. Tôi và vài thầy ở Nalanda thỉnh thoảng cũng có lên thiền định và ngủ lại trên ấy!

Ký sự của Ngài Pháp Hiền

«Đi về phía tây độ một do tuần» (I) (Yojana) sẽ đến thành phố

mới của Vương Xá, thành này do Vua A Xá Thế lập ra, giữa thành có hai ngôi chùa. Ra khỏi cửa thành phía tây sẽ đến một ngọn tháp, do Vua A Xá Thế dựng lên để thờ Xá lợi đức Phật khi vua được chia một phần. Ngọn tháp này đồ sộ, đẹp đẽ và tôn nghiêm. Rẽ cửa thành

bắc đến nam độ 7, 8 dặm. Chính tại chỗ này ngài Xá lợi Phật và ngài Mục kiêu Liên lần đầu tiên nhận chân được diệu pháp, cũng là chỗ mà Ni Kiên Đà đào một hố sâu đầy lửa và dâng đồ ăn có thuốc độc cho đức Phật. Và cũng là chỗ mà con voi sà, cuồng của vua A



phía nam, chúng tôi đến một thung lũng, thung lũng này đưa đến năm ngọn đồi, năm ngọn này như một bức thành bao bọc một vùng đất rộng, đó là thành Vương Xá cũ của vua A Xá Thế. Thành này rộng từ đông sang tây độ 5, 6 dặm, từ

Xá Thế chạy đến để hai đức Phật và được đức Phật hàng phục. Tại góc đông bắc của thành Vương Xá có một ngôi chùa, là chỗ Jivaka thỉnh đức Phật và 1250 vị tỳ theo đến để kính lễ. Ngôi chùa đó hiện vẫn còn. Thành phố hoàn toàn vắng

không có người ở. Đi vào trong thung lũng và đến gần dãy núi độ 15 dặm phía đông nam chúng ta đến núi Linh Thứu. Cách đỉnh núi độ 3 dặm có một bệ đá, giữa những tảng đá lớn. Đó là chỗ Đức Phật ngồi thiền định, xây mặt về hướng nam. Độ 30 thước về phía đông bắc có một hang đá chỗ đức A Nan ngồi thiền định. Lúc bấy giờ có một con quỳ Pisuna ở cõi trời, biến hình thành con chim kên, đứng trước hang đá và dọa ngài A Nan. Đức Phật dùng thần thông mở rộng động đất, cầm tay ngài A Nan và làm cho ngài A Nan hết sợ hãi. Đầu con chim và lỗ hồng mà Đức Phật đưa tay qua nắm ngài A Nan nay vẫn còn. Do đó, hòn núi ấy gọi là ngọn đồi của hang con chim kên. Trước hang này là chỗ ở của 4 đức Phật. Các vị A La Hán, mỗi vị đều có một hang giống nhau khi các vị ngồi thiền định. Số động có đến 700.

~ Lúc đức Phật đang đi từ phía đông sang phía Tây trước nhà đá, ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA, đứng trên môn đá phía Bắc, lẫn một tảng đá xuống và làm ngón chân Đức Phật bị thương, tảng đá ấy hiện còn. Phòng Đức Phật giảng kinh đã đổ nát, chỉ còn lại chân tường gạch. Đồi này bằng phẳng và tôn nghiêm vì cao hơn tất cả 5 ngọn đồi chung quanh.

Pháp Hiền sau khi mua hương hoa và đèn dầu tại thành phố mới, thuê hai người đưa đến hang động và núi Linh Thứu. Sau khi dâng hương và hoa các ngọn đèn tự nhiên sáng tỏ. Pháp Hiền cảm động và buồn đến phát khóc rồi nói rằng: «Trước kia Đức Phật ở tại chỗ này. Chính chỗ này Phật đã giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Pháp Hiền tôi không được thân tiếp Phật trong khi còn sống, nay chỉ tìm được dấu vết về đời sống của Phật. Tuy vậy, tự thấy cũng được chút gì vì đã từng đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm trước hang đá này và ở lại đó một đêm». (Trích trong tập ký sự của Ngài Pháp Hiền).

Ký sự của Ngài Huyền Trang

«Ngoài cửa thành Vương Vá về phía Bắc, có một ngọn tháp. Chính chỗ này Đề Bà Đạt Đa và vua An Xà Thế, sau khi giao hữu với nhau đã đồng mưu thả con voi say đề hại Đức Phật nhưng Như Lai đã dùng thần thông hóa năm con sư tử chạy ra, từ năm ngón tay của Ngài, con voi say phải phủ phục chịu hàng. Phía đông bắc ngọn tháp này lại có một ngọn tháp khác. Chính là chỗ Ngài Xá Lợi Phất nghe vị Tỳ Kheo Asvajit nói pháp và chứng được quả vị A La Hán. Về phía Bắc tháp này có một hồ rất sâu bên cạnh có một ngọn tháp.

Đây là nơi Śrīgupta muốn hại Phật bằng cách giấu lửa trong hố ấy và dùng gạo có tẩm thuốc độc, vì Śrīgupta tôn sùng ngoại đạo và say mê theo tà giáo. Về phía đông bắc hố lửa của Śrīgupta và ở phía vòng cung của thành phố là một ngọn tháp. Chính tại chỗ này Jivaka, vị thầy thuốc trứ danh, đã lập một giảng đường dâng lên đức Phật. Chung quanh tường có trồng hoa và cây trà. Dấu vết nền tường và rễ cây thối nát vẫn còn thấy, Đức Phật khi còn tại thế thường dùng tại đây.

Gần giảng đường này nhà của Jivaka bị đổ nát và một lỗ giếng cũ vẫn còn. Phía đông bắc thành Vương Xá độ 14, 15 dặm là núi Linh Thứu, trên sườn núi phía nam của ngọn núi phương bắc, có một đỉnh núi rất cao, chim kén làm tổ tại đây. Đỉnh núi này hình dáng như một vọng lâu, màu xanh của đá trời phản chiếu xuống đỉnh tạo thành một cảnh sắc tươi hòa êm dịu.

Trong khoảng 50 năm hoằng dương Chánh-Pháp, Đức Như-Lai thường ở tại ngọn núi này và diễn giảng kinh điển thậm-thâm vi diệu. Vua Tần-Bà-Ta-La vì muốn nghe thuyết pháp, thường lên núi với một số tùy tùng. Số người này san bằng các thung lũng, bắt cầu sang các thác nước và dựng đá làm các bậc rộng độ 10 bước và dài độ 5, 6 dặm. Nửa đường có hai ngọn tháp nhỏ, một ngọn gọi

là «Xuống xe» vì khi vua đến chỗ này thì đi bộ xuống núi, ngọn kia là «Bảo tùy tùng đi lui», vì vua tách riêng tùy tùng, không cho họ theo mình. Ngọn núi này dài từ Đông qua Tây và hẹp từ Bắc đến Nam. Có một ngôi chùa bằng gạch, một bên là thung lũng rất sâu về phía sau ngọn núi. Cửa chùa này hướng về phía đông. Chỗ này Đức Như Lai thường dừng nghỉ và thuyết pháp, ngôi chùa cao rộng và cao đẹp. Hiện còn một tượng Phật tạc Ngài đang thuyết pháp to lớn bằng hình dung thật của Ngài.

Phía đông ngôi chùa là một tảng đá dài. Đức Phật thường đi kinh hành trên ấy để dưỡng sức, bên cạnh là một hòn đá to cao độ 15, 16 feet và độ 30 feet vòng tròn. Chính là chỗ Đề-Bà-Đạt-Đa xô đá hại Phật. Về phía Nam dưới hang thẳm có một ngọn tháp, Khi Đức Như Lai còn tại thế ngài thuyết kinh Saddharmapundarika (Diệu Pháp Liên Hoa kinh). Cũng tại đó, phía nam ngôi chùa trên sườn núi có một cái nhà bằng đá, chính tại chỗ này Đức Như Lai thường thiền định. Trước mặt nhà đó về phía Tây bắc có một hòn đá rất lớn hình thù kỳ lạ. Đức A-Nan bị quỷ sứ dọa nạt tại đây. Bên cạnh chùa ấy có nhiều nhà đá khác đó là chỗ của ngài Xá Lợi Phất cùng các vị Đại La Hán nhập định.

(Còn nữa)

ÁC NHÂN TRỞ THÀNH ĐẠI THIÊN

(VUA A-DỤC)

SAU khi Đức Giáo-Chủ Thích-Ca Mâu - Ni nhập Niết bàn khoảng hơn 200 năm, Phật Giáo đã được lan rộng khắp các nước Trung-Ấn-Độ, rồi phạm vi truyền bá dần dần mở rộng ra các nước ngoài bán đảo Ấn-Độ để trở thành một tôn giáo của thế giới, tạo thành một thời kỳ huy hoàng cho lịch sử truyền bá Phật Giáo. Sở dĩ được như vậy là nhờ công đức của một vị Hoàng đế đương thời, đó là A-Dục-Vương.

A-Dục-Vương là con của vua Tân-Đầu-Sa-La (Bindusara), thuộc lãnh thổ Trung Ấn-Độ.

Nguyên vào khoảng cuối thế kỷ thứ IV trước Tây Lịch. Đại-Đế Hy-Lạp là Alexander đem quân đánh phá vùng Tây Ấn-Độ.-Vua Chiên-Đà-La-Cấp-Đa (Chandragupta), đời vua thứ I Vương triều Khổng-Tước, liền cất quân đi đánh dẹp, khiến vua Alexander phải lui quân. Thừa thế, vua Chiên-Đà-La-Cấp-Đa mới đánh dẹp các nơi, rồi thống nhất luôn Tây Ấn, Bắc Ấn,

Trung Ấn, lập ra một đế quốc vô cùng rộng lớn. Đến đời Đại-Đế Alexander II, quân Hy Lạp xâm nhiều Ấn-Độ, nhưng cũng bị đánh lui, khiến cho thanh thế của Vương triều Khổng-Tước rất rạng rỡ. Từ đó, vua Hy Lạp mới sai sứ thần sang cầu hòa để giữ niềm thông hảo giữa hai nước.

Sau, vua Tân-Đầu-Sa-La thừa kế sự nghiệp của cha, cai trị khéo léo, sự thân thiện giữa Hy Lạp và Ấn-Độ càng chặt chẽ, tạo cho Ấn-Độ một nền văn minh phồn thịnh. Đế quốc của Vương triều Khổng-Tước quá rộng, những nước xa xôi ở Bắc Ấn, vì giao thông trở ngại mà uy lệnh của Trung Ương ít đạt tới, cho nên thường hay xảy ra những cuộc phản loạn. Do đó, vua Tân-Đầu-Sa-La mới tuyển chọn những người thông minh, anh tuấn trong hàng Vương tử để cử đi trấn nhậm các nơi đó, và Vương tử A-Dục (Asoka) đã được bổ nhậm làm Thái thú ở Bắc Ấn-Độ.

Vài năm sau, Vương tử A

Dục được cấp báo là phụ vương lâm trọng bệnh, liền lập tức trở về Hoa Thị Thành (Pataliputra, kinh đô nước Ma Kiệt Đà). Sau khi vua Tân Đầu Sa La băng hà, các Vương tử vì tranh giành ngôi vua mà đánh nhau trong 4 năm trường. Cuối cùng, vua A Dục thắng tất cả, tự mình lên ngôi vua, thống nhất 3 miền Trung, Tây và Bắc Ấn, trở thành bá chủ của một đế quốc rộng lớn như sự nghiệp của vua cha trước, đó là vào khoảng 267 trước Tây Lịch.

Sau khi lên ngôi vua được 9 năm, vì muốn bành trướng đế quốc, vua A Dục đã tiến quân đánh xuống phương Nam. Nhưng vì nước Yết Lãng Già (Kalinga) ở Nam Ấn Độ là một đại cường quốc nên việc chinh phục không phải dễ dàng. Trận chiến đã xảy ra vô cùng khốc liệt, sự chết chóc kể ra không xiết. Cuối cùng, A Dục Vương đại thắng, thống nhất toàn cõi Ấn Độ, uy danh vang lừng khắp trong và ngoài nước.

Thế rồi, sau khi chiến tranh kết liễu, bỗng có một sự biến đổi tâm lý nơi nhà vua. Ngài dần dần hồi tưởng lại tất cả những cảnh tượng bi thảm, chết chóc do chiến tranh gây ra, mà cuộc chiến ấy lại do chính Ngài phát động ! Ngài lại nghĩ đến ngôi vua mà Ngài đang ngự trị cũng lại là kết quả của một cuộc huynh đệ tương tàn ! Giờ

đây, trước mắt Ngài, biết bao nhiêu lương dân vô tội đang sống lầm than đói khổ, bao nhiêu cô nhi quả phụ đang sống cơ cực vì chồng, cha họ đã bị chôn vùi trong trận địa ! Bất giác, Ngài cảm thấy buồn bã vô cùng ! Ngài hối hận tất cả việc làm tội lỗi vừa qua. Ngài muốn sám hối những tội lỗi đó. Phương pháp sám hối của Ngài rất sáng suốt, đó là sự quyết chí qui y theo Phật Giáo.

Ngài đã chứng tỏ sự sám hối của Ngài trong sắc lệnh như sau : « Thiên-Ái-Thiện-Kiến-Vương (Devanapriyapradasi, tên riêng của vua A Dục), tức vị năm thứ 9, chinh phạt nước Kalinga (Yết-lãng-già), bắt sống 15 vạn người, giết hại 10 vạn người, và số người chết về tật dịch, đói khát gấp bội. Kể từ ngày thôn tính nước Kalinga tới nay, Thiên Ái rất nhiệt tâm hộ trì Đạt Ma (Dharma, Phật Pháp) đề truyền bá khắp nơi. Nay đoái lại những sự sát phạt, bắt bớ ở nước Kalinga, Thiên Ái rất làm đau lòng và hối hận. »

Sau khi qui y theo Phật Giáo, vua A Dục đã đem hết khả năng và phương tiện của mình để ủng hộ và bảo vệ Phật Giáo. Ngài đã ban bố nhiều sắc lệnh nhằm chấn hưng Phật Giáo. Những sắc lệnh này được khắc vào các hang núi, các trụ đá hoặc bia đá, vô tình đã chứng kiến những sử liệu

quý giá cho các nhà khảo cổ học đời nay. Những sắc lệnh này hầu hết nhằm vào vấn đề từ thiện và đạo đức. Ngài cấm các việc sát sinh, tránh các việc xa hoa, phóng dăng, bạo ác. Ngài hạ lệnh cho dân chúng trồng những được thảo, dùng làm thuốc chữa bệnh cho người, đào giếng công cộng để lấy nước dùng chung cho người và súc vật, lập các « Phòng cho thuốc » để chữa bệnh và nuôi người tàn tật già yếu. Ngài cũng khuyến hóa dân chúng tôn kính cha mẹ, người già cả và bậc tôn trưởng, hòa nhã với bạn bè thân thích, thương người tàn tật và tội tở trong nhà, và phải khuyến hóa lẫn nhau tu các điều thiện. Chính nhà vua cũng tự mình bãi bỏ các cuộc chơi săn bắn.

Khi đã lên ngôi được 13. 14 năm vua A Dục đã phái các vị Đại sư đi truyền bá Phật giáo khắp các nơi trong nước và ngoài nước, cốt mưu cầu an lạc cho nhân dân và hạnh phúc cho nhân loại. Nhờ đó, thời bấy giờ, Phật Giáo đã du nhập vào các nước Hy Lạp, Ai Cập, Syria, và hầu hết các nước ở đông bộ duyên hải Địa Trung Hải, các nước ở phía Bắc và Nam Ấn Độ. Chính con của vua. Ngài Mahinda, đã truyền đạo đến đảo Tích Lan.

Nhờ sự chỉ giáo của các vị Trưởng lão, Đại Đức, vua A Dục cũng đã phát tâm đi chiêm bái khắp

các nơi Phật tích. Tại vườn Lâm tỳ ni, nơi Phật giáng sinh, Ngài sai dựng một trụ đá để kỷ niệm (trụ đá này được khai quật từ năm 1897, chỉ còn bộ phận dưới, có ghi chép nhiều di văn của A Dục Vương). Sau đó Ngài lần lượt đi chiêm bái các nơi như thành Ca tỳ la vệ, cổ quốc Phật Tổ, thôn Ưu lâu tần loa, nơi tu khổ hạnh, Bồ đề đạo tràng, nơi Phật thành Đạo, vườn Lộc Uyển, nơi Phật thuyết pháp lần đầu tiên, và rừng Ta La song thọ, nơi Phật nhập Niết bàn. Các nơi đó, Ngài đều sai xây tháp để cúng dường. Sau cùng, Ngài đến chiêm bái di tích của Kỳ viên tịnh xá, nơi có các tháp của các Ngài Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan Đà v. v... Vua A Dục còn xây cất rất nhiều chùa tháp, tính có đến 8.400 ngôi cả thảy.

Nhưng sự nghiệp quan trọng nhất của vua A Dục đối với Phật Giáo phải kể đó là sáng kiến kiết tập kinh điển lần thứ III. Công việc kiết tập này được tổ chức tại kinh đô Hoa Thị Thành và do chính Ngài bảo hộ, chu tất mọi sự ràng rã trong 9 tháng trời.

Nhìn lại cuộc đời của vua A Dục, chúng ta thấy : con người lúc đầu của Ngài là một con người vô cùng bạo ác. Tất cả những hành động bạo ác đó đã diễn ra qua cuộc huynh đệ tương tàn để giành vương vị và qua cuộc chiến tranh

đam máu với Nam Ấn Độ để mở rộng đế quốc. Nhưng Ngài, sau đó, đã tự biến đổi, từ một con người đại ác để trở thành một con người đại thiện. Chính điều đó đã làm cho Ngài trở thành vĩ nhân, không những riêng đối với Phật Giáo, mà còn đối với chung cả nhân loại. Sự hồi tâm sám hối của Ngài không phải được chứng tỏ bằng cách lay lựu xin, hay trốn tránh trách nhiệm hoặc tự giết mình đi, mà là bằng cách đem chính tâm hồn và

thân xác của mình ra để phụng sự Chánh pháp. Ngài đã tận lực hàn gắn những nỗi đau thương mà Ngài đã gây ra trước kia. Chính nhờ ở sự hồi tâm sáng suốt đó mà nước được hùng cường, dân chúng được an lạc và Chánh pháp được hưng thịnh. Ngài thật xứng đáng nêu gương sáng cho các vị quốc vương muôn đời. Ngài đáng được loài người tôn xưng là «Phúc Đức Vương» như lời Phật đã dạy.

THÍCH HẠNH CƠ



Đức-Thành

Chuyên môn bán các hàng nghề may
(tailleur) Tergal, Orlon Dacron,
Tropical Nỉ, Sọc, Vải v. v...

88 Nguyễn-v-Thinh - Đ.T 21.316

(Exd'ormay)

SAIGON

làm thế nào để bảo vệ nhân phẩm phụ nữ việt-nam

♣ Phan-thị-Cửa

(Cựu G.S. trường Trung học Gia Long Saigon)

L.T.S.— Chúng tôi nhận được bài viễn văn của hội bảo vệ nhân phẩm phụ nữ Việt Nam do bà Phan thị Cửa làm hội trưởng gửi đến. Nhận thấy tinh thần bài dền văn phù hợp với một trong những tôn chỉ của bản báo, nên chúng tôi xin đăng tải để rộng đường dư luận.

AN LẠC

KÍNH thưa quý vị,

Trước hết chúng tôi xin được thay mặt **HỘI BẢO VỆ NHÂN PHẨM VÀ QUYỀN LỢI PHỤ NỮ VN** ngõ lời chào mừng cùng cảm ơn quý vị hiện diện trong buổi nói chuyện hôm nay.

Thú thật, chúng tôi không khỏi lo ngại khi được chị em đề cử ra đề hầu chuyện cùng quý vị về đề tài «Làm thế nào để bảo vệ nhân phẩm phụ nữ VN», hẳn quý vị cũng đồng ý với chúng tôi : đó là một vấn đề sôi bỏng và vô cùng khó khăn trong giai đoạn hiện tại. Song lại nghĩ rằng khó không hẳn là không làm được và mọi sự đều chỉ khó lúc ban đầu : thiết nghĩ như thế

nên chúng tôi mạo muội đưa ra đề góp ý cùng quý vị, hầu tìm một biện pháp cứu vãn, phục hồi danh dự không chỉ riêng cho nữ giới chúng tôi mà còn là vấn đề quan trọng : bảo toàn quốc thể.

Kính thưa quý vị,

Muốn chữa bệnh ta phải tìm rõ căn nguyên, vậy trước hết chúng ta thử nhận xét tổng quát xem vì sao phải tìm cách bảo vệ nhân phẩm phụ nữ ta, một sắc dân nổi tiếng là có nhiều trang nữ lưu trung, trinh tiết liệt vào bậc nhất nhì ở Á đông?

Dù chúng ta không tự tôn thờ quá đi chăng, chúng ta vẫn có thể tự hào về Triệu Nương, về Trưng Nữ, về một Đoàn thị Diễm từng làm mất mặt tướng tàu, về một Bà

thị Xuân xử sự đúng tác phong võ tướng : một cô Tấm từng giúp cụ Phan, một cô Giang chết theo Thái Học. Và gần đây hơn còn bao liệt nữ trong bóng tối không được người người nhắc nhở, sử sách chép ghi mà trong phạm vi gia đình, ta chẳng thiếu những bậc vợ hiền, mẹ tốt.

Thế thì tại sao đến nỗi chúng ta lại phải thành lập HBVN PVQLP-VN và hôm nay phải bàn đến biện pháp bảo vệ nhân phẩm phụ nữ chúng ta ?

Kính thưa quý vị.

Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ đây là những nguyên nhân :

— Phải chăng vì chị em ở thôn quê lên đô thành kiếm sống, vốn nghèo khổ thất học, không ai giúp đỡ, hướng dẫn lúc đầu nên dễ bị cám dỗ, lầm lạc;

— Phải chăng vì chị em trung lưu ở những đô thị chưa ý thức rõ giá trị của người phụ nữ VN, bị chói mắt bởi sự tiếp xúc với văn minh thiên về vật chất nên dễ sa ngã, mất gốc;

— Phải chăng vì một số chị em có căn bản vững chắc thì lại ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình, lo bảo vệ gia đình mình, con em mình, cho là không hơi đâu... họ xử sự đúng theo câu «cháy nhà hàng xóm bình chân như vại».

— Phải chăng vì thiếu sự đoàn

kết sáng suốt, thiếu tình thông cảm bao dung không hòa đồng quan điểm giữa các thành phần phụ nữ, nhất là phụ nữ nơi đô thị ?

— Có lẽ một phần nữa vì không có tiếng nói trung trực đứng đắn của phụ nữ VN;

— Có lẽ cũng bởi bản tính thích chưng diện, nhẹ dạ, ham chuộng tiện nghi vật chất và biếng nhác của một số ít chị em tôi xin nhấn mạnh : một số rất ít song tai hại thay : số ít đó đã làm gương, cám dỗ số đông bắt chước;

— Phần khác giáo dục gia đình và học đường lỏng lẻo, một số bà mẹ và cô giáo không làm tròn thiên chức, phận sự mình; ngoài ra một số chị em khác còn có nhiều hành động đáng tiếc, lỗi sống mờ ám, cử chỉ và phục sức lỗ lã, thêm một số bà mẹ khác đã dốc hết thời giờ vào sinh kế, còn đâu hồng chăm sóc con em ?

— Nhưng quan trọng nhất ta phải kể đến nạn sách báo, tạp chí, phim ảnh, ca nhạc vì đó là những sản phẩm đầy ắp chuyện tình hạ cấp, trần tráo ca tụng sự hưởng thụ xa hoa, khai thác triệt để cái đẹp bề ngoài của phụ nữ. Riêng thị trường chữ nghĩa hiện nay quá đặc lực trong việc làm cho bọn trẻ tin rằng : Mục đích chính của cuộc đời là Thụ Hưởng và người

già thì nghĩ rằng : Phải mau mau
Thụ Hường kéo hoà. Những người
này đổ lỗi cho chiến tranh và hoàn
cảnh đề có cơ đắm trong bùn nhờ
của dục vọng thấp hèn và tội lỗi,
hoặc buông xuôi chán nản, không
một chút tin tưởng ở tương lai ;

Những mẫu người Nhân, liệt,
Trung, Lương trở thành khan hiếm
trong văn chương cũng trên màn
ảnh, sân khấu, trong câu thơ, tiếng
nhạc và càng khó gặp giữa cuộc
đời. Than ôi ! làm sao tìm thấy
những người như vậy được trong
một xã hội mà Đạo đức có nghĩa
là gần hy sinh bị coi là ngốc ?
Không may cho ai cố giữ tròn nhân
cách, vì chính trực khẳng khái bị
chê là lập dị, lòe đời, nếu không bị
đem ra làm trò đùa cho kẻ khác.

Đúng như người xưa từng nói:
độc ác hơn nhà cai trị độc tài, giết
hại hơn những ông thầy thuốc dốt
Một thế hệ này đang kiệt quệ vì
ngòi bút của bạn bất lương.

Nếu ngày xưa ngọn bút lông
mềm mại của một Trần hưng Đạo,
một Phan đình Phùng đã làm cho
toàn dân thức tỉnh vùng lên, thì
ngày nay ngòi bút sắc bén nhọn
của kẻ vô liêm quả đặc lực trong
việc khơi dậy thú tính, chăm sóc
đặc biệt đến bản năng thấp hèn của
hầu hết trẻ già, trai gái.

Trách chi ngày nay người ta

không cho là lạc hậu khi bàn đến
dức, hạnh, liêm, trính; trách chi
ngoài đường phố không nhan nhản
những cách sống sòng, những pha
trần tráo như trên màn bạc.

Kính thưa quý vị,

Với chừng ấy nguyên nhân,
chúng ta thấy rằng việc tìm phương
pháp bảo vệ nhân phẩm của người
phụ nữ không phải là việc dễ, có
thể thực hiện trong một sớm một
chiều.

Nhưng «đốt ngọn nến nhỏ còn
hơn ngòi ngọn lửa bóng đêm»
chúng ta thử phát họa sơ qua một
chương trình và thảo luận kỹ càng
rồi thực hiện dần dần tưởng cũng
là điều cần thiết.

Sau đây là những biện pháp
chúng tôi xin mạo muội đưa ra :

— Kịp thời thành lập nhiều
chi hội Bảo Vệ Nhân Phẩm và
Quyền Lợi Phụ Nữ VN. khắp toàn
quốc, đồng thời cử ngay một ban
cố động cho phong trào của hội
bành trướng sâu rộng.

— Liên lạc với chính quyền,
với đoàn thể sinh viên, học sinh
Hội Phụ nữ Thiện chí, hội Không
Học, Hội Bảo vệ Tinh thần Thanh
thiếu nhi, Hiệp Hội Giáo dục Công
giáo, Hội Bảo vệ Luân lý, các đoàn
thể tôn giáo, các hội phụ huynh
học sinh, các vị hiệu trưởng và giáo
chức các trường công lập và tư

thực, v.v... để giúp nhau làm việc và để việc làm có kết quả thực tế.

— Cử đại diện trực tiếp thảo luận cùng các cơ quan chỉ huy binh sĩ ngoại quốc (Mỹ, Đại hàn, Úc, Phi luật Tân) hoặc nhờ chính quyền chuyển đạt văn thư buộc họ ra lệnh cho binh sĩ phải tôn trọng mỹ tục của ta, phải có cử chỉ lễ độ với nữ giới ở những nơi công cộng;

— Giảng nhiều bài ngữ ở các công lộ nhắc nhở chị em thận trọng trong mọi hành động, cử chỉ và nên kín đáo nhã nhặn trong lối phục sức để tránh hiểu lầm.

— Thành lập các trung tâm dạy nghề, các địa điểm làm nơi lưu cư tạm thời cho những chị em từ vùng quê đến để tránh cho họ khỏi bị cám dỗ buổi đầu. Lập sở tìm việc cho phụ nữ, giúp họ có việc làm vừa với khả năng; nếu có thể thành lập các hợp tác xã tiêu thụ đồ ăn định vật giá, tránh nạn đầu cơ.

— Yêu cầu nhà cầm quyền thẳng tay trừng phạt bọn người chuyên sống bằng cách quyến rũ, gạt gẫm những chị em nhẹ dạ, nghèo khổ, đưa vào cạm bẫy của xa hoa.

— Khoan dung, thông cảm đối với những chị em sa chân, sẵn bước, sẵn sàng giúp họ hoàn lương.

— Thành lập ngay một cơ

quan ngôn luận đứng đắn của nữ giới (hiện nay có nhiều tạp chí mệnh danh là của phụ nữ song thật ra là của đàn ông và phần nhiều là của hạng trục lợi, khai thác đề tài phụ nữ, đưa ra những nhân vật bệnh hoạn, không tương, trục lợi, vô luân; trắng trợn ca ngợi vũ trường, gái điếm, dung túng và khuyến khích những cây viết cho rằng sự hưởng lạc là mục đích chính đáng, cao cả của cuộc đời, làm cho một số thanh niên nam nữ không được một sự giáo dục tốt tưởng thật, tin theo. Lại một số sách báo khác mạo nhận là của thanh phần trí thức thì nhại lại và đề cao một mớ lý thuyết ngoại lai của Tây Phương đã và đang sa lầy, xuống dốc.

— Thường xuyên góp tiếng nói của phụ nữ trên đài phát thanh, trong chương trình Bộ XÃ HỘI, Bộ THANH NIÊN, trên màn ảnh ở mục thời sự hàng tuần luôn luôn nên có những lời kêu gọi giới phụ nữ giữ quốc thể và nhân phẩm y như chính phủ kêu gọi các thanh niên nhập ngũ

Tóm lại, bằng mọi cách : phát thanh, báo chí, màn ảnh văn nghệ đều hướng về mục đích làm cho toàn thể phụ nữ cảm, thấy, biết tin rằng cái đẹp bề ngoài vốn mong manh, không phải là cái đẹp trường cửu, không phải là giá trị thật của

ta mà trái lại cần bảo vệ, phát huy cái đẹp tinh thần vì đó mới thật là cái gia tài chung của con dân nước Việt và là cái vốn riêng của nữ giới chúng ta.

Phải tìm đủ mọi cách làm cho chị em trót quên nhớ lại, chưa hiểu sẽ biết, song song với sự liên lạc cùng gia đình và học đường để giáo dục con em, chỉ rõ những cạm bẫy vật chất cùng hậu quả khốc liệt của nó.

— Nhắc nhở bằng mọi cách cho mọi người tự hào về ý chí bất khuất của những trang Trinh, Liệt xưa nay, rằng chúng ta cần bảo vệ nhân phẩm của chúng ta để xứng đáng với những gương sáng của tiền nhân và cũng là để bảo vệ danh dự chung của dân tộc, do lẽ đó mạnh dạn yêu cầu nam giới tiếp tay cho.

— Phân tích rõ tai hại của một nền văn minh quá thiên vật chất, cùng khơi gợi nhắc nhở những truyền thống tốt đẹp của Đông phương.

— Yêu cầu chị em ở thành phần giàu có, phẩm tước nên bớt sự huy hoác, kiêu xa, vốn là mầm gốc của sa đọa cùng tội lỗi và gây ao ước, thèm khát cho những kẻ nghèo khó, không đủ sức tự chủ, giữ gìn phẩm hạnh.

Giải thích và làm gương cho

toàn thể nữ giới hiểu rõ giá trị của sự làm việc, của đồng tiền đồ mớ hôi, đề cao giá trị của những chị em sống bằng sức cần lao, mạnh dạn xóa tan thành kiến cho rằng sự làm việc bằng tay chân hạ thấp con người.

— Chính phủ và tư nhân hợp sức khuyến khích công kỹ nghệ, thủ công nghệ, trang trại chăn nuôi, gây phong trào dùng sản phẩm nội hóa, kinh tế tự túc; hạn chế nhập cảng xa xỉ phẩm, hầu khỏi tạo cơ hội cho những kẻ làm giàu bất chính có dịp xài phí, kiêu xa.

— Yêu cầu chính phủ có biện pháp mạnh đối với những hạng gái điếm, tận tận lương tâm, ngang nhiên làm mất quốc thể ở những nơi công cộng. Nhắc nhở họ để họ đừng bao giờ quên là rồi chiến tranh sẽ chấm dứt, binh sĩ ngoại quốc sẽ hồi hương, họ vẫn ở lại tuy đất Đất Mẹ vẫn sẵn sàng bao dung tha thứ họ, nhưng phần họ họ nghĩ sao với nếp sống buông lỏng, biếng nhác, sa đọa hiện nay họ sẽ đứng trong hàng ngũ nào của một nước VN trên đường XÂY DỰNG ?

— Yêu cầu ban kiểm duyệt, duyệt lại những sách báo, hiện hành, ngăn chặn đúng mức phong trào sáng tác theo thị hiếu thấp hèn, chiều hướng sa đọa, không tưởng,

hư tổn, hạ tiện, đưa phụ nữ, thiếu nhi và cả dân tộc đến chỗ đời bại suy vong, đề cao bằng năng, hạ thấp lý trí.

— Cử đại diện vào thành phần ban kiểm duyệt, loại trừ những văn nghệ phẩm sa đọa dưới bất cứ hình thức nào (thơ, văn, kịch, nhạc, ca vũ, điện ảnh v.v..)

— Liên lạc với các bộ Môn văn nghệ nhằm thực hiện và khuyến khích những sáng tác phẩm trong lành, tươi mát, cống hiến cho quần chúng mọi lớp những món ăn tinh thần hữu ích có dân tộc tính.

— Đặt ngay giải thưởng văn chương để gây một luồng gió mới cho đường lối sáng tác, đề cao Từ, Kiệm, Liêm, Trinh, không hạn chế số trang và thể tài.

Nếu có thể được yêu cầu chính phủ và tư nhân giúp đỡ, nhờ các đoàn thể ủng hộ cho để có thể ấn hành, phổ biến những tác phẩm ấy.

— Nói chuyện thẳng và kêu gọi lương tri các nhà văn chuyên khai thác đề tài phụ nữ một cách vô luân, nhất là những nhà văn kiêm nhà giáo mà viết văn khiêu dâm,

công nhiên mặc sát đạo đức của hạ thấp và bối nhọ ý nghĩa cao qu của ái tình, đem chuyện phòng the ra bàn mỗ như mỗ lợn.

Kính thưa quý vị, chúng tôi biết rằng đề nghị của chúng tôi có nhiều khiếm khuyết, không sát thực tế, quá lý tưởng và khó thực hành; lại có nhiều vấn đề ngoài quyền hạn của chúng tôi, đó là một vấn đề lớn, cần phải có một chương trình lâu dài, một kế hoạch chính xác, cần nhiều người tài đức, cần chính phủ giúp đỡ, cần các đoàn thể ủng hộ và cần rất nhiều cố gắng kiên nhẫn, hy sinh.

Song vì tự ái dân tộc và phẩm cách của nữ giới, lại vững tin vào truyền thống anh hùng của tiền nhân, những tiền nhân như Hưng Đạo, Quang Trung, như Trinh Nương, Hồng Thái nên chúng tôi kiên quyết thực hiện cho bằng được mục đích chính đáng của chúng tôi và tin tưởng sẽ được toàn thể quý vị cũng như đồng bào trong mọi giới tận đồng giúp đỡ để chúng tôi sớm được thành công.

Trân trọng kính chào và cảm ơn quý vị.



GIÁO LÝ CĂN BẢN

Tu mười nghiệp lành

G I Ở 1 luật tuy nhiều, song nói tóm lại thì chỉ có mười nghiệp : mà nghiệp ấy là do nơi « THÂN, MIỆNG, Ý » tạo ra.

THÂN — tạo 3 nghiệp là : giết hại, trộm cắp, và dâm dục.

MIỆNG — tạo 4 nghiệp là : láo xược, điếm đi, dâm thọc và chưởi rủa

Ý — tạo 3 nghiệp là : tham lam, nóng giận, và mê dại.

Cộng là mười nghiệp Phật tử phải tu mười nghiệp cho thanh tịnh. Trong kinh có 4 câu rằng :

« Đệ tử vốn tạo bao ác nghiệp.

Đều do vô trí tham sân si

Từ thân miệng ý phát sanh ra.

Hết thấy đệ tử xin sám hối »



Tu ba nghiệp của thân :

— Phải tránh sự giết hại dù người hay vật, ta đặt tình thương lên trên hết.

— Không được trộm cắp dù vật lớn như vàng bạc vật nhỏ như cây kim ngọn cỏ, chớ có ăn gian ăn lận, trốn thuế lậu đồ, hối lộ thụt két, đầu cơ, vận cân, bẻ móc, mua lường, bán cướp v.v...

— Cần tránh sự tà dâm, tan nhà mất mạng hỗn loạn, mất luân thường, đạo lý sanh ra chiến tranh, cũng tại tà dâm.

Tu bốn nghiệp của miệng :

— Thứ nhất không được láo xược, có nói có, không nói không, phải trái phân minh và phải giữ chữ tín làm đầu.

— Thứ hai đừng có điếm đi, giữ lời ngay thẳng chớ nịnh dục chớ thêu dệt lời nói, đừng ca những khúc tình tứ, đừng xướng những

căn phòng nguyệt, chớ sanh thói trắng hoa, mở miệng đừng nên nói những lời khiến người khác phiền muộn.

— Thứ ba đừng có đâm thọc, hề chuyện nhà ai thì mặc ai, chớ dùng hai lưỡi, đâm đường này thọc đường kia, cố tình làm ly tán kẻ khác, khiến người ta sanh cừu oán nhau.

— Thứ tư đừng có chưởi rủa vì hàng xóm không thích nghe những tiếng chưởi rủa dù là chưởi con cái trong nhà. Chúng ta nên nói những tiếng dịu dàng hiền hậu, hung dữ mắng nhiếc rủa rọp là của phường thất phu, người phật tử chớ ngậm máu phun người khác mà miệng mình dơ trước.

Thiện ác tội phước ở nơi miệng sanh ra, miệng nói điều lành là bốn đạo chánh, miệng nói điều ác là bốn điều tà. Tà phải chịu sa đọa, chánh được giải thoát, an vui. Phật tử bỏ tà theo chánh hằng ngày tụng kinh niệm Phật và nói những lời hiền. Ấy là tu cái miệng được thanh tịnh vậy.

Tu ba nghiệp của ý :

— Thứ nhất không được tham lam tài vật của người khác, không được sanh lòng ham muốn mưu mô xảo ngược đoạt lấy của người và chẳng những không tham mà phải mở lượng từ bi tu hạnh bố thí.

— Thứ hai không được nóng giận, vì nóng giận là ngọn lửa đốt cháy thân mạng của chúng ta một ngọn lửa sân si đốt cháy cả rừng công đức. Chúng ta phải dùng bình « *bất động* » mà đựng nước « *cam lồ* » để chữa lửa sân si.

— Thứ ba, đừng có mê đại, vì mê đại là tà kiến, mà tà kiến là sai lầm, khi tư tưởng sai lầm, thì không thể nào tham cứu được chân lý của vũ trụ, đâm ra ngu si không biết nhân quả, chấp lý vô thường vô ngã, ngã kiến ngã mạng, có hại mình và hại người.

Người Phật tử phải dùng trí Bát Nhã diệt trừ những sự mê đại trừ những sự mê đại.

Mười nghiệp ác đòi ra mười nghiệp thiện luôn luôn lay Phật miệng luôn luôn niệm Phật, ý luôn luôn nghĩ đến Phật. Như thế thì tội gì chẳng tiêu. Tội diệt phước sanh, căn lành thêm lớn, hoa sen chín phẩm ở LẠC BANG đang đợi chờ những người Phật tử biết tu mười điều lành.

Các nhà thông thái đang

CƯỚP QUYỀN TẠO HÓA?

Hoa-Kỳ phục vụ Khoa Học không gian

- ☉ Ngày nay, các Vệ tinh phóng vào không gian đều có nhiều lợi ích ?
- Câu chuyện Tiên ông đi mây về gió lẽ nào lại không có ?
- Nga - Mỹ — hai siêu cường quốc — đang thi nhau về địa hạt này ?

Biên khảo của **NGUYỄN-QUANG**

Ngày nay, giữa thế giới năm châu, đầu sao, vẫn chỉ có 2 siêu cường quốc Nga-Mỹ đang thi tài đầu trí về việc thám hiểm không gian là hào hứng và giá trị vô cùng.

SỐNG trong thế giới tự do, đồng bào bạn đọc cũng như chúng tôi đều chỉ thấy công tác của Hoa Kỳ, chứ lẽ nào lại có thể nghiên cứu tham khảo công tác của Nga-Sô được, để đưa ra những nhận xét chung ?

Cho nên chỉ, lấy việc thám hiểm không gian của Hoa-Kỳ một công tác vĩ đại — làm đối tượng nghiên cứu kể lại, đề cống hiến bạn đọc suy nghiệm mức tiến của khoa học ngày nay.

Một vài điển tiến của khoa học không gian :

Cuối năm 1958, sau khi Explorer I đã trở thành Vệ tinh nhân tạo đầu tiên của khoa học Hoa-Kỳ, các nhà bác học nước này lại cho phóng 300 Phi thuyền vào không gian.

Những loại Vệ tinh này phần nhiều đều được trang bị nhiều dụng cụ khoa học tối tân bay vòng quanh Qui đạo Trái đất và một vài nơi trong Qui đạo Mặt trời và, ít nhất, người ta lại còn ghi nhận rõ có 50 Vệ tinh đã liên lạc nhiều điều mới lạ các khoa học gia ngồi

trong phòng thí nghiệm dưới đất.

Vì thành công như thế, nên các khoa học gia Hoa-Kỳ đã đang xúc tiến các dự án Mercury, Gemini và Apollo để cho các phi hành gia đổ bộ lên Cung Trăng càng sớm càng hay và càng số đếm cách này.

Các tài liệu báo chí, đại khái, Sciences et Vie đã đăng hình ảnh và ghi chú những điều nhận xét của các phi hành gia, sau khi trở lại mặt đất, qua những Phi thuyền Ranger và Mariner đã chụp được.

Tuy thế, sự kiện này vẫn chưa mấy quan trọng bằng những công tác thám hiểm không gian của Hoa-Kỳ do cơ quan N.A.S.A. đã thực hiện trong vòng 5 năm lại đây.

Nhờ các nhà thông thái của 60 quốc gia hợp tác, nên có quan N.A.S.A. đã đang thu lượm được nhiều kinh nghiệm kiến thức phong phú về địa hạt không gian.

Sự thật, trước kia, khi đọc chuyện Phong Thần và nghe các cụ kể lại cuộc đời tu hành siêu nhân của Tiên ông Trần Đoàn, Phạm Viên đi thu mây về thu gió và đôi khi, lại còn hạ trần, giả làm thường dân, đã cho thuốc tiên cứu khổ nhiều bệnh nhân nan y song người thế gian đều vẫn chưa đặt trọn niềm tin về đường lối chủ trương của Lão Tử.

Song, ngày nay khi nhận thấy đầu óc các nhà thông thái sáng chế vệ tinh đã cho phóng phi thuyền lên không gian, thiên hạ mới ngả ngửa ra đó ?

Khi các phi hành gia phiêu lưu vào không gian, 8500 các tư tưởng đều có tầm quan trọng vào cuộc sống của con người bằng nhiều cuộc thí nghiệm vô tiền khoáng hậu xưa nay chưa từng có.

Công cuộc thí nghiệm thám hiểm không gian của Hoa-Kỳ ngày nay, phải chăng theo Tân ước Cựu ước, là Chúa đang làm phép lạ ?

Quả vậy ! Vì khoa học không gian của Hoa-Kỳ đang nở rộ ranh giới, trước kia, con người chưa từng mơ ước có sự việc kỳ diệu như thế, trong khi các nhà thông thái cũng đều vẫn chưa dám cướp quyền của tạo hóa.

Vì các thám hiểm gia xưa kia đã từng lên đỉnh non cao, lặn sâu tận đáy biển và ngày nay, đang lên không gian thám hiểm cung trăng, mặt trời và các hành tinh khác.

Trước đây, các nhà bác học Hoa-Kỳ đã cho các « thám tử » gan dạ nhất bay vào không gian đều do các Vệ tinh Explorer và Vanguard gồm có các Vệ tinh xử dụng như Đài Khí Tượng địa cầu vật



Lý Học bình bồng trong Quĩ đạo trái đất.

Các Đài Khí Tượng Mặt trời đều bay trong Quĩ đạo Mặt trời cũng như các Vệ tinh Alouette của Gia nã Đại, Ariete của Anh, FR-1 của Pháp và San Marcos của Ý đại Lợi đều do cơ quan N.A.S.A phóng giùm đó.

Đặc chất của loại Vệ tinh ra sao ?

Trong vòng 8 năm qua, các Vệ tinh thuộc loại Explorer đều

được phóng lên không gian kết quả.

Vệ tinh mới nhất của loại này là Vệ tinh Explorer XXXI phóng vào ngày 29-11-1965 nghĩa là sau 13 ngày phóng Explorer XXX, mang tên Vệ tinh IQSY, đã đánh dấu một bước tiến mạnh về chương trình thực hiện thám hiểm không gian của Hoa-Kỳ ngày nay đang đeo đuổi tận cùng.

Các nhà thông thái đồng ý với các nhà thiên văn học quốc tế đã đặt lại con số toán học rằng, ánh sáng Mặt trời, khi bước vào giai đoạn hoạt động của tân chu kỳ 11 năm. Vệ tinh Explorer XXX, nặng 56 kí, mang theo 13 dụng cụ để khảo cứu những luồng ánh sáng quang tuyến X và Tia ngoại tuyến do Mặt trời phát ra.

Và, chắc hẳn trong những năm tới đây, một loạt Vệ tinh Pioneer sẽ nhằm khảo sát Mặt trời một cách kỹ lưỡng hơn, đi sâu vào Qui đạo, bay chung quanh và bện sát lại gần Mặt trời, nên mới mang tên là Pioneer VI đã được phóng đi vào ngày 16-12-1966.

Vai trò của loại Vệ tinh làm sao, kể lẽ tận cùng như Vệ tinh Explorer XX phóng đi ngày 25-8-1964 vẫn còn truyền xuống những tín hiệu cho các khoa học gia nghiên cứu trong phòng thí nghiệm.

Lấy vai trò của Vệ tinh Explorer XX làm cứu cánh, các vệ tinh khác phóng lên không gian đều có nhiều sứ mạng khác nhau.

Vệ tinh Explorer XXVII, thí dụ đã đang lo họa đề toàn diện dân lực của quả đất, đề các khoa học gia tại 86 trạm (phòng điều khiển các Vệ tinh) thiết lập tại 36 quốc gia trên thế giới đều nhận được những « dữ kiện » của các Vệ tinh này.

Các nhà khoa học gia đã bền chí nhận được những mẫu nhỏ nhỏ, mới có thể đem gom lại thành những bức tranh lớn về các đám mây có điện lực của những phần tử này đều có thể công dụng như « một tấm kiếng lớn » vô tuyến điện dành cho việc truyền không cách xa và quá xa.

Công tác nghiên cứu sưu tầm khó khăn, tỉ mỉ, nhưc đầu này sẽ khó nổi thực hiện thành công, nếu không có những Vệ tinh, trước đây, đã phóng lên như Explorer XII và Explorer XVII đều cho biết chiều dài và đặc tánh không khí của quả đất.

Vệ tinh OGO-1 phóng vào ngày 4-9-1964 đã khảo sát phóng xạ của « vũ trụ tuyến ngoại từ trường » địa cầu và sự phân phối cùng tính chất khu vực vòng đai Van Allen với những việc thay đổi bất ngờ của các vùng giao liên.

Vệ tinh OGO-2, phóng ngày 14-10-1965, bay mau trong một khu vực từ 331 tới 920 cs cao độ mặt địa cầu, có bốn phận khảo sát bầu không khí của điện từ.

Việc này do 12 Đại Học đường Hoa-Kỳ đã liên tiếp thực hiện 20 cuộc thí nghiệm, kể cả 4 cơ quan của chánh phủ tham gia. Vì, nói cho đúng, các dụng cụ của Vệ tinh OGO-2 phóng lên không gian vào ngày 3-2-1966 đều có bốn phận thăm dò toàn diện Mặt trời và hướng dần 8 cuộc thí nghiệm về những việc phóng xạ của Quang tuyến X, « tia gam ma » và từ ngoại tuyến đó.

Còn các Vệ tinh khác dùng làm chi ?

Nhiều Vệ tinh khác đang bành bồng trong không gian đều nhằm thực hiện một loạt nhiệm vụ khác nhau như loại Vệ tinh Transít do Hải quân Hoa Kỳ phóng vào tháng 4 năm 1960 để cho Thủy quân biết rõ những đường hàng hải và hàng không, qua các thời tiết biến chuyển trên thế giới.

Vệ tinh khí tượng mang tên GEOS-1, phóng ngày 7-11-65, là vệ tinh duy nhất của loại vệ tinh, có bốn phận phác họa đồ của thế giới. Còn Vệ tinh GEOS-1 này là thối thân biến chế của Vệ tinh Vanguard đã phóng vào năm 1959, cho biết quả đất không toàn tròn như Gallilê đã quả quyết « trái đất luôn luôn có hình tròn » (la terre est ronde).

Ngoài ra, loại Vệ tinh Pegasus lại gồm có 3 vệ tinh, mà Vệ tinh cuối cùng đã được phóng vào ngày 30-7-1965 đang quan sát không gian, để khám phá những « Vân thạch » và những « Vân thiết ».

Nặng hơn 1.450 ký, loại Vệ tinh Pegasus II đã được hỏa tiễn khổng lồ Saturn I của Hoa Kỳ, với sức đẩy mạnh 680.000 kí, đã đưa nó vào Quỹ đạo và, lò nguyên tử SNAP IOA, phóng ngày 3-4-1965, vào Quỹ đạo theo xoay tròn với chu vi 1.300 cs.

Hiện nay trung bình nó sản xuất được 575 « oat » trên một trong lúc bay với tốc độ thật nhanh trong không gian và, ngoài ra, lại còn có thêm 4 Vệ tinh phát thanh trên những « tần số » mà các chuyên viên vô tuyến điện tài tử đều có thể theo dõi dễ dàng.

Mặt khác, Vệ tinh Oscar IV là thứ tân vệ tinh (vệ tinh mang theo máy phát thanh tài tử bay trong Quỹ đạo) đã được phóng lên không gian vào ngày 21-12-1965.

« Vệ tinh ứng dụng » lại có sứ mạng trực tiếp vào đời sống nhân loại chúng sanh, đặc biệt, cho biết những diễn biến bất ngờ của thời tiết, để con người có thể tiên liệu ngăn chống các bệnh hoạn bất ngờ xảy đến.

Những biến chuyển của không gian vũ trụ đều được 10 Vệ tinh Tiros, phóng vào Quỹ đạo, đã cho các bác sĩ y khoa đều có đủ trí thông minh cứu chữa các bệnh nhân và, như đó, phát minh các linh được cứu chúng sanh.

Vệ tinh Tiros-1, phóng vào ngày 1-4-1960, đã dùng khảo cứu và các loại khác đều cũng mặc nhiên dùng khảo cứu thời tiết nên chỉ khi Văn phòng khí tượng Hoa kỳ đòi hỏi sự giúp đỡ, cơ quan NASA lại mở rộng chương trình ngay.

Nhắc lại, trong vòng 5 năm qua đã có hơn 400.000 bức hình chụp các đám mây đều được các Vệ tinh Tiros và Nimbus — một loại Vệ tinh mới nhất — phóng vào ngày 28-8-1964, đã từ không gian loan truyền xuống thêm sứ mạng cho Vệ tinh Tiros trong việc tiên đoán thời tiết.

Nhờ đó, trong năm 1960, các trận bão tố của các miền nhiệt đới đã được các nhà khoa học cũng như các khí tượng gia đều biết hết trước cả đó. Vì mỗi Vệ tinh Tiros mang theo 2 máy vô tuyến truyền hình nhưng, một phần nhỏ, các Vệ tinh đều hướng về trái đất là Vệ tinh Nimbus nặng 337 kí, có bốn phận hướng về Trái đất, trong khi đang bay quanh Quỹ đạo 800 cs.

Loại Vệ tinh này mang theo máy chụp hình hồng ngoại tuyến đặc biệt chụp ban đêm và có thể truyền xuống trái đất độ 12.000 tấm

hình đen trắng màu trong 24 giờ để quảng cáo tin tức thời tiết đại khí tượng của Hoa-Kỳ và ngoại quốc đều hay biết trước.

Các nước có liên lạc, không nhiều thời ít, với cơ quan NASA về thời tiết như Ấn Độ, Úc, Indonesia, Cộng Hòa Á Rập Thống nhất Tây Đức, Gia nã Đại, Thụy sĩ, Đan Mạch, Pháp, Anh và Hoa Kỳ đều được cung cấp bản tin một cách hiệu quả.

Các quốc gia này mặc dầu đường hướng chánh trị kinh tế văn hóa, gần đây, khác nhau, đều vẫn đeo đuổi phục vụ khoa học không gian mà việc thành lập hệ thống điều hành Vệ tinh (TOSS) là để có những bản tin thời tiết hằng ngày.

Vệ tinh SCORE, phóng ngày 18-12-1958, lần đầu tiên, truyền đạt tiếng nói con người từ không gian xuống địa cầu và các Vệ tinh Early Bird và các Vệ tinh Syncom và Rilay. ngày nay đối với bước tiến của khoa học không gian, đều trở thành việc thông thường.

Ngày 12-8-1960, Vệ tinh Echo 1 phóng vào Quỹ đạo cao độ chừng 145 cs, là một trái cầu bằng nhôm, bơm phồng lên, đường kính rộng 30 th, chẳng mang theo một dụng cụ nào cả và, các tín hiệu vô tuyến điện dội vang trên mặt Vệ tinh, để toàn quốc Hoa Kỳ và Anh Pháp quốc đều thu nhận được.

Vệ tinh Echo II, phóng ngày 12-1-1964, vào Quỹ đạo với cao độ từ 960 tới 1.280 cs, đã chẳng đem theo dụng cụ tiếp vận các tín hiệu, cũng như Vệ tinh Echo I, các bản tin vô tuyến điện đều chiếu dội lại trên vỏ nhôm bọc ngoài và lá đồng, bơm phồng lên với 12 th đường kính,

Tuy nhiên, Vệ tinh Echo II được trang bị 2 tia sáng vô tuyến điện đều có thể truyền những tín hiệu cho biết độ nóng của các tia sáng này và của nhôm Vệ tinh.

Giữa thời gian phóng 2 Vệ tinh Echo 1 và Echo 2, người ta lại phóng lên một Vệ tinh tí hon có đường kính chỉ rộng 1 th và Vệ tinh Telstar 1 do Công ty điện tín Hoa Kỳ sản xuất, và do Cơ quan NASA phóng lên không gian vào ngày 16-7-1962, là loại Vệ tinh đầu tiên của Hoa Kỳ có tài điều hành các loại truyền không và vô tuyến

truyền hình trắng đen màu.

Nhờ chúng, việc tiếp vận những cuộc truyền thông từ Hoa Kỳ tới Âu Châu, đã ngưng hoạt động hồi tháng 1-1963, vì lý do không chịu nổi mức phóng xạ quá cao độ.

Telstar II, cũng như Telstar I, lại được bảo vệ vững vàng hơn, phóng lên không gian vào ngày 7-5-1963, ngoài việc truyền tin, tiếp vận, lại còn dùng trắc nghiệm mức phóng xạ, qua một vòng rộng lớn của vòng đai Van Allen.

Ngày 16-4-1965, bằng chứng, Vệ tinh Telstar II đã vô tuyến truyền hình trực tiếp Thế Vận Hội Đông Kinh qua Pháp và ngoài ra, việc phóng Vệ tinh Relay 1, vào ngày 13-12-1962, đã chứng minh thực hiện việc tiếp vận những tín hiệu, qua những Vệ tinh hạng nhẹ bay trong Quỹ đạo.

Đã có 500 cuộc thí nghiệm đều hoàn thành gồm có những cuộc vô tuyến truyền hình màu, không đạt vô tuyến điện thoại, trong khi loại Vệ tinh Relay 1 đang bay vòng quanh Trái đất với cao độ từ 296 đến 7.380 cs, còn Vệ tinh Relay 2, sau khi được canh cải biến chế, phóng vào Quỹ đạo ngày 21-1-1965 với cao độ từ 2.076 tới 7.370 cs.

Các nhà bác học đã làm gì ?

Mặt khác, các nhà thông thái đã đưa các loại Vệ tinh truyền tin vào Quỹ đạo, một loạt và thời gian này cũng như thời gian địa cầu hoàn thành một vòng chu kỳ, nên kết quả Vệ tinh không bay sang Đông hoặc qua Tây, vẫn giữ vững vị trí của nó trên đường xích đạo.

Giả sử, Quỹ đạo của Vệ tinh hơi nghiêng nghiêng, Vệ tinh có thể vận hành khi chệch lên Bắc, lúc chệch xuống Nam của đường xích đạo như hình cọn số 8 và nếu không bị nghiêng, nó sẽ đứng yên một chỗ tương đối với địa cầu.

Sự thật, loại Vệ tinh này lại bay mau gần 11.000 cs 1 giờ trong không gian và, ngày 14-2-1962, Vệ tinh Syncom 1 phóng vào Quỹ đạo đồng loạt song, các đồ trang bị điện tử đầu lại hư hỏng.

Ngày 26-7-1964, Vệ tinh Syncom 2, sau khi phóng lên không gian, đã lọt vào quỹ đạo hơi nghiêng, còn Syncom 3, phóng ngày 19-8-1964, đã được đưa vào quỹ đạo đồng bộ. nên Phi thuyền, vì thế đã bay rất cao trên mặt địa cầu, bởi các vệ tinh này đều ở trên cao độ 35.680 es.

Các tài liệu đều cho biết, sự lợi ích của việc phóng Vệ tinh truyền không vào các quỹ đạo đồng loạt cao là chỉ nhờ có 3 Vệ tinh đều đặt đúng vị trí, mới có thể phục vụ những nhu cầu truyền tin cho thế giới, thay vì phải tận dụng từ 20 đến 50 vệ tinh ở cao độ thấp hơn.

Một điểm lợi khác nữa, cần nói ra, khi phóng các vệ tinh đồng bộ đơn thuần, sẽ cung cấp những dịch vụ truyền tin liên tục cả ngày, nghĩa là trong ngày không ngưng.

Các hệ thống ở cao độ thấp hơn như các vệ tinh Relay đều đòi hỏi có nhiều trạm quan sát ở địa cầu theo dõi chúng, khi chúng bay ngang qua và trạm này phải thay thế trạm kia, mỗi khi Vệ tinh biến dạng dưới bình địa tuyến.

Vệ tinh Syncom 3, nặng 68 kí, nối liền Á châu với Hoa kỳ tiếp nhận ngay, dùng chuyên đạt các cuộc điện đàm, các buổi phát thanh vô tuyến điện, những thông điệp đánh đi bằng viễn ấn và các chuyên bản của những bức hình và tài liệu.

Bay trong khoảng nửa đường, giữa Úc đại lợi và Hạ uy đi, trên Thái bình Dương, vệ tinh Syncom 3 đã thực hiện được nhiều cuộc truyền thông liên lạc giữa trạm California (Hoa kỳ) và các trạm ở Viễn Đông nhưng, trong khi ấy, vệ tinh Syncom 2 đã ở trong quỹ đạo tại trên miền duyên hải Đại Tây Dương thuộc nước Ba Tây.

Đã có hằng trăm cuộc thí nghiệm về truyền thông đều được các chuyên viên dẫn vào Vệ tinh Syncom 2 tại Bắc và Nam Mỹ châu và tại Phi châu nữa. Các vị nguyên thủ quốc gia Nigeria và Hoa kỳ, nhờ thế, đã điện đàm qua sự tiếp vận của loại vệ tinh này và, trong

một cuộc họp báo, các câu hỏi và các câu trả lời đều được nhờ Vệ tinh Syncom 2, giữa các ký giả ở Âu châu và Hoa kỳ đó.

Còn loại Vệ tinh Early Bird là thứ vệ tinh thương mại đầu tiên của thế giới vì, với loại vệ tinh này, các vệ tinh truyền thông đã trải qua nhiều cuộc thử nghiệm tới việc ứng dụng thực tiễn.

Sau khi phóng lên quỹ đạo đồng bộ không thay đổi và trên cao độ tương tự như các vệ tinh Syncom, trên Nam Đại Tây Dương, vệ tinh Early Bird đã truyền xuống chương trình vô tuyến truyền hình đầu tiên, sau khi phóng vào ngày 6-4-65.

Ngày nay, việc nối liền Đ.N.Á với Bắc và Nam Mỹ, loại vệ tinh Early Bird nặng 38 kí, là một Tổng đài đầy đủ khả năng tiếp vận 240 cuộc vô tuyến điện đàm cùng một lúc cần nói rõ thêm, loại vệ tinh này lại có thể truyền tin tức, điện tín và cả việc truyền đạt hình ảnh nữa.

Bay trên cao miền duyên hải nước Ba Tây, Vệ tinh Early Bird lại còn có thể giúp cho các khán thính giả vô tuyến truyền hình tại Hoa kỳ, Già nã Đại, Mễ tây Cơ, Thụy sĩ và các đô thị lớn ở Âu châu và, người ta có thể xem rõ hình ảnh các bác sĩ y khoa đang giải phẫu bệnh nhân tại các đại bệnh viện, nghĩa là nó có thể cho bà con thế giới đều thấy và nghe những điều mới lạ xảy ra.

Với cái đà tiến hóa về khoa học không gian của Cơ quan NASA, trong tương lai, sẽ còn có lắm điều phát minh mới lạ huyền diệu khác, để đi đến việc cướp quyền Tạo hóa.

Ngày 25-8-1965, TT Lyndon B. Johnson đã đồng ý chấp thuận các nguyên tắc để các khoa học gia sớm thực hiện dự án M.O.L. với ngân khoản 1.500.000.000 đô la với mục đích thiết lập một phòng thí nghiệm trong Quỹ đạo do con người điều khiển.

Nếu chương trình này thành công, năm 1968, Hoa kỳ sẽ có một phi hành đoàn gồm 2 phi hành gia đều sẽ thực nghiệm những cuộc bay thí nghiệm, trong khi đang bay vào Quỹ đạo không gian.

Dự án phóng 2 phi hành gia Hoa Kỳ lái Phi thuyền MOL bay lên không gian sẽ bình bằng như một căn nhà nhỏ dài 12 th. rộng 3 th, chẳng khác nào một căn nhà nổi trên mặt nước biển bị sóng xao.

Tham nhập Qui đạo :

Sau khi tiến lọt vào Qui đạo, các phi hành gia đều sẽ lột bỏ y phục phi hành ra, nghỉ ngơi, tập luyện, ăn ngủ và hướng dẫn những cuộc thí nghiệm về mã, nhiếp ảnh và ghi chép những điều mắt thấy tai nghe, trong thời gian 1 tháng (30 ngày).

Thực hiện những điều trên xong, các phi hành gia đều sẽ trở vào ngồi trong một đầu Phi thuyền Gemini, rời bỏ Phi thuyền MOL, rồi lại trở về trái đất an toàn.

Về loại Vệ tinh Explorer Vô tuyến Điện Thiên Văn học (RAE) thuộc Cơ quan NASA sẽ thực hiện vào năm 1967, để giúp đỡ các nhà thiên văn học dễ dàng thu thập được một bức họa đồ về tín hiệu vô tuyến của «thiên hà» chúng ta bằng những «tần số» mà, từ trước tới nay, vẫn chưa thu thập ở dưới địa cầu.

Loại Vệ tinh RAE, tựa như một hệ thống trụ tuyến cao 450 th, sẽ bay vòng quanh địa cầu ở cao độ 6.000 cs, có thể ghi nhận đầy đủ các tín hiệu vô tuyến điện mà hiện nay đang bị ngăn chặn bởi «khí quyển».

Năm nay (1966), Cơ quan NASA đang dự định phóng Vệ tinh đầu tiên trong số 5 Vệ tinh Kỹ thuật Ứng dụng. (ATS) nhằm khảo cứu các phương pháp cải thiện những Vệ tinh truyền thông, khí tượng và còn thăm dò không gian nữa.

Qua các cuộc trắc nghiệm của loại Vệ tinh ATS, các bác sĩ phi hành gia Hoa kỳ và Đồng minh đều đang nuôi dưỡng hy vọng, làm sao các vệ tinh đều sẽ có thể trực tiếp truyền hình tới các máy vô tuyến truyền hình của các tư gia và các Vệ tinh đều có thể tự động báo cáo thời tiết thay đổi, ngày cũng như đêm, khắp nơi thế giới.

Ngoài ra, các loại Vệ tinh, bất luận loại nào, đều sẽ có sứ mạng giúp đỡ đời sống nhân loại về đủ phương diện, để bảo toàn đời sống và mạng sống con người ?

Sau khi đồng bào bạn đọc tìm hiểu qua sứ mạng của các loại Vệ tinh do Cơ sở NASA Hoa kỳ phát minh, đều không khỏi không vui mừng hơn hớn. Vì đường lối của việc phát minh các Vệ tinh nhằm phục vụ hòa bình và bảo vệ sức khỏe con người, lẽ nào, nhân thế lại không hoan nghênh hay sao ?

Song, thế nhân chỉ thắc mắc hoài nghi một điều, vì xưa nay, các nhà thông thái đều không chịu giữ vụn lời nguyên, nghĩa là họ nói rất ôn hòa nhưng, việc làm của họ lại thực hành một lối khác ?

Giữa lúc khoa học đang tiến bước mạnh, quốc gia VN cũng là một quốc gia có 4.000 năm văn hiến, có tên tuổi trên bản đồ thế giới, lại vẫn còn nghèo, còn khổ và còn họa chiến tranh mà các nhà thông thái đều vẫn chưa nhìn đến, phải chăng, là một điều phủ phàng ?

NGUYỄN QUANG

(Viết theo tài liệu các tạp chí khoa học)



DIỄN ĐÀN TĂNG SINH

mục này đón nhận và đăng tải
ý nguyện của giới tăng sinh
L.T.S

Tuổi trẻ

Tuổi trẻ được nhiều người thích và cũng có một số người chán ghét.

Mến thích vì nó có một quả tim bằng lửa, luôn sục sôi, tay nó là chiếc búa đe dành đập nát bức tường bất công và ô trọc, mắt nó là văng-dương. đe soi thấu mọi u-tối, gian manh, miệng nó là chiếc máy phóng thanh, sẵn sàng nói, dám nói những gì mà tuổi nó thích hay không thích. Nhìn vào nó lúc nào cũng thấy căng đầy nhựa sống, nó luôn vươn lên, vươn lên để vượt mọi cam go, dù đi đến thành công hay thất bại.

— Tuổi trẻ

Là những vần thơ tuyệt kỹ, là những nét họa tuyệt mỹ, là những tiếng nhạc tuyệt trần, là nét đẹp siêu nhân là những đóa hoa có thừa hương nhụy.

Tuổi trẻ

Mặc dù ngây dại, nhưng tâm hồn nó, trong hơn ngọc, trắng hơn ngà. Vì thế nên nó cũng dễ bị ngã sa hoặc bị đường đời cám dỗ. Tuy thế, nhưng nó không bao giờ biết chán, vì tuổi nó không cho nó chán. Và nó cũng dễ đáp nên những đoạn đường cách mạng, là vì tuổi nó không cho phép nó cố chấp.

Chán ghét: Vì tuổi trẻ thích hoạt động ư nghịch ngợm, không hay cúi lòn, hoặc thỉnh thoảng bị một số ít trong hàng tuổi trẻ xấc láo với bậc tuổi tác và còn một vài nguyên nhân không đâu, khiến cho tuổi trẻ bị bỏ rơi hoặc bị hiểu lầm.

Nhưng ghét thương chẳng thành đe. Tuổi trẻ vẫn là tuổi trẻ,

ai mến thích tuổi trẻ sẽ được tuổi trẻ hộ trì, vì tuổi trẻ là rường cột của Quốc gia dân tộc.

— Nhà gãy cột nhà tan

— Tuổi trẻ không hợp đoàn nước mất

Đạo giáo cũng thế.

Tuổi trẻ là tuổi mở đường mai thế hệ. Chỉ có một điều là đường ấy tốt đẹp, hay tối tăm. Nếu tối tăm ai là người chịu trách nhiệm ? KHÔNG — Tuổi trẻ là kẻ thừa hành, là đoàn người chỉ biết thực hiện.

Tất cả trách nhiệm đều quy vào các bậc tiền bối.

— Giáo bất nghiêm sư chi đạo.

— Con ngã ngang cha mẹ chịu tù (không tù thể xác thì tù tâm linh)

Sự quan trọng và trách nhiệm của giới trẻ là vậy, nhưng giới trẻ thường bị những cặp mắt bàng quan nhìn nó. Giới trẻ tự đặt câu hỏi — Rồi đây tương lai chúng ta về đâu ? ai là người chỉ lối và thương-hiếu lo lắng cho chúng ta ? — Vẫn biết lời Phật dạy «Hãy tự đốt đuốc đi mà đi» nhưng làm gì được siêu Việt như thế và ca dao lại có câu : «Không thầy đố mày làm nên» vì thế nên giới trẻ băng khoăn,

Đời thường chú trọng và chỉ biết dùng tre mà không muốn dưỡng măng, hoặc có dùng măng thì chỉ dùng vào việc kho nấu hay làm đệm lót đường, thay vì chờ đợi để ngày kia làm rường cột.

Xưa kia Trần quốc Toản được mời vào hội nghị Diên Hồng thì ngày nay giới trẻ bị đuổi ra khỏi đại hội. Xưa kia lúc thịnh yên Cam-La được mời tham khảo binh thư thì ngày nay giới trẻ chỉ bị gọi kêu, trong lúc nguy cơ gấp rút.

Ồi chẳng biết nó có tội tình gì, hay tiền khiên túc trái gì ? Mà nó phải chịu ném qua biết bao mùi cay đắng.

Tuổi trẻ đang đợi một bàn tay cứu tinh, đốt lên ngọn đuốc soi đường để giúp nó đi đến đích chọn như mà lòng nó đang mong ước. Đường mai thế hệ đang bị nghẽn lối. Nó đang mong cầu bậc cứu tinh của nó chóng tai qua nạn khỏi để mở cánh cửa cho nó đi. Nếu rủi bậc cứu tinh của nó có mệnh hệ gì thì than ôi đời chúng nó sẽ bị bao nhiêu sự hắt hủi, dồn dập đuổi xuôi. Nó đang khóc tủi và nguyện cầu được nhiều người hiền thương nó điều dắt chúng nó và nó tin tưởng bàn tay cứu tinh sẽ về với chúng nó không xa.

THÔNG BƯU

lật trang sử cũ

(NGÀY PHÁP NẠN 20 8-63)

• Giáo sư Nguyễn-bình-Tuyên

KHÔNG biết vô tình hỡi hữu ý, tức trái hay tiền duyên tạp chí An-Lạc lại chào đời đúng vào đầu tháng 8. Nhắc tới tháng 8, đồng bào Phật tử Việt Nam không ai quên được ngày đau buồn của dân tộc, ngày kỷ niệm đạo pháp bị... Hai mươi tháng 8-1963. Đã ba năm rồi... Ba năm thấm thoát, lòng người Phật Tử tuy cố hết sức lãng quên, cời mờ tất cả quên bản ngã, quên dĩ vãng, nhưng mỗi lần nhắc đến tháng 8... như nhắc lại thuở nào, những ngày tào bạo của bầy ác quỷ, nhất là những khi đi qua đường Thanh Quan, đường Phan thanh Giản, đường Sư Vạn Hạnh ngã tư Phan đình Phùng, Lê văn Duyệt cũng như khi qua đường Trần quốc Toản ngày nay, người ta nhớ mãi bộ mặt hiu quạnh của các ngôi chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang trong thời Pháp nạn năm xưa...

Người ta cũng không thể nào quên được thời tranh đấu năm ấy... mà toàn dân đều đặt mình dưới sự... lãnh đạo của chư tăng... Người ta nói rằng, vì hết thất bại này, qua thất bại khác của các đảng phái, và những người yêu nước không chịu cúi đầu làm nô lệ cho bè lũ độc tài khát máu, tay sai cuối cùng của thực dân Pháp.

Nên trong sự vùng dậy của Phật giáo, tất cả mọi người đều hưởng ứng... nhất là cuộc tranh đấu, vô ngã bất bạo động, chư tăng đều tự mình nhận chịu mọi hy sinh, đảm nhận hết mọi tai nạn có thể xảy ra, tránh mọi, đồ vô nguy hiểm cho đồng bào Phật tử... Sự đấu tranh vô ngã này, kèm theo bao nhiêu gương tự thiêu cao quý đã làm cho hoàn cầu phải chấn động... Từ 15 tháng tư âm lịch ngày Phật đản 2507 cuộc đấu tranh khai mào từ Huế, rồi chuyển vào Saigon, khắp toàn quốc đấu đấu cũng nổi lên phong trào chống đối. Cuộc đấu tranh

ở Saigon đột khởi một cách vô cùng mãnh liệt sau khi hòa thượng Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư Phan đình Phùng - Lê văn Duyệt... không những toàn thể nhân dân Việt Nam mà cả thế giới đều xúc động trước việc tự thiêu của ngài... Người ta nhớ mãi... khi chính quyền nhượng bộ cho đám tang của Ngài được cử hành và được hỏa táng theo nghi thức nhà Phật, trái tim của Ngài bất diệt dù sức nóng hơn 3000 độ, cả thế giới lại thêm một lần xúc động, và chùa Xá Lợi càng thêm nhiệm mầu của đức tin vô úy... Cứ chiều thứ bảy và sáng chủ nhật, không kể là sinh viên, học sinh tri thức hay lao động, công chức hay tư nhân, người ta cứ ồ ồ kéo đến chùa Xá Lợi để nghe mấy thầy thuyết pháp. Những tiếng nói hiền từ nhưng quả cảm của quý thầy trước mấy vị âm nhất là tiếng của thầy Giác Đức khiến tư đảng xa người ta đã lấy làm thích thú... được nghe tất cả những uất hận trong 8 năm trời, của thời Bao Ngổ như đã được phơi bày trong tiếng nói vô úy của quý vị thượng tọa, đại đức...



Phật giáo đồ không đòi hỏi gì nhiều, chỉ đưa ra 4 nguyện vọng đòi hỏi tự do tín ngưỡng, đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, đòi hỏi trừng trị những kẻ sát nhân.

Chính quyền không thỏa mãn...

Phật giáo tiếp tục tranh đấu, tiếp tục tổ chức các cuộc biểu tình bất bạo động...

Cuộc đấu tranh càng tiếp diễn, bạo quyền Ngô đình Diệm mỗi ngày càng thêm mất uy tín. Quốc tế ghê tởm... và phái người sang điều tra... Báo chí quốc tế, thấy những sự bất bình... huyết tính vì dân trừ bạo, dù ở góc bể ven trời nào cũng tìm cách mô tả sang Việt Nam để hiểu rõ tình hình. Mỗi một cuộc biểu tình của Phật giáo đều có thông tin viên ngoại quốc những nhà quay phim tài tình bám sát cho tới khi Công An Cảnh Sát tới giải tán bằng dùi cui, bằng lựu đạn, bằng mọi hình thức bạo tàn... Khiến người ta nhớ lại những hình thức độc ác của thời thực dân trước đây...

Người ta nghĩ lại Ngô đình Diệm, tay sai củ của Thực dân, dân đã dùng tất cả cái bạo tàn, cái vô nhân đạo của thực dân để thống trị miền Nam thân yêu này, khi thực dân lui gót.

Người ta cũng nghĩ lại tới hành động đi lên của bọn người vong bản, tới những giờ phút đau thương của dân tộc vẫn mơ giấc mơ đoàn kết, nói lên sự thành tâm hợp tác với kẻ bạo để mong được hưởng chút cơm thừa canh cặn nào, rồi đến khi Phật giáo đấu tranh khi thấy bạo quyền chằm tan vỡ, lại chỉ hỏi: «Sao không tự thiêu nữa đi, phải tổ chức nhiều cuộc tự thiêu thì chúng nó mới chóng đổ», Việc tự thiêu có phải dễ đâu, chúng ta hãy thử đổ « xăng » vào bật lửa, một tí « xăng » tràn ra bên ngoài, khi bật lên lơ lửng vào tay, chúng ta còn hết hoảng lẫn vẫy sợ bóng, và sợ cháy lây đến áo quần.

Sau những con người đó, những con buôn chính trị đó, không tự mình hy sinh, mà cứ đòi hỏi những sự tự thiêu, thương tâm và đầy đạo hạnh ấy của người khác... để chờ đến lúc có kết quả thì lại thi nhau xưng mình đối lập nhậy vô chính quyền để lại bóc lột nhân

dân và lo bề ần cấp... Cuộc đấu tranh của Phật giáo thật là gay go và phức tạp... Nhưng trước một đại nghĩa... Chỉ có thể tiến chứ không có lùi... Sự tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức và nhiều ngọn lửa nối tiếp đã làm cho trong và ngoài nước người người đều sáng mắt.

Đại đức Thích Quảng Hương, trước tòa Tỉnh Trưởng Phan Thiết ngày 4-8-1963, thanh niên tăng ni nốt gót hòa thượng Quảng Đức đem nhục thân làm ngọn đuốc soi cõi vô minh.

Rồi tiếp theo là Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại chùa Phước Duyên Huế đêm 12-8-1963.

Ni cô Diệu Quang, cũng noi gương các bậc thầy đem ngọn đuốc thắp huy tinh thần dân tộc và bảo vệ đạo pháp trước mọi tàn bạo của bọn vong bản đương nằm quyền thống trị...

Thượng Tọa Tiêu Diệu 71 tuổi, cùng góp nhục thân vào cuộc đấu tranh, và đã tự thiêu tại chùa Từ Đàm Huế ngày 16-8-1963. Trước những lớp người chết cũng không chịu chùn bước, bạo quyền họ Ngô vẫn không hối ngộ Họ đã dự tính làm một cuộc tàn sát các

nơi đáng tin cậy

THANH-HẢI

**Bán đồ phụ tùng Lambretta, Vespa
và Sachs, Mobylette**

Số 210, Đường Thám — SAIGON

Nguyễn-văn-Hải

tăng ni, một đêm Saint Barthélemy ở Việt Nam, cho nhân dân biết oai quyền của họ. Họ đã diệt được Cao đài, họ đã diệt được Hòa Hảo, lẽ nào Phật giáo một khối người không có một tấc sắt trong tay, chỉ có thể xả thân cứu thế chứ không bao giờ biết chém giết, dù là con vật thì có gì họ đáng sợ...

Họ chắc nắm trong tay, diệt xong Phật giáo chuyển này thì tác hết mầm chống đối... Họ dự tính đã lâu, chỉ chờ có cơ hội thuận tiện. Ngày nay Phật giáo mở màn đấu tranh, họ cho là thời cơ đã tới... Tuy vậy, họ vẫn còn e dè, sợ quốc tế dị nghị. Hành động của họ chắc chắn sẽ bị đồng minh chê cười và có gì đã hơn hơn giữa thế kỷ thứ hai mươi này, lại tái diễn hành động kỷ thị tôn giáo. Vụ Saint Barthélemy xảy ra năm 1572, sau lễ tân hôn của Hoàng thân Henri de Navarre lấy công chúa Marguerite chị em với nhà Charles IX nước Pháp. Chỉ vì một người dân bà, nhà vua hạ lệnh giết hết giáo đồ Tin lành. Vụ tàn sát dã man này, là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại. Có lẽ Trần lệ Xuân cũng muốn làm như Hoàng Hậu Catherine de Medicis. Đêm 20-8, tất cả các chùa trong thành phố đều bị bao vây... Bao nhiêu Tăng ni ở các chùa Xá lợi, Giác minh, Ấn quang và khắp toàn quốc đều bị bắt hết. Tại chùa Xá lợi các vị Thượng tọa Đại đức đã được mật báo từ trước. Các ngài bắt các Phật tử đêm ấy, ai ai cũng phải về nhà, không được ở chùa e gặp hiểm họa, về phần các ngài, các ngài không một ai chịu trốn tránh. Các ngài sẵn sàng chịu đựng mọi thử thách...

Đêm hôm ấy thật là một đêm kinh hoàng... Các vị Thượng tọa và Đại đức tham thiền chờ đợi, thì tiếng lựu đạn, tiếng liên thanh rầm rầm nổ dưới nhà... các Ngài biết có biến liền tụ hội tất cả trước Phật điện. Sự chống cự hầu như không có... Bọn ác quỷ thả hổ vào lục soát hồ hết... Trước mặt vợ chồng Ngô đình Nhu thị sát, bọn Cảnh sát công an và lực lượng đặc biệt, thả hổ khoe tài khuyển mã. Họ đâm đánh tăng ni... đủ hình thức mọi rợ được thi hành Hòa thượng Tăng Thông bị đầy ngá, mặt mũi sưng húp...

Nào đã thế mà thôi, bao nhiêu tiền bạc trong chùa, của thập phương cúng tiến, tượng vàng tượng bạc, kim cương gắn trên trán Phật cũng đều bị chúng lột hết: đồ dùng của quý thầy cũng bị chúng vét cho dây túi tham.

Bao nhiêu hành động bỉ ổi của chúng, các nữ sinh lưu trữ trường Gia long đều trông thấy rõ ràng...

Chùa Ấn quang, chùa Giác minh và các chùa trong toàn quốc

cũng không kém phần tàn bạo... Chúng còn mang thêm tran, súng lừng vào chùa Ân quang nói rằng chư tăng âm mưu làm loạn, chư tăng là Cộng sản...

Dân chúng quanh chùa sau khi biết chùa có biến không tài nào cứu ứng kịp, và có muốn cứu cũng không biết cứu cách nào, chỉ có nước mắt ràn rụa, rủa thăm quân khát máu...

Sáng hôm sau, tiếng tăm xa gần đồn đại... Bao nhiêu tăng ni trong đô thành Saigon đều bị bắt hầu hết. Phở xá từ hôm sau trở đi không còn có bóng dáng một vị Tăng nào nữa.

Nhìn vào mắt mọi người, ai ai cũng cảm thấy lòng như thốn thức, muốn kêu trời cho thấu.

Người ta còn nhớ lại giữa cái mùa Pháp nạn này, còn có truyện nước thiêng của Phật bà xuất hiện...

Người ta chiều chiều, còn đứng lại xem mặt trời quay, mặt trời dương một biển thành hai, như nhảy múa...

Bao nhiêu truyện trong mùa Pháp nạn 1963.

Ba năm đã qua rồi... ba anh em họ Ngô, tiền rừng bạc bể, giàu sang hồng hách nhất nước, lúc chết thật đã tui nhục u buồn... đến nỗi mảnh đất chôn không xong. Tội ác cùng tột đến nỗi ở đâu cũng sợ dân chúng đào lên bầm dâm mồ mả.

Ba năm đã qua... Bởi đồng tro tàn, gọi niềm sầu hận có ích gì đâu. Nhưng tấm gương muôn thuở cũng nên đề cho đời soi chung. Vết bánh xe cũ đã đồ. Hỏi ai muốn đi theo đề mà làm gì?

KHỐC CỤ NGUYỄN-HẢI-THẦN

Mấy chục năm dư biệt Nhị Nùng
Giờ đây non nước khóc anh hùng
Giấc hồ vơ vẩn tình sông núi
Đất khách - mơ màng móng kiếm cung
Quạnh - quẽ sương pha gầy vóc hận
Chờ chiều trắng vãi lạnh hồn trung
Bạc đầu mưu quốc lòng chưa toại
Sanh tử than ôi oán mấy trùng !

MINH HIỀN

bỏ mộng Quan - Trường

TRẦN Cao Sơn là một thanh niên tuấn tú, con nhà khoa hoạn, quê tại Thái Nguyên. Lúc chàng 16 tuổi, song thân qua đời đi sâu lại, đất ruộng mệnh-mông, bạc vàng vô số. Tánh chàng rất hiếu hiệp, thường cứu giúp những người gặp phải tai nạn bất kể người ấy là quen thân hay. Thiên tánh chàng lại thông minh, học một biết mười. Cầm, kỳ, thi, họa cũng chẳng lạ lùng ai.

Thật là : (Thông minh vốn sẵn tư tài,
(Pha nghề thi họa đủ nuôi ca ngâm.)

Cao Sơn lắm lúc muốn đem tài học của mình ra để làm bước tiến thân, nhưng vì việc nhà đa đoan, nên đến 22 tuổi mà vẫn còn là bạch-diện thu-sinh.

Bình nhật chàng thường nghĩ : (Người đời như bóng câu qua cửa sổ. Nay ta không lo lập công danh với đời, thì còn chờ ngày nào nữa kia ! Huống lại mùa Xuân năm nay, nhằm khoa Hương thí, ta nên nhân cơ hội này về Kinh ứng thí, và du Xuân luôn thể, như tài của ta lấy Thủ Khoa như thỏ tay vào túi.)

Một hôm nhằm ngày Mồng 8 TẾT năm Bính Ngọ. Cúng lễ tổ tiên xong rồi, Cao Sơn gọi bọn gia đình dặn dò mọi việc đồng bãi ruộng nương và cũng không quên nhắc : hái hoa Hiên phơi khô, đào Khoai Môn mức bột. Còn việc nhà cửa nhờ có bà chị ruột và ông anh rể xem sóc dùm cho. Mọi việc thu xếp đầu đầy an bài, chọn một tên gia đồng lanh lẹ và một con danh mã. Bãi từ anh chị, thầy trò lên ngựa thẳng tới Trường An.

*Đề huê gió túi trắng lưng,
Xuân quang rực rỡ bội phần xanh tươi.
Thong dong một ngựa đôi người,
Nơi sông như vẽ đang cười sắc vui.*

Một buổi chiều, thầy trò Cao Sơn đi ngang qua LOA THÀNH là nơi (có đô của Vua Thục An Dương Vương.) Chàng thấy cảnh vật tiêu điều, dấu xưa chỉ còn lại mấy cây trụ với mòn nát dưới bóng hoàng hôn với một bãi trâu đương ăn cỏ bãi mấy ngọn cỏ non còn sót lại trước khi Mưa : đông thục dục lửa về chuông. Xúc cảnh sinh tình, chàng bèn ngâm mấy câu :

*Loa Thành dấu cũ còn đây !
Triệu Đà quý kẻ ngày nay đâu rồi ?
Ngàn năm nghiệp cả buông trôi,
Sử xanh đề lại mấy hồi tang thương.
Ai ơi ! định Bà đồ Vương,
Giòng sông trôi với Tà dương một chiều.*

Tên gia đồng nghe thầy ngâm nga mấy câu, bỗng thở ra một tiếng, rồi đọc :
*Công danh phú quý mà chi !
Anh hùng sự nghiệp mãi ghi đời đời,
Làm không được thế, thì thôi,
Cửa Thiên thanh tịnh thành thời thánh ngày.
Coi trần nhiều rủi ít may,
Ngọt ngon một miếng, dần cay muôn trùng.*

Trời đã tối, thầy trò vào xóm kiếm nơi an nghỉ. Bỗng thấy một rúp lều trệt dóm vào trong xóm có vẻ trang nghiêm, sạch sẽ. Chàng đến xin vào tá túc một đêm

Một hương hỏa từ trong nhà bước ra hỏi rước vào mời ngồi, chàng ngồi một chỗ thấy cô con gái từ nhà sau bước ra, chào và mời khách. Chàng liếc thấy nàng ấy thiên kiều bách mị, thanh xuân độ ngoài 2 tám. Thoạt trông thấy chàng đã đem lòng mến ái cô gái ấy ngay.

Chàng yên lặng suy nghĩ : Không biết có phải con ông già này không, và đã có đôi bạn chưa. Nếu ta cưới được cô này, thì có phúc biết mấy !

«Người đầu gặp gỡ làm chi !

Trăm năm biết có duyên gì hay không ?»

Trẻ nước xong, ông lão hỏi thăm chàng từ đâu đến và tôn tánh quý danh ? Chàng đem hết gia thế sự nghiệp kể cho ông nghe một hồi, sẵn trốn đánh bạo hỏi lén hỏi ai chưa có gia thất hay sao. Nên nhà vắng người như thế ?

Ông già nghe chàng kể liền nói : Ở tề ra Công tử là giòng giống quý tộc, tội nghiệp chưa, mới bấy nhiêu tuổi mà đã có đơn ?

Thấy ông ăn căn và lời nói có cảm tình, chàng liếc mạng xin kết hôn với cô.

Ông lão này cũng lạ thật ! Chưa biết đầu rau cuối mâm của anh này ra sao cả... mà đã đem con hứa gả. Được lời như cởi tắc lòng, chàng liền sụp xuống lạy ông già hai lạy, rồi cúi chiếc nhẫn kim cương dương đeo trong ngón tay ra cung kính dâng ông và nói :

Tiện tề xin gởi vật mọn này làm chút của tin. Ông liếc gọi con gái lên ra mắt chàng. Nàng từ nhà sau bước ra. Ông chỉ chàng và nói :

Cha đã hứa gả con cho Công tử đây, là Trần Cao Sơn, con quan cố Tuần Phủ ở tỉnh Thái Nguyên. Chàng có trao chiếc nhẫn này, con hãy cất làm của tin. Nàng đưa tay trần trọng cảm lấy vật ấy đeo vào ngón tay mình, kể đó nàng rút cái trâm trên đầu tóc của nàng đưa cho chàng để làm tín vật.

Ông lão nói : Công tử đi chuyến này là có ý lập công danh. Đi thì cứ đi, nhưng theo ý lão thiết tưởng ;

(Công danh sự nghiệp dở ỉ này chẳng qua một giấc mộng mùa Xuân (mà dù đời nào cũng thế) trăm năm rồi cũng hóa ra một đám cỏ bên lề đường. Đời chi có nhơn nghĩa đạo đức là trường tồn, ánh hồn mình mãi phảng phất trên chốn không trung để giúp đời cứu vật. Nói là nói thế thôi, Công tử cứ việc đi lo lập công danh đến ngày thành tựu trở về đây lo lễ Vu quy.)

Trò chuyện một hồi, gả gáy chàng vội vã bái từ Nhạc phụ và vị hôn thê, thảy trò lừa ngựa tìm lối đường quan lộ.

Đau đớn thay lúc nhân kỳ !

Tình kia duyên nợ dốc ghi tắc lòng.

Nhệ nhân vớ ngựa hời Xuân,

Gian sơn một bước nửa mừng nửa lo.

Đi đường chàng càng nghĩ càng buồn cười cho ông lão lừa thần, đã đem con gái gả cho mình, lẽ ra ông phải cầu cho chàng rể thì cứ đồ đạc, động che cho mình sung sướng về vãng, có sao lại bảo : (Phụ quý nhứt trường Xuân mộng) khuyên mình không nên lập công danh với đời là nghĩa lý gì ! Thời ta vãi Phật Trời hội này cho lạy Thủ Khoa, vinh quy bái Tò, rồi làm lễ nghênh hôn cho ông biết !

Một hôm thầy trò Cao Sơn đi đến Đồng Anh. Bỗng thấy cờ xí tợp trời, trống chiêng inh-ỏi, bên đường, những vị phụ lão mặc áo rộng xanh, vòng tay cuối đầu đứng khép nép. Hồi lâu, thấy mấy chú lính khiêng chiếc võng điều đi tới, hai bên bỏ màn kín mít, lại có một tốp người, kẻ cầm lọng che cho chiếc võng điều ấy, người bưng tráp hình chữ nhật, kẻ bưng đĩa dóm chạy lúp xúp theo hai bên cạnh võng. Đó toàn là lính mặc một sắc phục : Nón gõ ao cụt xanh đỏ viền kẹp nép chung quanh. Rồi còn một đám

theo hầu sau, khăn áo chỉnh tề, uy nghi ra phết. Đám ấy lại là các quan hầu cận. Một tốp lính nạt đường đi đầu tiên, cho neo nhả nhà đều đóng cửa, chỗ không dám sủa. Những người bộ hành và dân làm ruộng ngoài đồng, kiếm nơi nấp trốn không ai dám bén mảng cách sau và trước đó cả một dặm đường.

Hỏi ra mới biết đây là quan Thừa Tướng đương kim đi du Xuân. Cảnh ư Xuân của bọn quan liêu tức bấy giờ khiến cho thầy trò Cao Sơn ngậm ngùi vui sướng hai cái lý tưởng khác hẳn nhau. Thầy thì nghĩ :

Làm quan mà (vị cực nhưn thần) nó về vang biết mấy ! Còn trò thì lại nghĩ : Làm quan cho lớn chẳng sướng ích gì. Ra đường che bát bưng, người ta theo kèm sau trước và hai bên, không khác gì lính dẫn tù đi đây, tiếng rảng du Xuân, mà nào thấy gì Xuân. Nằm trong vốn đã khổ, còn nhơn dân ở ngoài lại khổ cả trăm phần. Sách vở thường nói : nhứt niên hi kế tại ư Xuân, giờ đây dân phải trốn chơi trốn nhui, sấp cửa nhốt chó, bỏ cả ăn làm. Mỗi lần quan đi chơi rồi đi về, ít lắm cũng mười ngày, thì chết mọ thẳng đốn. Nào đốn, nào rước, nào chưng bần bái hạ như nhà Vua. Nhơn dân ta than rủa sả đây cũng đủ chết. Nếu nhà vua cho ta cái chức này, ta cũng chẳng thèm.

Lúc bấy giờ, thầy trò chàng cũng nấp trong bụi tre xa xa dọn ra độ từ giờ thìn đến giờ ngọ thì đoàn người đó mới dứt.

Lên ngựa chàng nói với tiểu đồng : Làm quan oai phong nhĩ vị như thế đó mới đáng công ăn học !

Tiểu đồng thưa : Theo ý con thấy nghĩ về ấy thêm hại dân hai nước, chớ có ích lợi gì đâu !

Chàng nói : Con không biết, đời phải có tôn ty thượng hạ, có mình quá lương tề mới an dân giữ nước được.

Thưa cậu : Thế thì nước ta có Vua sáng tôi hiền phải không cậu ?

Nước nào lại chẳng có, chàng trả lời lại.

Tiểu đồng lại hỏi : Thế thì nước mình không ưa Vua hiền tôi ngay sao ?

— Sao lại không ưa.

Thưa cậu ! Từ ngày con lớn lên đến nay, con nghe đã ba bốn ông Vua rồi. Con nghe ông này tốt lắm, lui dùi ít lâu nhào xuống, ông khác lên nói ông kia xấu, ông này đây mới thật tốt, rồi ít lâu lại thấy nhào xuống, cứ lên lên xuống xuống mãi, thành ra ông nào cũng xấu, ông này đây thì chưa biết ra sao, đề mần mùa ông rồi mới biết hà cậu.

Chốn Kinh Kỳ rất nên nóng nực ! Nam thanh nữ tử rong chơi rộn rịp đầy đường. Thật là : (ngựa xe như nước, áo quần như nêm !)

Cảnh tượng vui tươi khiến cho lòng chàng càng thêm rộn rục. Chàng tính đi ta dạo chơi khắp cả thành nội thành ngoại, trở lại nạp quyền, ôn bài vở đợi đến kỳ vào ứng thí.

Một hôm chiều trời quang rạng, gió Xuân phất phất đưa thầy trò chàng đi một nơi ngoại ô cách thành ngoại chừng ba bốn dặm, mần xem cánh vật bồng đầu trời lại phoi phoi mấy hạt mưa Xuân. Cảnh lạ đường xa, đồng không mông quạnh, bức màn đen từ từ rủ xuống trùm cả không gian. Thầy trò phải rẽ vào lối xóm tìm nơi trú ngụ. Bỗng thấy một căn nhà tranh có ngọn đèn dầu leo lét, dõm vào thấy một ông lão đang điệu nhơ nhả, râu tóc bạc phơ đương ngồi xem sách. Chàng liền bước tới gõ cửa. Nghe tiếng cộp cộp, ông vội bước ra mở cửa mời vào. Mời ngồi hỏi thăm quê quán, đi đâu lạc lối đến đây ?

Chàng thấy ông lão nghi biểu phi phàm xá một cái đùng kính lại ngồi ghé ngồi kể hết chuyện mình, vì đi xem phong cảnh rồi gặp mưa và tối, đường sá lạ lẫm, xin lão gia cho tá túc một đêm.

Ông lão nghe vui vẻ nói : Nhà này chỉ có mình lão không người phụ độ trà nước. Nếu Công tử có khát nước, hãy bảo chú nhỏ kia ra sau lấy lều xơi, chẳng nên khách sáo.

Thưa Lão Bà, sao lại ở mỗi một mình, đêm hôm đông tình mới làm thế này !

Ông lão trả lời : Nói ra e quý khách sợ. Tôi nguyên là Thượng Thợ hồi tiền triều. Lúc bấy giờ triều chánh mục nát. Vua chẳng ra Vua, tôi chẳng ra tôi, các quan từ trong triều đến ngoài quận kết phe đảng với nhau reo tào tặc họa hãm hại lương dân dè dặt của đất lốt. Nhân dân đồ thần, chết đói đầy đường, mạng người còn thua loài thú vật. Đứng trước thảm họa của quốc dân, một mình không thể vãn hồi được tình thế, nên đã dõng ba phen, lão xin từ chức mà trên Thánh Thượng và dưới dân thần nhất định không cho. Lão nghĩ lại, mình làm cha mẹ của dân, mà ngồi xem thảm cảnh này sao đành tốt hơn mượn cớ được quyền sanh ngoắt đến ơn đất nước. Không ngờ xuống cõi âm ty, Vua Diêm Vương kẻ tra sổ sách phán rằng :

Lão chưa tới số chết, cho quý sư đưa về dưỡng tiếp tục làm rồi nhiệm vụ. Lão nhất định không nghe, lạy xin ở lại dưới này làm ma còn khỏe hơn.

Buộc lòng Diêm Đế phải chịu. Xét lại đời làm quan của lão trong bạc nhiều năm biết thương dân thương nước, vả lại không ăn hối lộ, nên phong lão làm Thần tại xứ này để chiêu hồi những âm hồn phiêu bạc về một chỗ an cư lạc nghiệp làm ăn, vì thế mà lão ở đây một mình.

Cao Sơn hỏi : Thưa, đã làm Thần thì có miếu vũ, chứ sao lại ở trong túp lều tranh thế này ?

Thần trả lời : Vì tánh tôi không ưa phiền phức. Lại gì, nhơn tình thế thái, Công tử cũng đã chán biết ! Trên thế gian ưa hối lộ. Hễ thấy có miếu thì đem hoa quả hình oản tới lo lót cầu quan, cầu tài cầu tự. Mấy chuyện ấy không cần phải cầu, hễ ăn ở hiền lành, thì Phật Trời ban phúc cho. Đàng này cứ dè dặt cầu xin, mà cho vay ăn lời cái cớ, tham lam sân si, Thần nào cho những người nh : thế này ! Vả lại có muốn cho cũng không được với luật trời.

Lão ở nơi này thanh tịnh, lương đủ sống, cần gì ăn của ai ! Khoẻ hơn ở nhân thế nhiều.

Dứt câu chuyện thì gà đã gáy. Trần sinh xin lạy từ. Đi ra một dõng đường ngoặt lại thì là một bãi tha ma.

(Người trung nghĩa thanh liêm, chết cũng vẫn giữ căn bản bất di bất dịch. Người đời ai ai cũng được như ông ấy, thì có lo gì dân nghèo nước yếu !)

Hôm ấy khoa trường đã mở. Đến ngày treo bản, rõ ràng chàng đỗ Thũ-Khoa. Vinh quí bái tổ, bái thánh trở về Kinh nhậm chức.

Trên đường về về vang biết mấy ! cờ lọng phất phới, chiêng trống rùm ben. Ngang qua làng của vị hôn thê, chàng ghé vào thăm và xin ngày làm lễ thành hôn.

Tìm vào chẳng thấy nhà cửa đâu cả, chỉ một vùng nghĩa địa. Hỏi thăm lối xóm mới hay : Đây là một ngôi mã của cha con ông lão nọ, bị giặc giả lâu năm không thấy bà con đắp diêm, những người trong xứ ấy, mỗi năm hai lần chung tiền nhau sắm lễ vật ra cúng và giã dập cả xứ nghĩa địa ấy.

Chàng nghe nói tháo mũ hỡi, mua hương vàng lễ bái than khóc một hồi. Vì nhà cũng Tò tiền và làng nước xong.

Một đêm chàng mộng thấy ông lão nhạc phụ của chàng về nói :

• Đời chẳng có gì tồn tại. Công Hầu Khanh tướng hay là làm đến vị Đế vương mà không có nhơn nghĩa đạo đức cũng không làm gì ! Con gái tôi nó đã đi tu rồi, nhân cho chàng hay. »

Từ đây, mộng quan trường của chàng chấm dứt. Giao hết gia tài cho anh chị vào núi tu luyện. Tên gia đồng cũng theo thầy tu luôn.

(Có lẽ ông Thũ Khoa này thành một vị thánh nhân cứu dân lúc tiền triều đổ (chăng ?)

ĐỌC SỐ 3

những bài có giá trị.

việt-nam ân nhân của mỹ

• THÔNG BÙU

hòa bình lý tưởng

• THIẾU SƠN

bướm bay vườn cải hoa vàng

• NHẤT HẠNH

báo hiếu

• HẠNH CƠ

quê hương mùa thu

• MẪN HƯƠNG

giữ đất

• TRẦN TUẤN KIẾT

hẹn ngày giờ gặp nhau

• NGUYỄN QUANG

vấn đề kinh tế việt nam

• NGUYỄN BÌNH TUYẾN

tình sông nghĩa biển

• TRỤ VŨ

nhớ đất

• THÙY DƯƠNG TỬ

VĨNH - HƯƠNG

368 Lê văn Duyệt Hòa Hưng SAIGON

BÁNH CƯỚI : đủ loại, trang nhã, lịch sự, đầy đủ phương tiện để đưa đến nhà gái.

BÁNH TRUNG THU : thơm ngon, tinh khiết, giá đặc biệt dành cho các cơ quan đoàn thể quân dân chính.

Nhà bánh ngọt được tín nhiệm nhất

★ Xin lỗi cùng quý vị khách hàng đang quảng cáo trên An Lạc. Vì nhiều bài cần đăng chúng tôi xin gác quảng cáo lại

Ai ĐAU KHỔ VÌ BỆNH TRỊ ?
hên uống

**TRƯỜNG
PHONG**
trị lâu hoàn

TRỊ NỘI VÀ NGOẠI TRỊ
BỆNH MẠCH LƯƠN

KỶ THAI

SỐ
57

VÕ VĂN VÂN
DƯỢC HANG

62 LÝ THƯỜNG KIỆT
BÌNH DƯƠNG



P. THẮNG

* Y UET 153/15-1-63

Hỏi các Hiệu Thuốc Bắc Gia 30²

LƯU Ý

Chùa Quán Thế Âm không cử
ai đi Lạc quyên

Mặc dù chương-trình xây cất
còn đang tiến hành

- ★ Ngân phiếu xin gửi : Ông Trần Thượng H
- 68 Nguyễn Huệ Phú Nhuận.
- ★ Thư Từ, bài vở gửi về ông Thùy Dương